

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THỦ ĐỨC



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2024



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ-KỸ THUẬT THỦ ĐỨC

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2024

NỘI DUNG CHÍNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
CÁC TỪ VIẾT TẮT

Bộ LĐTB-XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
BGH	Ban giám hiệu
QTTB	Quản trị thiết bị
TCKT	Tài chính - kế toán
CTHSSV- QHXN	Công tác Học sinh sinh viên - Quan hệ xí nghiệp
HSSV	Học sinh sinh viên
CB	Cán bộ
VC	Viên chức
GV	Giảng viên
NV	Nhân viên
CSVC	Cơ sở vật chất
Tp. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
ĐTCN	Điện tử công nghiệp
QĐ	Quyết định
SC	Sơ cấp
TC	Trung cấp
CĐ	Cao đẳng
CNTT	Công nghệ thông tin
TDTT	Thẻ dực thể thao
CTĐT	Chương trình đào tạo

MỤC LỤC

TT	TÊN ĐỀ MỤC	Trang
	DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	
PHẦN I	GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1	Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
2	Thông tin khái quát về Khoa Điện tử	12
3	Thông tin về Chương trình đào tạo	14
PHẦN II	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	22
1	Tổng quan chung	22
1.1	Căn cứ tự đánh giá	22
1.2	Mục đích tự đánh giá	22
1.3	Yêu cầu tự đánh giá	23
1.4	Phương pháp tự đánh giá	23
1.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	23
2	Tự đánh giá	24
2.1	<i>Tổng hợp kết quả tự đánh giá</i>	24
2.2	<i>Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn</i>	32
	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	32
	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	37
	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	46
	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	56
	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	69
	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	87
	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	93
PHẦN III	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	109
PHẦN IV	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	109
	PHỤ LỤC	111
Phụ lục 1.	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp	111
Phụ lục 2.	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp	115
Phụ lục 3.	Bảng mã minh chứng	122

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, KHOA/ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Thông tin chung

- Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THỦ ĐỨC

- Tên tiếng Anh: THU DUC COLLEGE OF ECONOMICS AND TECHNOLOGY

- Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ trường:

+ Trụ sở chính: Số 17 đường số 08 phường Linh chiểu, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

+ Phòng Giới thiệu việc làm : Kiot số 6, 281 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

- Số điện thoại: (028) 3966.888

- Số Fax: (028) 3966.888

- Email: caodangthuduc@ctd.edu.vn

- Website: <http://www.ctd.edu.vn>

- Năm thành lập trường:

Năm thành lập đầu tiên: Tháng 10/1985.

Năm nâng cấp thành trường: Ngày 26 tháng 6 năm 2015 được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Thủ Đức theo Quyết định số 885/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Loại hình trường: Công lập ; Tư thực

1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức tiền thân là Trung tâm Dạy nghề Huyện Thủ Đức được thành lập năm 1985. Năm 1997, Ủy ban nhân dân Quận Thủ Đức Quyết định đổi thành trung tâm dạy nghề Quận Thủ Đức. Ngày 14 tháng 3 năm 2003, UBND TP. Hồ Chí Minh đã ký Quyết định thành lập Trường Kỹ thuật Công nghiệp Thủ Đức. Ngày 09 tháng 8 năm 2007, UBND TP. Hồ Chí Minh đã ký Quyết định thành lập Trường Trung cấp nghề Thủ Đức. Ngày 26 tháng 6 năm 2015, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định thành lập Trường Cao đẳng nghề Thủ Đức. Ngày 18 tháng 7 năm 2017, Trường nhận Quyết định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cho phép đổi tên trường thành

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật Thủ Đức, chính thức ghi nhận giai đoạn phát triển mới của Nhà trường với mục tiêu đào tạo đa ngành, đa nghề và theo định hướng xây dựng trường nghề chất lượng cao.

Các dấu mốc pháp lý về việc hình thành trường:

Năm 1985: Quyết định số: 972/QĐ-UB ngày 31/10/1985 của UBND Huyện Thủ Đức về việc thành lập Trung tâm Dạy nghề Huyện Thủ Đức.

Năm 1997: Quyết định số: 749/QĐ-UB ngày 16/12/1997 của UBND Quận Thủ Đức về việc thành lập Trung tâm Dạy nghề Quận Thủ Đức.

Năm 2003: Quyết định số: 961/QĐ-UB ngày 14/03/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường Kỹ thuật Công nghiệp Thủ Đức.

Năm 2007: Quyết định số: 3603/QĐ-UB ngày 09/08/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường Trung cấp nghề Thủ Đức.

Năm 2015: Quyết định số: 885/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/6/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Thủ Đức.

Năm 2017: Quyết định số: 1150/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Thủ Đức thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật Thủ Đức.

Mục tiêu phát triển xây dựng Trường trong thời gian tới trở thành trường chất lượng cao, có ngành nghề trọng điểm cấp độ Quốc gia và khu vực Asean, đào tạo đa ngành nghề, đa cấp trình độ; Trường không ngừng phấn đấu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho Tp.HCM và các tỉnh thành lân cận, các tỉnh thành trong cả nước, góp phần thiết thực vào sự nghiệp Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập Quốc tế.

*** Thành tích đã đạt của trường**

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2010)

Huân chương lao động hạng 3 của Chủ tịch nước trao tặng (năm 2014)

Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh các năm 2010 -2013

Giải nhì hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2013

Giải 3 hội giảng giáo viên dạy nghề cấp toàn quốc năm 2015

Giải Nhất hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2016

Giải khuyến khích Hội giảng Nhà giáo GDNN toàn quốc năm 2018

01 giải Nhì, 01 giải Ba Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Thành phố năm 2019

Giải Nhất hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019;

Tập thể Lao động xuất sắc từ năm 2016 - 2020

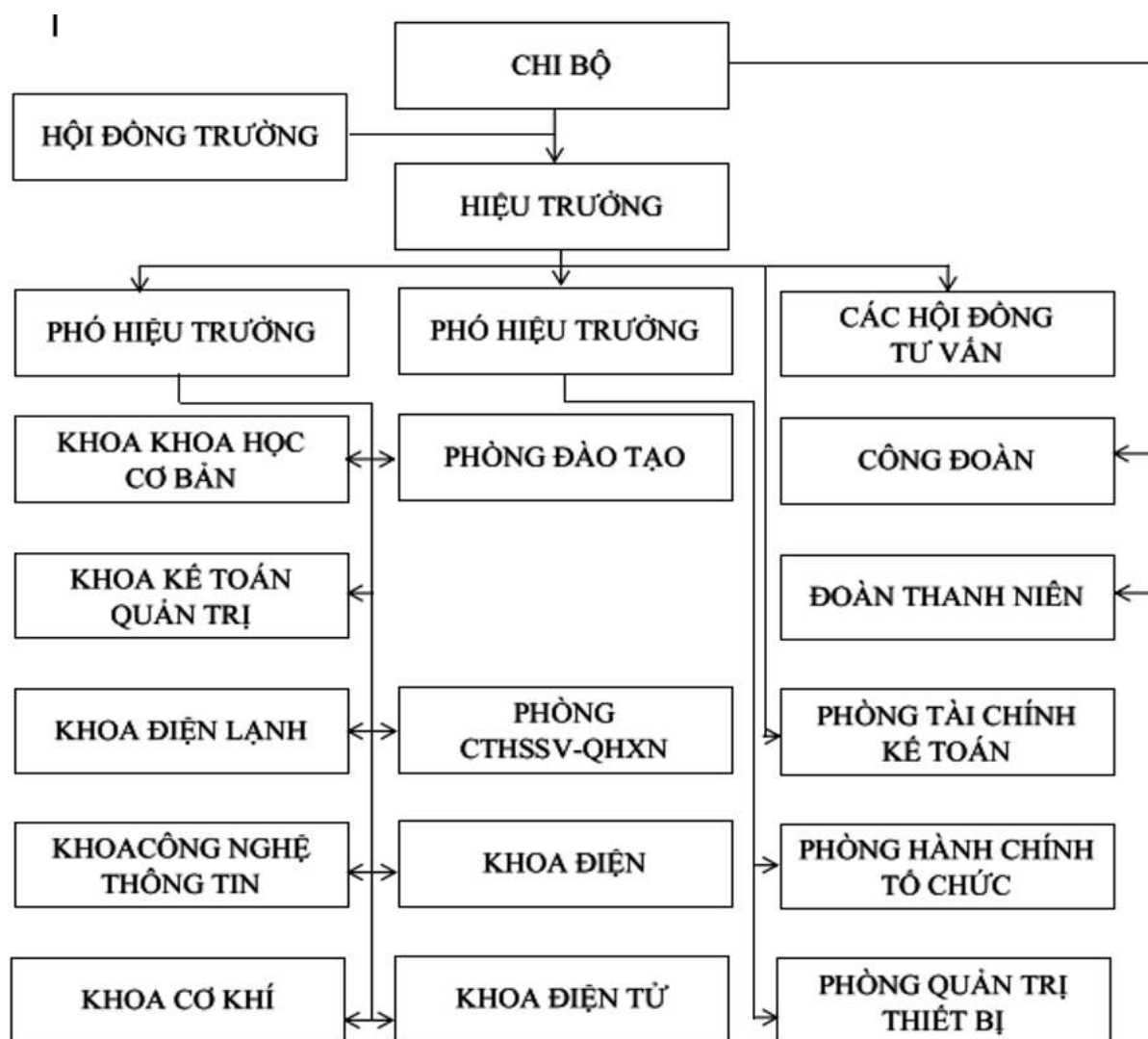
Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2018, 2020)

Giải Nhì Hội giảng Nhà giáo GDNN cấp Thành phố năm 2020

Giải Ba Hội giảng Nhà giáo GDNN cấp Thành phố năm 2023

1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường

1.3.1. Cơ cấu tổ chức:



1.3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường (Các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trường).

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Lê Thị Ngọc Thuận	1979	Thạc sỹ	P. Hiệu trưởng Phụ trách trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
	Bùi Đăng Linh	1976	Thạc sỹ	P. Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Chi bộ	Lê Thị Ngọc Thuần	1979	Thạc sỹ	Phó Bí thư
Công Đoàn	Nguyễn Hoàng Minh	1975	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Vũ Tiến Bảo Đăng	1991	Thạc sỹ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng Hành chính- Tổ chức	Dương Giang Minh Tâm	1979	Kỹ sư	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Thi Công Lớn	1970	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QTTB	Nguyễn Hoàng Minh	1975	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tài vụ				
Phòng CTHS - QHXN	Trần Thanh Hiệp	1975	Kỹ sư	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa Khoa học cơ bản	Triệu Thị Tuyết Linh	1981	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Điện	Trương Anh Kiệt	1982	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa công nghệ thông tin	Nguyễn Thành Nam	1982	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa Điện lạnh	Lê Thanh Phong	1982	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Kế Toán - Quản trị	Đỗ Thị Lệ Khánh	1981	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Nguyễn Tấn Vinh Quang	1983	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa Điện tử	Lê Thị Thu Lãnh	1982	Thạc sỹ	Trưởng khoa
5. Trưởng các đơn vị trực thuộc (Trung tâm, Thư viện ...)				

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Trung tâm giới thiệu việc làm	Trần Thanh Hiệp	1975	Đại học	Trưởng TT
Thư Viện	Đỗ Thị Thuý	1983	Đại học	Trưởng TV

1.3.3. Tổng số cán bộ, giảng viên, giáo viên của trường: 83

- Nam: 45

- Nữ: 38

1.3.4. Đội ngũ giảng viên giáo viên: 69

- Cơ hữu: 55

- Thỉnh giảng : 14

Giảng viên, giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	17	9	26
Đại học	16	13	29
Đang học đại học	0	0	
Cao đẳng	0	0	
Trung cấp	0	0	
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	
Trình độ khác	0	0	
Tổng số	33	22	55

1.4. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường

1.4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

Số TT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Điện công nghiệp	6520227	40	Cao đẳng
		5520227	90	Trung cấp

2	Cắt gọt kim loại	6520121	35	Cao đẳng
		5520121	70	Trung cấp
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	Cao đẳng
		5520205	35	Trung cấp
4	Điện tử công nghiệp	6520225	40	Cao đẳng
		5520225	90	Trung cấp
5	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	20	Cao đẳng
		5480102	20	Trung cấp
6	Kế toán doanh nghiệp	6340302	25	Cao đẳng
		5340302	40	Trung cấp
7	Thiết kế đồ họa	6210402	20	Cao đẳng
		5210402	40	Trung cấp
8	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	6340417	20	Cao đẳng
		5340417	20	Trung cấp

1.4.2. Số lượng HSSV nghề Điện tử công nghiệp quy đổi (số liệu 3 năm trước năm kiểm định)

Trình độ đào tạo	Năm		
	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Cao đẳng	12	30	29
2. Trung cấp	79	97	132
Tổng cộng	91	127	162

1.5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

1.5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất: 16.718 m², trong đó:
 - + Diện tích xây dựng: 5.055,94 m²
 - + Diện tích cây xanh, lưu không: 11.662,06 m²

1.5.2. Diện tích hạng mục và công trình

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng	
				Diện tích (m ²)	Thời gian hoàn thành
1	Khu hiệu bộ		560		
2	Phòng học lý thuyết		2458		
3	Xưởng thực hành		8380		
4	Khu phục vụ				
4.1	<i>Thư viện</i>		312		
4.2	<i>Ký túc xá</i>		737		
4.3	<i>Nhà ăn</i>		500		
4.4	<i>Trạm y tế</i>		28		
4.5	<i>Khu thể thao</i>		462		
5	Khác				
5.1	Bãi xe		462,5		
5.2	Đất giao thông + sân		8260		
5.3	Cây xanh		2050		
5.4	Trạm điện		86,5		
	Tổng		24251		

1.5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 3.469 cuốn

Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 2.177 cuốn

1.5.4. Tổng số máy tính của trường: 222 máy

- Dùng cho văn phòng: 29 máy

- Dùng cho học sinh học tập: 193 máy

1.5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2021 : 14.621.981.000 đ

- Năm 2022: 19.755.733.000 đ

- Năm 2023: 20.254.013.000 đ

2. Thông Tin Khái Quát Về Khoa Điện Tử

2.1 Thông tin khái quát

- Tên khoa: Khoa Điện Tử
- Email: khoadientu@ctd.edu.vn

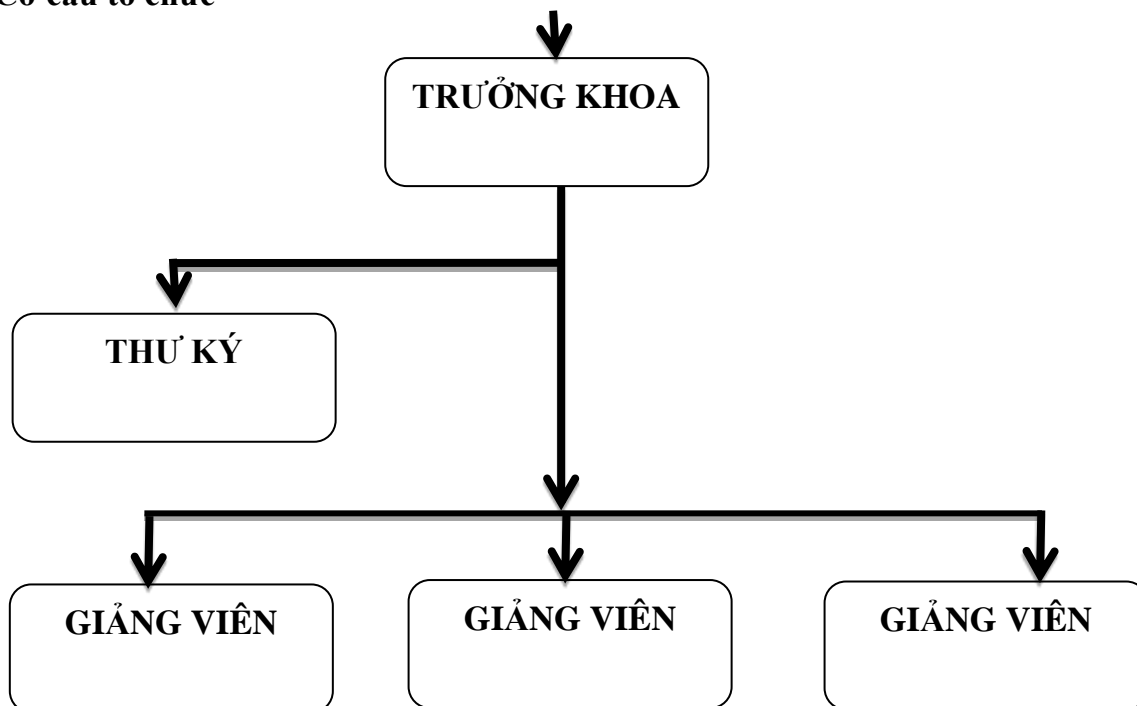
2.2. Lịch sử phát triển

Khoa Điện tử (ĐT) trước đây là Khoa Cơ khí - Điện tử được thành lập năm 2013. Tháng 08 năm 2016, Khoa Điện tử được thành lập trên cơ sở tách tổ điện tử từ khoa Cơ khí-Điện tử ra thành một khoa gọi là khoa Điện tử, có chức năng đào tạo nghề Điện tử công nghiệp theo nhu cầu xã hội và thị trường lao động, nhằm góp phần cho nhà trường cung ứng nguồn lao động có tay nghề cho các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố và các khu công nghiệp trên địa bàn lân cận thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương....

- Khoa Điện tử Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức được thành lập theo quyết định số 91/QĐ-CDNTĐ của Hiệu Trưởng trường Cao Đẳng Nghề Thủ Đức nay là trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức, khoa có 4 giảng viên cơ hữu và 1 lãnh đạo khoa (Trưởng khoa).

- Ngày 06 tháng 10 năm 2016 Hiệu Trưởng trường Cao Đẳng Nghề Thủ Đức nay là trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức đã bổ nhiệm bà Lê Thị Thu Lãnh giữ nhiệm vụ Phụ trách Khoa Điện Tử theo quyết định số 129/QĐ-CDNTĐ

2.3. Cơ cấu tổ chức



2.4. Thành tích nổi bật:

Năm	Thành tích
2017	Bằng khen Tập thể lao động Xuất sắc của UBND Thành phố
2018	Giải ba kỳ thi tay nghề trẻ cấp thành phố nghề điện tử Giải khuyến khích Hội giảng Nhà giáo GDNN toàn Quốc Bằng khen Tập thể lao động Xuất sắc của UBND Thành phố
2019	Bằng khen Tập thể lao động Xuất sắc của UBND Thành phố
2020	Bằng khen Tập thể lao động Xuất sắc của UBND Thành phố
2021	Bằng khen Tập thể lao động Xuất sắc của UBND Thành phố
2022	Bằng khen Tập thể lao động Xuất sắc của Trường

3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo quyết định số 106/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức)

Tên ngành, nghề: Điện tử công nghiệp

Mã ngành, nghề: 6520225

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO :

1.1 Mục tiêu chung:

- Học nghề Điện Tử Công Nghiệp trình độ cao đẳng, người học được đào tạo thành người kỹ thuật viên chuyên ngành điện tử; có khả năng tự tìm hiểu, thích nghi và đáp ứng được các yêu cầu trong môi trường làm việc có liên quan đến chuyên ngành điện tử. Có kiến thức nền tảng để học tập nâng cao trình độ chuyên ngành. Có khả năng sáng tạo, thiết kế được các mạch điện thay thế phục vụ cho công việc, ngành nghề.

- Có khả năng làm việc theo nhóm, có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động; Có khả năng giao tiếp với khách hàng để hướng dẫn, mô tả các thông tin về sản phẩm, thiết bị liên quan đến nghề. Có khả năng sáng tạo, tự tổ chức công việc hợp lý với ngành, nghề để mang lại hiệu quả cao.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các quy định, tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật của nghề;
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong công việc;
- + Giải thích được các định luật trong lĩnh vực điện, điện tử, nguyên lý của các thiết bị điện tử và máy điện;
- + Phân tích được các hiện tượng hư hỏng trong lĩnh vực điện tử công nghiệp;
- + Phân tích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng và thông số kỹ thuật của các linh kiện điện tử, điện tử công suất;
- + Giải thích được nguyên lý hoạt động của các linh kiện, thiết bị tương tự, số;
- + Giải thích được nguyên lý hoạt động của các mạch điện thông dụng;
- + Phân tích được các chương trình cơ bản cho PLC, vi điều khiển;
- + Phân tích được sơ đồ mạch điện, điện tử, sơ đồ thi công, lắp ráp thiết bị;
- + Trình bày được quy trình thi công board mạch in từ sơ đồ nguyên lý;

- + Trình bày được cấu tạo, nguyên lí hoạt động của các dây chuyền sản xuất công nghiệp;
 - + Phân tích được nguyên lí hoạt động của các mạch điện, các thiết bị điện tử phục vụ thiết kế, kiểm tra, sửa chữa;
 - + Hiểu được phương pháp thiết kế mạch điện, mạch điện tử ứng dụng đáp ứng yêu cầu công việc;
 - + Nêu được tầm quan trọng của công nghệ Internet of Thing (IoT) và công nghiệp 4.0 đối với lĩnh vực điện tử công nghiệp;
 - + Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
- Kỹ năng:
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ của nghề Điện tử công nghiệp;
 - + Đọc được các bản vẽ kỹ thuật trong lĩnh vực điện tử công nghiệp (bản vẽ chi tiết, bản vẽ sơ đồ lắp, bản vẽ sơ đồ nguyên lý);
 - + Vận hành được các thiết bị điện, điện tử trong dây chuyền công nghiệp;
 - + Lắp đặt, kết nối được các thiết bị điện tử trong dây chuyền công nghiệp;
 - + Bảo trì, sửa chữa được các thiết bị điện tử theo yêu cầu công việc;
 - + Thiết kế và thực hiện được mạch điện thay thế, mạch điện ứng dụng;
 - + Lập trình được cho vi điều khiển, PLC trong các ứng dụng cụ thể;
 - + Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành điện tử công nghiệp;
 - + Kết nối được các thiết bị truyền thông có dây và không dây, kết nối mạng Modbus, Mạng AS-i, Mạng Industrial Ethernet;
 - + Xác định, xử lý được các sự cố mạng truyền thông công nghiệp thông thường;
 - + Bảo dưỡng được robot trong công nghiệp;
 - + Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
 - + Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.2 Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh;
- + Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Điện tử công nghiệp;

- + Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;
 - + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
 - + Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật, yêu nghề; có kiến thức bảo vệ môi trường, cộng đồng của một công dân sống trong xã hội công nghiệp; lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;
 - + Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề mới trong lĩnh vực Điện tử công nghiệp;
 - + Năng động, tự tin, cầu tiến trong công việc, hợp tác, thân thiện, khiêm tốn trong các quan hệ;
 - + Tự chịu trách nhiệm về chất lượng công việc, sản phẩm do mình đảm nhiệm theo các tiêu chuẩn và trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của tổ, nhóm;
 - + Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;
 - + Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.
- + Sau khi tốt nghiệp có khả năng tự tìm việc làm và tạo việc làm cho người khác hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Thể chất và quốc phòng:

- + Đủ sức khoẻ theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
- + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- + Lắp ráp sản phẩm điện - điện tử;
- + Vận hành các thiết bị điện, điện tử;
- + Lắp đặt, kết nối các thiết bị điện tử;
- + Bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị điện tử;
- + Sửa chữa các thiết bị điện tử;
- + Kinh doanh, dịch vụ thiết bị điện tử.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 34
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 104 Tín chỉ, 2358 giờ.
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, môđun chuyên môn: 1923 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 794 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1461 giờ ; Kiểm tra: 103 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	85	1923	637	1206	80
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	21	401	174	206	21
MH 07	An toàn lao động	2	30	15	13	2
MH 08	Cơ sở kỹ thuật điện	3	45	30	12	3
MH 09	Vẽ điện	2	30	20	8	2
MĐ 10	Đo lường điện	2	44	15	27	2
MĐ 11	Điện tử cơ bản	3	60	20	37	3
MĐ 12	Điện cơ bản	3	60	20	37	3
MĐ 13	Máy điện 1	3	72	30	40	2
MĐ 14	Trang bị điện 1	3	60	24	32	4

II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	64	1522	463	1000	59
MĐ 15	Điện tử nâng cao	3	76	22	51	3
MH 16	Tiếng anh chuyên ngành	2	45	15	28	2
MĐ 17	Thiết kế mạch bằng máy tính	3	76	22	51	3
MĐ 18	Kỹ thuật cảm biến	3	76	22	51	3
MĐ 19	Điện tử công suất	3	60	20	37	3
MĐ 20	Kỹ thuật xung - số	3	76	22	51	3
MĐ 21	Điện khí nén	3	72	30	40	2
MĐ 22	Lập trình căn bản	2	44	12	30	2
MĐ 23	PLC cơ bản	4	88	30	56	2
MĐ 24	Vi điều khiển	4	92	25	63	4
MĐ 25	Robot Công nghiệp 1	3	76	22	51	3
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	6	225	15	205	5
MĐ 27	Điện tử ứng dụng	3	60	18	39	3
MĐ 28	Vi mạch số lập trình	4	92	40	48	4
MĐ 29	PLC nâng cao	3	60	30	28	2
MĐ 30	Vi điều khiển nâng cao	4	92	32	56	4
MĐ 31	Rô bốt công nghiệp 2	4	92	35	53	4
MĐ 32	Mạng truyền thông công nghiệp	3	60	27	30	3
MH 33	Marketing	2	30	15	13	2
MĐ 34	Đồ án thiết kế mạch	2	30	9	19	2
	Tổng cộng	104	2358	794	1461	103

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động- Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/Ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng được bố trí giảng dạy trong 5 học kỳ, thời gian học mỗi học kỳ là 16 tuần, trong đó có thực tập doanh nghiệp 8 tuần,

việc triển khai thực tập doanh nghiệp được bố trí cùng một thời điểm. Các môn học/mô đun trong chương trình được phân bố thời gian, trình tự đảm bảo sinh viên tích lũy và tăng dần trình độ kiến thức và kỹ năng theo từng học kỳ, năm học nhằm đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam (8 bậc). Tùy theo tình hình thực tế Nhà trường, các hoạt động ngoại khóa được bố trí hợp lý trong từng học kỳ.

4.3 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo chi tiết.

4.4 Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng cao đẳng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định của trường.

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định của trường.

3.4 Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

Kế hoạch, số lượng tuyển sinh hàng năm

TT	Khóa học	Bậc	SL tuyển sinh		Tỷ lệ (%)
			Kế hoạch	Thực tế	
1.	Năm 2022	Cao đẳng	40	30	75,0
		Trung cấp	70	48	68,6
2.	Năm 2023	Cao đẳng	40	32	80,0
		Trung cấp	90	82	91,1
3.	Năm 2024	Cao đẳng	40	25	62,5
		Trung cấp	90	72	80,0
TỔNG CỘNG			370	289	78,1

Tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm

TT	Khóa học	Bậc	Sĩ số mở lớp	Sĩ số tốt nghiệp	Tỷ lệ (%)
1.	Năm 2022	Cao đẳng	00	00	00,0
		Trung cấp	45	31	68,9
2.	Năm 2023	Cao đẳng	30	27	90,0
		Trung cấp	42	36	85,7
3.	Năm 2024	Cao đẳng	32	24	75
		Trung cấp	48	38	79,2
TỔNG CỘNG			197	156	79,2

3.5. Đội ngũ giảng viên

Tổng số: 11 người, trong đó:

- Nam: 08

- Nữ: 03

- Cơ hữu: 05

- Thỉnh giảng: 06

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	00	00	00
Thạc sĩ	04	03	07
Đại học	04	00	04
Cao đẳng	00	00	00
Tổng số	08	03	11

3.6. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Trường có số lượng các phòng học, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và quy mô đào tạo của nghề.

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Văn phòng	m2	40	
2	Phòng thực hành Điện tử số B2.10	m2	80	
3	Phòng thực hành Điện tử tương tự B2.9	m2	80	
4	Phòng thực hành thiết kế mạch in – Vi điều khiển B2.7	m2	120	
5	Phòng thực hành Điện tử công suất B2.6	m2	120	
6	Phòng thực hành Cảm Biến - Đo lường B 2.5	m2	80	

Bên cạnh đó các phòng học lý thuyết, phòng máy tính và xưởng thực hành của các khoa khác cũng phục vụ đáp ứng qui mô đào tạo cũng như chương trình đào tạo của Khoa Điện tử. Ví dụ như các phòng học và các xưởng thực hành của Khoa Điện, khoa CNTT... cũng được sử dụng vào mục đích phục vụ cho giảng dạy và học tập cho nghề Điện tử công nghiệp.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Công tác tự đánh giá của Trường Cao Đẳng Kinh - Tế Kỹ Thuật Thủ Đức được thực hiện trên cơ sở các văn bản sau:

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 6 năm 2017 quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.
- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.
- Kế hoạch số 150 /KH-CĐKTKTTĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng trường Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức năm 2022.
- Kế hoạch số 136 /KH-CĐKTKTTĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng trường Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức năm 2023.
- Kế hoạch số 52 /KH-CĐKTKTTĐ ngày 6 tháng 3 năm 2024 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng trường Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức năm 2024.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo nhằm Đánh giá điểm mạnh và điểm hạn chế của chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp nói riêng và hoạt động đào tạo của nhà trường nói chung , đảm bảo, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giải trình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học và xã hội về chất lượng của chương trình đào tạo của nhà trường.

Thể hiện nhà trường có trách nhiệm đối với chất lượng đào tạo nghề Điện tử công nghiệp, có trách nhiệm với quyền lợi của người học và mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo cũng như chất lượng toàn trường.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Công tác tự đánh giá được thực hiện theo các yêu cầu:

- Bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định.
- Phối hợp, hợp tác, công khai với tất cả các thành viên trong trường.
- Đánh giá toàn diện các hoạt động, các mức độ thực hiện về mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu hồ sơ, lập kế hoạch và triển khai thực hiện công tác tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Tử Công Nghiệp.
- Dùng phương pháp điều tra, khảo sát lấy dữ liệu.
- Thu thập minh chứng, thống kê và phân tích các minh chứng để thực hiện tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Tử Công Nghiệp.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Các bước thực hiện tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được quy định tại Thông tư Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.
- Thực hiện tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Phòng đào tạo và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; các khoa thuộc trường;
- Thực hiện tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Hội đồng tự đánh giá của trường;
- Công bố Báo cáo kết quả tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong trường và gửi Báo cáo kết quả tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

2. TỰ ĐÁNH GIÁ

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	100	94
1	TIÊU CHÍ 1- MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, Trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	TIÊU CHÍ 2 - HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	14	12
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, Trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của Trường.	2	0

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
2.2	Tiêu chuẩn 2: Trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	TIÊU CHÍ 3-NHÀ GIÁO, CBQL VÀ NHÂN VIÊN	16	16

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do Trường giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, Trường tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do Trường giao.	2	2
4	TIÊU CHÍ 4 - CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	TIÊU CHÍ 5 - CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và đạt yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	0
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.		
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được Trường phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	TIÊU CHÍ 6 - DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của Trường và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, Trường cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	TIÊU CHÍ 7-GIÁM SÁT,ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung liên quan đến công tác dạy học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại, đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
7.5	Tiêu chuẩn 5: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, Trường có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của Trường và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp được xây dựng theo chương trình khung của Bộ chủ quản, phù hợp với mục tiêu, điều kiện trang thiết bị hiện có của Trường và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Chương trình được công bố công khai đến các bên liên quan và được cập nhật, cải tiến theo định kì. Khoa được Trường giao nhiệm vụ về việc thực hiện, triển khai và quản lý chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

Để đảm bảo chất lượng và có đủ nguồn thu hợp pháp khi thực hiện chương trình đào tạo, việc phân tích và xác định mức chi tối thiểu cho một người học được Trường thực hiện hàng năm. Mức thu học phí của sinh viên được thông báo công khai vào đầu mỗi học kỳ.

** Những điểm mạnh:*

Mục tiêu chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp của Khoa Điện tử được công bố công khai trên website của Trường và được rà soát, điều chỉnh hàng năm. Mục tiêu của CTĐT nghề Điện tử công nghiệp phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường theo yêu cầu của Bộ LĐ-TB&XH và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Trường giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa thực hiện, triển khai và quản lý chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Khoa chịu trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình đào tạo cho Trường theo định kì.

** Những tồn tại:*

Trường hiện nay là đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động theo cơ chế sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí thường xuyên. Kinh phí từ nguồn ngân sách cấp rất thấp so với nhu cầu hoạt động của Trường. Sự khống chế mức trần của học phí cũng là một trở ngại cho Trường trong việc phát triển về cơ sở vật chất, quy mô đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6

Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng của Trường được xây dựng xây dựng xuất phát từ mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Trường và thực tế nhu cầu thị trường lao động của Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực lân cận, do đó mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, trong đó thể hiện cụ thể khả năng của sinh viên sau khi tốt nghiệp lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng và thái độ trong lĩnh vực Điện tử công nghiệp, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường (*1.1.01 – Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo; 1.1.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*)

Hàng năm, căn cứ vào báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực tại thành phố Hồ Chí Minh và thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp gửi đến nhà trường để tuyển dụng, nhà trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu tuyển dụng nhân lực của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với các nghề đào tạo của trường trong đó có nghề Điện tử công nghiệp. (*1.1.03 - Báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm tại TPHCM, 1.1.04 - Thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp hàng năm*)

Mục tiêu của nghề Điện tử công nghiệp phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động tại Tp. HCM, của khu vực lân cận và cả nước. Mục tiêu đào tạo của nghề được công bố công khai tới toàn thể CBVCNV HSSV và xã hội trên Website của Trường tại địa chỉ www.ctd.edu.vn (*1.1.05 - Địa chỉ Website của trường; Video giới thiệu về trường; Các bài báo; 1.1.06 - Hợp đồng kinh tế quảng bá tuyển sinh các năm*)

Mục tiêu CTĐT nghề Điện tử công nghiệp của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp. Mục tiêu của CTĐT được rà soát, điều chỉnh theo quy định cho phù hợp với thực tiễn nhu cầu phát triển sản xuất của xã hội. (*1.1.07 – Biên bản họp rà soát mục tiêu của CTĐT hàng năm; 1.1.01 – Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo*)

Hàng năm, nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến về chất lượng, hiệu quả chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng. Kết quả khảo sát mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động là trên 80% (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; 1.1.09 – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức có cơ cấu tổ chức gồm 06 phòng, 07 khoa. Trường có quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng khoa đơn vị trong nhà trường. Trong đó nghề Điện tử công nghiệp do Khoa điện tử phụ trách thực hiện chương trình đào tạo và các đơn vị phối hợp liên quan như Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác HSSV, Phòng Quản trị thiết bị, Phòng Hành chính - Tổ chức, Phòng Tài chính kế toán. Việc thành lập các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các tổ bộ môn, các trung tâm đều thực hiện theo trình tự qui định của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, có đầy đủ các quyết định thành lập trong đó ghi rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị (*1.1.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; 1.2.01 - Quyết định thành lập Khoa Điện tử*).

Hàng năm trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, Hiệu trưởng nhà trường ban hành quyết định giao chỉ tiêu nhiệm vụ trong năm để làm cơ sở thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện. Trên cơ sở đó Khoa xây dựng kế hoạch công tác của khoa hàng năm. (*1.2.02 - Kế hoạch công*

tác của Khoa hàng năm; **1.2.03** - Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ năm học).

Hàng năm Khoa điện tử thực hiện báo cáo tổng kết rà soát đánh giá các công việc đã thực hiện trong năm, nhận xét các kết quả đạt được, đánh giá rút kinh nghiệm những việc chưa làm được để đưa ra biện pháp khắc phục. Nhìn chung, hàng năm Khoa thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo do Nhà trường giao. (**1.2.04** - Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa điện tử; **1.2.05** - Báo cáo tổng kết hàng năm của trường; **1.2.06** – Hồ sơ khen thưởng của Khoa điện tử)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, các nguồn thu phục vụ cho hoạt động của nhà trường gồm: nguồn ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu học phí và nguồn thu dịch vụ, trong đó việc thu học phí của nhà trường thực hiện theo quy định chung của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Công tác tài chính của nhà trường được UBND thành phố Thủ Đức xét duyệt và phân bổ hàng năm. (**1.3.01**- Quyết định giao dự toán hàng năm của Ủy ban; **1.3.02**- Quy định mức thu học phí các năm).

Trường tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của nghề Điện tử công nghiệp theo quy định của Thông tư 25/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề điện, điện tử; công nghệ thông tin; xây dựng, kiến trúc và dịch vụ, trong đó có nghề Điện tử công nghiệp; Thông tư 14/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. (**1.3.03** – Hồ sơ xây dựng và ban hành Định mức kinh tế, kỹ thuật nghề Điện tử công nghiệp)

Trên cơ sở dự kiến các nguồn thu và dự toán thu chi tài chính, báo cáo về số liệu học sinh, sinh viên, hằng năm dựa theo chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và định hướng thị trường lao động, Trường đã xây dự toán định mức chi phí đào tạo cho từng học sinh, sinh viên theo từng nghề và định mức tiêu hao vật tư đảm bảo đúng quy định. Trường có đầy đủ các nguồn thu hợp pháp để thực hiện các chương trình đào tạo, trong đó có chương trình đào tạo Điện tử công nghiệp, bao gồm các nguồn thu từ ngân sách nhà nước, thu từ học phí, lệ phí, thu từ các dịch vụ và các nguồn thu khác (**1.2.02** - *Kế hoạch công tác của Khoa hàng năm*; **1.3.04** - *Báo cáo tình hình thu ngân sách, sự nghiệp, dịch vụ hàng năm*; **1.3.05** - *Báo cáo quyết toán tài chính*).

Hàng năm, Phòng Tài chính thành phố Thủ Đức thực hiện công tác kiểm tra và thanh quyết toán đối với công tác tài chính của nhà trường, đồng thời sở LĐTĐ TP Hồ Chí Minh thực hiện thanh kiểm tra hoạt động đào tạo của nhà trường trong đó có nghề Điện tử công nghiệp. Các tài liệu được giải trình rõ ràng và hợp lý theo quy định kết quả cho thấy trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo (**1.3.05** - *Báo cáo quyết toán tài chính*; **1.3.06** - *Biên bản, Kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động GDNN của Sở LĐTĐ TP HCM*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3: 02 điểm

TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Công tác tuyển sinh được Trường thực hiện theo quy chế tuyển sinh hàng năm. Kết quả tuyển sinh đạt trên 80% chỉ tiêu của Trường, đảm bảo chỉ tiêu. Trường xây dựng kế hoạch tổng thể về đào tạo năm học hàng năm để các hoạt động đào tạo của các ngành nghề được thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của năm học và hoàn thành các mục tiêu của chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp trang bị kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng của sinh viên thông qua các học phần lý thuyết và thực hành. Phát huy tính tích cực, tự giác, năng động của sinh viên khi làm việc độc lập cũng như tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả. Kết hợp phương pháp giảng dạy truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học.

Sinh viên được Trường giới thiệu đi thực tập tốt nghiệp tại các công ty có lĩnh vực hoạt động liên quan đến Điện tử công nghiệp. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập và rèn luyện theo từng môn học. Sinh viên đạt đủ tất cả các môn học theo qui định của chương trình đào tạo được xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng theo quy định; hồ sơ học tập của sinh viên được lưu trữ và quản lý đúng theo quy định. Chất lượng đào tạo của nghề Điện tử công nghiệp được đảm bảo thông qua các hoạt động kiểm tra, giám sát kế hoạch dạy và học theo đúng quy định.

** Những điểm mạnh:*

Công tác tuyển sinh được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo được chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.

Hoạt động đào tạo của Trường được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo của Bộ LĐ-TB&XH, đúng chương trình và kế hoạch đào tạo. Phương pháp đào tạo phù hợp với chương trình đào tạo, chú trọng rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên, phát huy tính chủ động sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.

Sinh viên tốt nghiệp được xã hội công nhận, các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao về năng lực và kỹ năng. Kết quả học tập và rèn luyện của người học được lưu trữ đầy đủ,

chính xác, an toàn bằng phần mềm; văn bằng, chứng chỉ được cấp phát theo đúng quy định và được công bố kịp thời trên trang web của Trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	12
Tiêu chuẩn 1	0
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc tuyển sinh của Trường được thực hiện theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (**2.1.01** - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp). Để việc tuyển sinh thực hiện đúng quy định, căn cứ Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, Trường đã ban hành Quy chế tuyển sinh của nhà trường để phục vụ việc tuyển sinh đi vào nề nếp quy định (**2.1.02** – Các Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng).

Trước khi bắt đầu mùa tuyển sinh hàng năm, trường thành lập hội đồng tuyển sinh để chỉ đạo công tác tuyển sinh toàn trường trong đó có nghề Điện tử công nghiệp (**2.1.03** - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh)

Từ các căn cứ trên, Trường triển khai kế hoạch tuyển sinh (**2.1.04** - Kế hoạch tuyển sinh) và thực hiện công tác tư vấn và tuyển sinh theo quy định, các thông tin được công bố rộng rãi trên trang web của trường và các phương tiện truyền thông, cũng như các buổi tư

vấn hướng nghiệp cho các em học sinh, nhằm giới thiệu rộng rãi về nội dung tuyển sinh cũng như chương trình đào tạo (2.1.05 - Thông báo tuyển sinh).

Trong quy định về quy chế tuyển sinh của nhà trường có đầy đủ thông tin về đối tượng, hình thức tuyển sinh và các hồ sơ và biểu mẫu kèm theo để người học thuận tiện thực hiện. (2.1.06 – Hồ sơ tuyển sinh).

Sau thời gian đăng kí xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh trường thực hiện xét duyệt hồ sơ và công bố danh sách cho từng ngành nghề (2.1.07 – Biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh). Qua đó tham mưu Hiệu trưởng quyết định về danh sách, công nhận trúng tuyển và thông báo đến các thí sinh về kết quả trúng tuyển, thời gian nhập học cũng như việc công nhận kết quả tuyển sinh và mở lớp đào tạo (2.1.08 - Các Quyết định về việc công nhận danh sách trúng tuyển nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 2.1.09 – Giấy báo trúng tuyển nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 2.1.10 - Các Quyết định mở lớp đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm).

Để việc thực hiện tuyển sinh được thống nhất và đảm bảo khách quan, Trường đã ban hành quy trình tuyển sinh và thực hiện công tác thanh kiểm tra công tác tuyển sinh hàng năm (2.1.11 – Quy trình tuyển sinh; 2.1.12 – Báo cáo tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh hàng năm học; 2.1.13 – Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh và cấp phát bằng hàng năm, 1.3.06 - Biên bản, Kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động GDNN của Sở LĐTĐ BXH TPHCM)

Tuy nhiên số lượng tuyển sinh nghề Điện Tử Công Nghiệp năm 2021 và 2022 dưới 80 % kế hoạch tuyển sinh hàng năm nên cần đầu tư nhiều hơn nữa trong công tác tuyển sinh để kết quả tuyển sinh đạt kế hoạch.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.1: 00 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt ban hành, Khoa điện tử phối hợp Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo chi tiết phù hợp cho từng khóa học. (2.2.01- Các Kế hoạch đào tạo toàn khóa, 2.2.02 - Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm). Căn cứ vào kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, Khoa điện tử lập kế hoạch phân công giảng viên theo từng học kỳ phù hợp với chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo đúng kế hoạch đào tạo và sắp xếp lịch học, thời khóa biểu các lớp theo từng học kỳ để giáo viên giảng viên có cơ sở xây dựng kế hoạch giảng

dạy theo chương trình đào tạo từng mô đun, môn học. (2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm; 2.2.04 - Thời khóa biểu hàng năm)

Mỗi học kỳ, giảng viên được phân công chuyên môn sẽ căn cứ vào chương trình đào tạo và chương trình chi tiết mô đun môn học mình đảm nhận xây dựng lên kế hoạch giảng dạy cụ thể. Kế hoạch này được Trưởng Khoa kiểm duyệt làm cơ sở để giám sát tiến độ thực hiện của mỗi giảng viên. (2.2.05 – Sổ lên lớp hàng năm; 2.2.06- Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên hàng năm)

Để thống nhất việc thực hiện hồ sơ về công tác đào tạo, thuận tiện trong việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá và đảm bảo theo Thông tư số 23/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 06/12/2018 của Bộ LĐTBXH, nhà trường đã ban hành Quy định về biểu mẫu đào tạo trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Quyết định số 61/QĐ-CĐKTKTTĐ ngày 03/09/2018. (2.2.07 – Quy định về hồ sơ biểu mẫu trong đào tạo)

Hàng năm, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của nhà trường tham mưu kế hoạch và tổ chức thực hiện việc thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo và Báo cáo kết quả thanh kiểm tra để Ban giám hiệu biết và có đánh giá, điều chỉnh để đảm bảo việc thực hiện theo quy định chung. (2.2.08 – Các Kế hoạch thanh kiểm tra hoạt động đào tạo; 2.2.09 – Biên bản thanh kiểm tra hàng năm; 2.2.10 – Các Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra hoạt động đào tạo hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nội dung chương trình đào tạo Điện tử công nghiệp của nhà trường được xây dựng trên cơ sở quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, có xác định mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách có hệ thống; trong đó quy định rõ khối lượng kiến thức và thời gian khóa học, tên modun/môn học, thời gian đào tạo, tổng giờ lý thuyết, tổng giờ thực hành. (1.1.01 – Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo) Do đó để thực hiện phương

pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, nhà trường đã chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy với phương châm lấy người học là trung tâm; kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy học.

Mỗi giảng viên trong khoa được phân công giảng dạy phù hợp với các lớp lý thuyết và thực hành đảm bảo đủ khối lượng công tác của giảng viên. (2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm; 2.2.06- Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên hàng năm; 2.2.09 – Biên bản thanh kiểm tra hàng năm; 2.2.10 – Các Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra hoạt động đào tạo hàng năm)

Các phân công, thời khóa biểu, theo dõi tình hình học tập giảng dạy,... được đưa vào hệ thống phần mềm đó là phần mềm chương trình quản lý điểm tích hợp bao gồm các chức năng: nhập điểm cho giáo viên, nhập kế hoạch giảng dạy cho giáo viên, phân công giảng dạy, các thống kê báo cáo, quản lý lớp cho giáo viên chủ nhiệm, đánh giá rèn luyện hàng tháng cho sinh viên được vận hành xuyên suốt trong quá trình đào tạo Giảng viên được cấp tài khoản riêng để đăng nhập vào phần mềm và thực hiện các chức năng kể trên. (2.3.01 – Phần mềm chương trình quản lý đào tạo; Phần mềm quản lý học sinh sinh viên).

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy là việc làm không thể thiếu để nâng cao chất lượng dạy và học, tăng được lượng tri thức truyền tải đến sinh viên. Hiện nay, chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp có khoảng 50% mô đun/môn học chuyên môn của ngành, nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng hiện đại, trực quan sinh động. Các phần mềm mô phỏng hỗ trợ trong hoạt động dạy và học luôn được cập nhật mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của sinh viên, giáo viên và sản xuất thực tế tại doanh nghiệp (2.3.02 – Danh sách các phần mềm sử dụng trong giảng dạy; 2.2.06 - Hồ sơ giáo vụ (Giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy , sổ lên lớp hàng năm)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học

trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức với phương châm đào tạo sinh viên theo hướng ứng dụng – thực hành, cung cấp nguồn nhân lực kỹ thuật, có năng lực nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong thực tế sản xuất. Chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp gồm 35 mô đun, môn học, trong đó có mô đun MĐ 35 - Thực tập tốt nghiệp có thời lượng 300 giờ được triển khai học tập trực tiếp tại doanh nghiệp (**1.1.01 – Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo**). Nhà trường, Khoa và Doanh nghiệp luôn cùng đồng hành trong hoạt động đào tạo, được thể hiện thông qua việc SV được thực tập tại doanh nghiệp vào học kỳ cuối cùng của khóa học. Trước khi phân bổ SV đến thực tập tại doanh nghiệp, Khoa liên hệ với đơn vị sử dụng lao động về việc cho SV thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, được sự đồng ý của doanh nghiệp về tiếp nhận SV thực tập (**2.4.01 – Hợp đồng/ Biên bản thỏa thuận về việc đưa học sinh sinh viên của nghề Điện tử công nghiệp đến thực tập tại các doanh nghiệp**), sau đó Khoa sẽ lập kế hoạch và phân công thực tập dựa trên lịch đào tạo và Trường có gửi giấy giới thiệu thực tập để SV đến công ty nhận công việc theo thời gian (**2.4.02 – Kế hoạch thực tập Doanh nghiệp các năm; 2.4.03 – Các Quyết định đưa SV đi thực tập tại Doanh nghiệp và danh sách kèm theo**)

Tại doanh nghiệp, cán bộ hướng dẫn đưa ra các nhiệm vụ công việc cho SV thực hiện. Các công việc này có sự phối hợp giữa giáo viên hướng dẫn với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho SV thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động. Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ được đánh giá từng công việc và đánh giá kết thúc bởi cán bộ hướng dẫn phối hợp giáo viên hướng dẫn trước khi về trường (**2.4.04 – Phiếu nhận xét thực tập**).

Trường thường ưu tiên gửi SV đến các công ty là đối tác của Trường để thực tập tốt nghiệp. Các đợt thực tập đều có danh sách giảng viên phụ trách hướng dẫn thực hành, thực tập để phối hợp cùng Doanh nghiệp hướng dẫn và quản lý để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình thực tập nhằm đảm bảo điều kiện tốt nghiệp. Các công việc doanh nghiệp phân công cho sinh viên thực tập căn cứ vào nhu cầu thực tập của nhà trường tương ứng với ngành nghề đào tạo và có sự phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ nhà máy và giáo viên hướng

dẫn thực tập để đảm bảo nội dung thực tập (2.4.05 - Đề cương thực tập tốt nghiệp; 2.4.06 - Báo cáo thực tập tốt nghiệp của sinh viên các khóa).

Tất cả sinh viên của nhà trường trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (2.4.03 – Các Quyết định đưa SV đi thực tập tại Doanh nghiệp và danh sách kèm theo; 2.4.07 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề Điện tử công nghiệp hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp của nhà trường được tổ chức theo phương thức niên chế. Quy chế đào tạo của nhà trường được xây dựng và ban hành căn cứ theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH về quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ (2.5.01 – Các quyết định ban hành Quy chế tổ chức đào tạo; 2.5.02 – Các quyết định ban hành Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp)

Để công tác tổ chức việc thi tốt nghiệp và thi kết thúc môn được thuận tiện nhà trường có tổ chức biên soạn bộ đề cương ôn tập (2.5.03 - Bộ đề cương ôn tập tốt nghiệp). Căn cứ quy chế đào tạo, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, các Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy và kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra cho các lớp đảm bảo khách quan, minh bạch đúng quy chế quy định và quy trình quy định. Việc tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun được thực hiện theo quy trình ĐBCL-QT05, việc tổ chức thi tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình ĐT-QT06 do nhà trường ban hành. (2.5.01 – Các quyết định ban hành Quy chế tổ chức đào tạo; 2.5.02 – Các quyết định ban hành Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; 2.5.04 – Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun; 2.5.05 – Quy trình tổ chức thi tốt nghiệp). Để phục vụ cho các kỳ thi tốt nghiệp được hiệu quả, trước kỳ thi Trường thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp để tổ chức kỳ thi, trước kỳ thi Hội đồng tổ chức họp xét điều kiện

dự thi, sau khi có kết quả thi Hội đồng thi sẽ xét công nhận tốt nghiệp đối với người học trước khi trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp (2.5.06 – Kế hoạch và Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp; 2.5.07 - Biên bản xét điều kiện thi tốt nghiệp; Biên bản xét công nhận tốt nghiệp; 2.4.07 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 1.2.04 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa điện tử; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết hàng năm của trường)

Việc thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của người học được nhà trường thực hiện dựa trên Quy chế công tác học sinh sinh viên được ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, mã quy trình CTHSSV&QHXXN-QT10 của nhà trường. (2.5.08 – Quy chế Công tác học sinh sinh viên; 2.5.09 – Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện). Mỗi học kỳ, Giáo viên chủ nhiệm lớp sẽ triển khai cho Sinh viên thực hiện tự đánh giá, thông qua Trưởng Khoa điện tử trước khi nộp về phòng Công tác học sinh sinh viên để tổng hợp trình Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên xem xét thống nhất và trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên. (2.5.10 – Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nghề Điện tử công nghiệp hàng năm)

Căn cứ Thông tư 10/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Văn bản hợp nhất số 3699/VBHN-BLĐTĐ ngày 26/8/2019, Thông tư số 24/2020/TT-BLĐTĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, Văn bản hợp nhất Số 2513/VBHN-BLĐTĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021, Trường ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức. Các mẫu phôi bằng được thống nhất thực hiện theo quy định chung mà nhà trường đã thống nhất và gửi cơ quan chức năng để đăng ký theo quy định (2.5.11- Quyết định về việc ban hành qui chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; 2.5.12- Quyết định về phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, cao đẳng) Việc thực hiện cấp phát văn bằng được thực hiện nghiêm túc, người học khi nhận bằng phải ký tên vào sổ cấp phát bằng theo quy định. (2.5.13 – Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp; 2.5.14 - Biên bản về việc kiểm tra cấp phát bằng hàng năm)

Người học khi đăng ký nhập học phải nộp hồ sơ gồm các mẫu của nhà trường, hồ sơ học sinh sinh viên được lưu trữ tại phòng Đào tạo theo quy định (2.5.15 – Hồ sơ sinh viên nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 2.2.08 – Các Kế hoạch thanh kiểm tra hoạt động đào

tạo; **2.2.09** – Biên bản thanh kiểm tra hàng năm; **1.3.06** - Biên bản, Kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động GDNN của Sở LĐT BXH TPHCM)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa điện tử và các phòng chức năng nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, quy định chức năng nhiệm vụ kèm theo quyết định thành lập và sự phân công của Ban giám hiệu (**1.1.02** - Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; **1.2.01** - Quyết định thành lập Khoa Điện tử). Trong đó kiểm tra giám sát được thực hiện thường xuyên và thực hiện theo các kế hoạch cụ thể. Dựa trên cơ sở kế hoạch đào tạo, kế hoạch phân công giáo viên, thời khóa biểu hàng năm phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tham mưu kế hoạch kiểm tra giám sát. Việc kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học cũng được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa điện tử và các phòng ban liên quan theo nhiệm vụ được giao. Việc thực hiện kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ cũng như đột xuất thông qua nhiều hình thức. (**2.6.01** – Quy định của nhà trường về công tác thanh tra và kiểm soát nội bộ; **2.6.02** – Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm; **2.2.02** - Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; **2.2.03** - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm; **2.2.04** - Thời khóa biểu hàng năm; **2.2.06**- Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên hàng năm; **2.6.03** – Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm).

Bên cạnh đó, để tăng cường công tác kiểm tra giám sát đồng thời tổ chức hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Khoa điện tử và các phòng khoa có liên quan có kế hoạch dự giờ, thao giảng để chia sẻ trao đổi kinh nghiệm (**2.6.04** – Kế hoạch dự giờ, phiếu dự giờ hàng năm)

Sau mỗi đợt thanh tra nội bộ, bộ phận phụ trách công tác thanh tra là phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng thực hiện báo cáo tổng kết hoạt động công tác thanh tra đào tạo, qua đó nhận xét đánh giá tình hình thực tế để Ban giám hiệu có cơ sở điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học. (**2.2.10** – Các Báo cáo kết quả thanh kiểm tra hoạt động đào tạo hàng năm)

Hàng năm, trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên về việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học để có cơ sở rà soát điều chỉnh nội dung, phương thức thực hiện từ đó giúp ích trong công tác dạy và học ngày một tốt hơn (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng của nhà trường được đào tạo theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 163/2017/GCNDKHHĐ-TCĐN ngày 21/6/2017; số 63/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 30/6/2021 (**2.1.01** – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN). Căn cứ chức năng nhiệm vụ của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, nhu cầu của người học, Trường đã tổ chức tuyển sinh và thực hiện về đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng theo quy chế quy định. (**2.1.02** – Các Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; **2.5.01** – Các quyết định ban hành Quy chế tổ chức đào tạo).

Chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng của nghề Điện tử công nghiệp được thực hiện trên cơ sở so sánh giữa chương trình đào tạo trình độ trung cấp và chương trình đào tạo trình độ cao đẳng để thuận tiện cho người học. (**1.1.01** – Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo)

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh trình độ liên thông và thông báo tuyển sinh đối với các ngành nghề đào tạo, trong đó có nghề Điện tử công nghiệp để thông báo rộng rãi đến người học có nhu cầu (**2.1.05** – Thông báo tuyển sinh). Thực hiện việc xét tuyển và mở lớp đào tạo trình độ cao đẳng liên thông theo quy định. (**2.1.03** – Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh ; **2.1.07** – Biên bản họp của hội đồng tuyển sinh ; **2.1.10** – Các Quyết định mở lớp đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; **1.2.04** - Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa điện tử; **1.2.05**- Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7: 02 điểm

TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Chất lượng đào tạo được nhà Trường đặc biệt quan tâm hàng đầu. Giảng viên được bồi dưỡng về chuyên môn và nghiệp vụ đạt chuẩn trước khi tham gia giảng dạy. Tất cả giảng viên có báo cáo kết quả hoàn thành công tác giảng dạy hàng năm cho Trường đúng theo quy định.

Tất cả các học phần lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp được triển khai thực hiện theo kế hoạch đào tạo có đủ giảng viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ quy đổi số sinh viên và giảng viên theo quy định. Bên cạnh công tác giảng dạy, có trên 50% giảng viên cơ hữu (3/5 giảng viên có bằng thạc sĩ,) tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường và hội thi thiết bị đào tạo tự làm.

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, giảng viên cơ hữu được Trường tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm. Trường giới thiệu cho tất cả giảng viên cơ hữu của Khoa đến các công ty hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến Điện tử công nghiệp để tham quan cơ sở sản xuất, trao đổi kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất tại doanh nghiệp. Tất cả cán bộ quản lý và nhân viên của Trường được bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ theo quy định. Tất cả cán bộ quản lý và nhân viên của Trường có báo cáo kết quả hoàn thành nhiệm vụ trong năm học theo quy định.

** Những điểm mạnh:*

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, công tác bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên được Trường tổ chức hàng năm thông qua các buổi giảng dự giờ đánh giá định kỳ đối với giảng viên.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của Khoa; đáp ứng theo chuẩn quy định tại Thông tư số 08/2017/TT – BLĐT BXH; Thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm; 100% giáo viên cơ hữu của khoa đã được cử đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng, các lớp tập huấn ở trong và ngoài nước. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của Khoa có tuổi đời bình quân trẻ, có năng lực tốt, đảm bảo tính kế thừa và phát triển của Khoa điện tử cũng như Nhà trường.

Khoa điện tử có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý có đủ về số lượng và đáp ứng tốt các yêu cầu về giáo dục nghề nghiệp; đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm làm việc có hiệu quả, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động.

100% giáo viên, cán bộ quản lý của khoa có trình độ, năng lực tốt hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy được nhà trường và khoa giao. Giáo viên dạy các môn chuyên môn nghề tham gia nghiên cứu khoa học, hội giảng các cấp, hội thi thiết bị tự làm. Các kết quả hoạt động của cán bộ được báo cáo, phân tích hàng tháng (họp giao ban). Kết quả hoạt động giảng dạy của giảng viên được báo cáo hàng năm.

** Những tồn tại:*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên dạy nghề và cán bộ quản lý. Tạo điều kiện cho giảng viên nghề Điện tử công nghiệp tham gia học tập nâng cao trình độ hàng năm.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Nhà trường. Hiện nay Khoa có 05 giảng viên cơ hữu giảng dạy các mô cơ sở và chuyên môn nghề, trong đó 03 giảng viên có trình độ thạc sĩ và 02 giảng viên có trình độ đại học đảm bảo đúng chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy. (3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa điện tử hàng năm). Bên cạnh đó có các giáo viên tại khoa Khoa học cơ bản giảng dạy các môn chung và một số giáo viên các khoa khác trong nhà trường giảng dạy các môn qua ban và một số giáo viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các lớp (3.1.02 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu các phòng, khoa giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 3.1.03 - Danh sách trích ngang GV thỉnh giảng nghề Điện tử công nghiệp hàng năm). Các hồ sơ chuyên môn, lý lịch khoa học của các GV đều được Trường lưu trữ tại phòng Hành chính Tổ chức (3.1.04 - Hồ sơ nhà giáo Khoa điện tử giảng viên Khoa điện tử hàng năm).

Đội ngũ nhà giáo của Khoa có kinh nghiệm trong giảng dạy và thực tiễn ngành nghề, có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề tương đối vững vàng, đảm bảo các tiêu chuẩn của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. (3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa điện tử hàng năm; 3.1.03 - Danh sách trích ngang GV thỉnh giảng nghề Điện tử công nghiệp hàng năm). Hàng năm Khoa kết hợp cùng Phòng Hành chính và Phòng Đào tạo thực hiện công tác thống kê, phân loại, xếp loại nhà giáo GDNN theo tiêu chuẩn, tiêu chí của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. (3.1.05 - Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm; 3.1.06 - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo Khoa điện tử hàng năm)

Nhìn chung, nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định (1.2.04 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa điện tử; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường).

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo (1.1.08 – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; 1.1.09 – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại Khoa điện tử có 05 giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp. Đối với giáo viên cơ hữu của trường thực hiện nhiệm vụ theo quy định về chế độ làm việc do nhà trường ban hành (3.2.01 – Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN). Bên cạnh công tác giảng dạy, hàng năm nhà giáo còn được giao các nhiệm vụ kiêm nhiệm như công tác chủ nhiệm, công tác quản lý xưởng thực hành... (3.2.02 – Các Quyết định về phân công công tác giáo viên chủ nhiệm hàng năm ; 3.2.03 – Danh sách giáo viên phụ trách phòng xưởng thực hành các năm)

Căn cứ quy định về chế độ làm việc của nhà giáo và các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, hàng năm Khoa điện tử xây dựng Kế hoạch giáo viên, Bảng phân môn giáo viên, làm cơ sở để giảng viên thực hiện công tác giảng dạy, các hồ sơ giáo vụ theo quy định và các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban giám hiệu (2.2.02 - Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm; 2.2.04 - Thời khóa biểu hàng năm; 2.2.06- Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên hàng năm; 2.6.03 – Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm)

Việc đánh giá xếp loại viên chức hàng năm luôn thực hiện đúng quy trình, tiến độ và khách quan theo quy định về tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và các quy định về nhiệm vụ công tác do nhà trường giao theo quy định chung của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (3.2.01 – Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN; 3.1.05 - Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm; 3.1.06 - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo Khoa điện tử hàng năm; 3.2.04 – Phiếu đánh giá xếp loại viên chức của giảng viên giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 3.2.05 - Kết quả đánh giá phân loại các bộ, viên chức hàng năm; 3.2.06 - Quyết định khen thưởng hàng năm của Trường).

Đối với nhà giáo thỉnh giảng trường giao nhiệm vụ cụ thể theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng khi nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ theo thỏa thuận (3.2.07 – Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giảng viên thỉnh giảng hàng năm)

100% giáo viên tham gia giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp đều hoàn thành khối lượng giảng dạy và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo phân công nhiệm vụ. Hàng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (**1.2.04** - Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa điện tử; **1.2.05** - Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại Khoa điện tử có 05 giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp, bên cạnh đó có các giảng viên các phòng, khoa khác có tham gia giảng dạy cùng với đội ngũ giáo viên thỉnh giảng gồm 05 giảng viên. Đối với giáo viên cơ hữu của trường thực hiện nhiệm vụ theo quy định về chế độ làm việc do nhà trường ban hành, đối với nhà giáo thỉnh giảng trường giao nhiệm vụ cụ thể theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng khi nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ theo thỏa thuận (**3.2.01** – Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN; **3.2.07** – Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giảng viên thỉnh giảng hàng năm).

Tỷ lệ HSSV quy đổi/ giáo viên quy đổi của nghề Điện tử công nghiệp như sau:

Năm học	Số lượng HSSV quy đổi	Số lượng GV quy đổi	Tỷ lệ HS/GV
2021-2022	91	6,20	14,67
2022-2023	127	6,54	19,41
2023-2024	162	8,13	19,92

Công tác đảm bảo chất lượng luôn là mục tiêu quan tâm hàng đầu của Khoa điện tử nói riêng và Nhà trường nói chung, đầu mỗi năm học, căn cứ vào Kế hoạch đào tạo; tiến độ đào tạo, Khoa điện tử lập kế hoạch phân công giảng viên cụ thể, chi tiết đến từng môn học, mô-đun để làm cơ sở rà soát số lượng, thời lượng công tác của mỗi cá nhân và có kế hoạch mời giảng viên thỉnh giảng do đó Khoa điện tử luôn đảm bảo số lượng nhà giáo giảng dạy (**3.1.01** - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa điện tử hàng năm; **3.1.02** - Danh

sách trích ngang giảng viên cơ hữu các phòng, khoa giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 3.1.03 - Danh sách trích ngang GV thỉnh giảng nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 2.2.02 - Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; 2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm; 2.2.04 - Thời khóa biểu hàng năm).

Khoa điện tử thực hiện phân công giảng viên giảng dạy theo đúng chuyên môn nghiệp vụ và đảm bảo tỉ lệ sinh viên và giảng viên theo quy định để tạo điều kiện tốt nhất cho việc giảng dạy hiệu quả. Số lượng giáo viên đủ bố trí cho tất cả các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo của nghề, đảm bảo sĩ số lớp học lý thuyết không quá 35 HSSV, lớp học thực hành không quá 18 HSSV (3.3.01 - Danh sách các lớp cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp; 2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm; 3.3.02 - Bảng tính sinh viên quy đổi nghề Điện tử công nghiệp; 3.3.03 - Bảng tính giáo viên quy đổi nghề Điện tử công nghiệp).

Khối lượng công việc của giảng viên luôn được Khoa quan tâm dựa trên chất lượng, hiệu quả công việc. Việc thanh toán thù lao ngoài giờ làm việc quy định (vượt giờ) và thù lao thỉnh giảng của nhà trường được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Cuối mỗi năm học, Khoa thực hiện thống kê khối lượng công việc, tính mức làm việc vượt giờ nộp về phòng Đào tạo xem xét rà soát để làm cơ sở thanh toán theo quy định (3.3.04 – Quy chế chi tiêu nội bộ các năm; 3.3.05 - Thống kê số giờ giảng dạy của giảng viên Khoa điện tử; 3.3.06 - Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền giờ vượt).

Hàng năm, nhà trường thực hiện việc rà soát đánh giá về đội ngũ nhà giáo trong đó có nhà giáo giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp. Ngoài ra, trường được tổ công tác sở LĐT BXH thanh kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong đó có thanh kiểm tra về đội ngũ nhà giáo (1.2.04 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa điện tử; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường; 1.3.06 - Biên bản, Kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động GDNN của Sở LĐT BXH TPHCM)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ đối với giáo viên và là cơ sở cho việc đánh giá mức độ hoàn thành công tác của mỗi cá nhân, tập thể và xếp loại thi đua của Nhà trường. Hoạt động nghiên cứu khoa học được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường và cụ thể hóa tại Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. *(1.1.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; 3.2.01 – Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN)*

Để thống nhất thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, Trường đã ban hành Quy định về nghiên cứu khoa học, thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo cũng như ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và đào tạo để triển khai và xét chọn các đề tài nghiên cứu khoa học của trường. Việc tham mưu và triển khai các kế hoạch công tác nghiên cứu khoa học trong nhà trường được giao cho phòng khảo thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách, việc tổ chức thực hiện theo quy định của Quy trình nghiên cứu khoa học, mã quy trình ĐBCL-QT03. Nhà trường gắn việc nghiên cứu khoa học, thực hiện sáng kiến cải tiến hoặc áp dụng công nghệ mới là một trong những tiêu chí bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm để khuyến khích các giảng viên tham gia thực hiện. *(3.4.01 - Quy định về nghiên cứu khoa học; 3.4.02 – Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động nghiên cứu Khoa học; 3.4.03 – Quy trình nghiên cứu khoa học; 1.2.01 - Quyết định thành lập Khoa Điện tử).*

Hàng năm, giảng viên Khoa điện tử tích cực trong thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cũng như tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hội thi thiết bị đào tạo tự làm do nhà trường và cấp trên tổ chức *(3.4.04 - Danh sách giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề Điện tử công nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học; 3.4.05 – Hồ sơ nghiên cứu khoa học của giảng viên Khoa điện tử các năm; 3.4.06 - Các quyết định công nhận kết quả đề tài các đề tài nghiên cứu khoa học, cấp trường; 3.4.07 - Kế hoạch hội giảng, danh sách giáo viên và tên bài giảng hội giảng cấp khoa; 3.4.08 - Danh sách giáo viên nghề Điện tử công nghiệp tham gia hội giảng cấp trường và các cấp trên; 3.4.09 - Bằng khen, giấy khen giáo viên nghề Điện tử công nghiệp tham gia hội giảng cấp trường và các cấp trên; 3.4.10 – Quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm các năm).*

Tuy nhiên những năm gần đây do ảnh hưởng của dịch bệnh nên giảng viên ít tham gia NCKH, đa số giảng viên chỉ thực hiện sáng kiến kinh nghiệm, chú tâm vào công tác giảng dạy, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường và cấp Thành phố, ít tham gia NCKH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có chính sách chế độ để khuyến khích cán bộ, giáo viên học tập nâng cao trình độ được cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm và tổ chức cho nhà giáo tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng các khóa chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị (3.3.04 – Quy chế chi tiêu nội bộ các năm; 3.5.01 - Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo của giáo viên giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp; 3.5.02 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên, giảng viên). Chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp có học phần, do giảng viên cơ hữu trong Khoa phụ trách giảng dạy và có học phần do giảng viên các Khoa khác trong Trường phối hợp giảng dạy. Căn cứ vào điều kiện thực tế, thể mạnh của từng giảng viên, Khoa điện tử cùng Nhà trường tạo điều kiện cho các giảng viên tham gia các khóa học, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức cho đội ngũ giảng viên theo thực tế từ đó nâng cao chất lượng đào tạo. Giảng viên cơ hữu của Trường được cử đi học các lớp nghiệp vụ, các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy. Các lớp chuyên đề về thiết bị mới do doanh nghiệp liên kết với Khoa được triển khai. (3.5.03 - Các Quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng và danh sách kèm theo)

Bên cạnh việc tổ chức cho nhà giáo tham gia học tập bồi dưỡng, hàng năm trường tổ chức cho giảng viên tham gia thực tập tại các doanh nghiệp nhằm cập nhật công nghệ mới phục vụ cho công tác giảng dạy (3.5.04 - Kế hoạch giảng viên thực tập doanh nghiệp; 3.5.05 - Báo cáo thực tập doanh nghiệp của giảng viên).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động đối với nhà giáo hoạt động chuyên môn nhằm bổ sung kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn, đây là nhiệm vụ được nhà trường quy định cụ thể tại Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. (3.2.01 – Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN)

Hàng năm, giảng viên Khoa điện tử đăng ký kế hoạch đi thực tập để Trường khoa tổng hợp trình Hiệu trưởng ra quyết định cử giảng viên đi thực tập hoặc đến tham quan thực tế tại doanh nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo để cập nhật kiến thức, công nghệ mới giúp duy trì mối quan hệ giữa đơn vị đào tạo nhân lực và đơn vị sử dụng nguồn nhân lực. Điều này giúp Khoa hiểu được nhu cầu về nhân lực hiện tại của xã hội từ đó có thể cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo. (3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa điện tử hàng năm; 3.5.04 - Kế hoạch giảng viên thực tập doanh nghiệp; 3.6.01 - Quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 3.6.02 - Danh sách giảng viên đi thực tập tại doanh nghiệp; 3.5.05 - Báo cáo của nhà giáo sau khi đi thực tập tại doanh nghiệp).

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, đơn vị sử dụng lao động về công tác thực tập thực tế của giảng viên (1.1.08 – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; 1.1.09 – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện liên tục, khách quan, luôn đảm bảo bồi dưỡng đội ngũ kế thừa có đủ tiêu chuẩn, năng lực, phẩm chất. Song song đó, cán bộ quản lý có năng lực từ cấp khoa trở lên luôn được quan tâm, bồi dưỡng, đào tạo hàng năm.

Khoa điện tử có cơ cấu 1 cán bộ quản lý phụ trách khoa, và 1 nhân viên giáo vụ khoa (3.7.01 - Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên Khoa điện tử).

CBQL Khoa có trình độ Thạc sỹ, có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, có trình độ Trung cấp lý luận chính trị. Nhân viên giáo vụ khoa có trình độ cử nhân, có các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học theo quy định (3.7.02 - Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nghề Điện tử công nghiệp)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Khoa điện tử có nhiều thành tích trong công tác, có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức; đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, nhạy bén trong việc xử lý các công việc của Khoa và Nhà trường. Trong các năm qua, Khoa điện tử thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động theo quy định Luật Viên chức, Pháp luật lao động và quy định chung của chính phủ; 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, công nhân viên của Khoa đều được Hội đồng thi đua nhà trường đánh giá và công nhận hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

Hàng năm Trường thực hiện đánh giá thi đua để làm cơ sở đánh giá cán bộ viên chức hàng năm theo quy định chung của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, cán bộ quản lý nhân viên Khoa điện tử được đánh giá mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ. (3.2.01 – Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN; 3.1.05 - Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm; 3.1.06 - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo Khoa điện tử hàng năm; 3.2.04 – Phiếu đánh giá xếp loại viên chức của giảng viên giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp các năm; 3.2.05 - Kết quả đánh giá phân loại các bộ, viên chức các năm; 3.2.06 - Quyết định khen thưởng hàng năm của Trường)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.8: 02 điểm

TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp được Trường xây dựng, thẩm định theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH từ đó nhà trường ban hành chương trình cao đẳng theo quyết định số 59/QĐ-CĐKTKTTĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và ban hành chương trình cao đẳng liên thông theo quyết định số 60 /QĐ-CĐKTKTTĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020. Chương trình được đánh giá và cập nhật theo định kỳ. Nhóm biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo gồm giảng viên, cán bộ của Trường và các doanh nghiệp trong Ban cố vấn của chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp được xây dựng đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu theo các nhóm kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành. Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ đạt chuẩn đầu ra đào tạo của ngành Điện tử công nghiệp về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp được phân bổ trong 2,5 năm học bao gồm 5 học kỳ. Các học phần lý thuyết và thực hành được bố trí có trình tự logic và khoa học. Số lượng tối thiểu về thiết bị đào tạo và đội ngũ giảng viên đủ năng lực được đảm bảo khi thực hiện chương trình đào tạo đạt chất lượng.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý ở bậc đại học sau khi sinh viên tốt nghiệp. Các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo được biên soạn tài liệu, giáo trình đầy đủ đảm bảo trong việc dạy và học.

Tất cả giáo trình được lựa chọn và biên soạn, thẩm định và ban hành trước khi sử dụng trong dạy và học. Các giáo trình biên soạn được đánh giá và cập nhật theo định kỳ. Giáo trình được biên soạn theo chương, bài cung cấp nội dung kiến thức, kỹ năng đảm bảo đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Giáo trình được phát triển phù hợp cho phương pháp giảng dạy tích cực.

** Những điểm mạnh:*

Chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp được xây dựng đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu theo các nhóm kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành. Sinh viên tốt nghiệp sẽ đạt chuẩn đầu ra đào tạo của ngành Điện tử công nghiệp về kiến thức, kỹ năng và

thái độ phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và mục tiêu phát triển đất nước.

Giáo trình được phát triển theo phương pháp giảng dạy tích cực và được biên soạn theo chương, bài cung cấp nội dung kiến thức, kỹ năng đảm bảo đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Tất cả giáo trình phục vụ giảng dạy được biên soạn, thẩm định và ban hành trước khi sử dụng.

Thiết bị đào tạo được đầu tư đáp ứng số lượng tối thiểu phục vụ giảng dạy. Đội ngũ giảng viên được đào tạo đủ năng lực đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng.

** Những tồn tại:*

Số lượng tài liệu tham khảo do GV khoa biên soạn còn hạn chế, chưa hoàn toàn đáp ứng nhu cầu đào tạo, chủ yếu tập trung vào các môn kiến thức cơ bản, các môn thực hành. Tuy nhiên giáo trình phục vụ các môn học được lựa chọn tham khảo từ các giáo trình có chất lượng từ các trường Đại học lớn của quốc gia và quốc tế, phù hợp với mục tiêu môn học.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hàng năm, Khoa thực hiện rà soát các đề cương môn học, giáo trình và tài liệu đang sử dụng; thành lập hội đồng đánh giá mức độ phù hợp về nội dung và mức độ đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo; khảo sát nhu cầu, mục tiêu thực tế của môn học để phát triển giáo trình và tài liệu giảng dạy.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	22
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	2

Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ các Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về ban hành chương trình, thẩm định giáo trình và Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Năm 2020, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp.

Trường đã thành lập Tổ biên soạn xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Điện tử công nghiệp. Các thành viên Tổ xây dựng, điều chỉnh CTĐT đã thảo luận, thống nhất về mục tiêu đào tạo, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của người học và khối lượng kiến thức, thời gian học, danh sách các mô-đun/môn học của chương trình đào tạo... (**4.1.01** - *Quyết định thành lập tổ xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo;* **4.1.02** - *Văn bản họp tổ chỉnh sửa xây dựng chương trình đào tạo.*)

Đồng thời, Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp. Hội đồng thẩm định đã tiến hành họp báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo các ngành, nghề, nêu ra các ý kiến, giải đáp, trả lời thắc mắc. Cuối cùng, qua thảo luận, hội đồng thẩm định thông qua Đánh giá chương trình và nêu kết luận (**4.1.03** - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo;* **4.1.04** – *Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.*)

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo của ngành Điện tử công nghiệp theo quy định tại điều 6, 7, 8 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. (**1.1.01** – *Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo.*)

Năm 2023, Trường đã rà soát điều chỉnh và ban hành lại CTĐT, áp dụng cho các lớp từ năm học 2023-2024. Việc rà soát điều chỉnh CTĐT được thực hiện nghiêm túc, có sự tham gia chặt chẽ của các bên liên quan, đảm bảo đúng theo quy định.

Trong quá trình triển khai giảng dạy, nhà trường thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của các thành phần liên quan đến chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp như: Giáo viên, cựu HSSV, cán bộ kỹ thuật, để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động và có cơ sở rà soát điều chỉnh theo quy định (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm; **4.1.03** - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; **4.1.04** – Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình biên soạn chương trình đào tạo, Khoa điện tử đã cùng các doanh nghiệp tham gia xây dựng – thẩm định nhằm bám sát với nhu cầu tuyển dụng thực tế ở thị trường lao động hiện nay nhằm giúp sinh viên có kỹ năng và kiến thức cần thiết khi tốt nghiệp để tham gia vào thị trường lao động. Thành viên của Hội đồng biên soạn chương trình đào tạo là giảng viên từ các Khoa, chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo từ các trường ngoài, và có ít nhất 2 cán bộ kỹ thuật có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong các nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh (**4.1.01** - Quyết định thành lập tổ xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo; **4.1.02**-Văn bản họp tổ chỉnh sửa xây dựng chương trình đào tạo.)

Nhà trường luôn rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của từng ngành, nghề để ngày càng đáp ứng phù hợp với nhu cầu xã hội và doanh nghiệp. Trường thường xuyên lấy ý kiến các chuyên gia phản biện các chương trình đào tạo để cập nhật thông tin và công nghệ cho phù hợp với yêu cầu sản xuất. Việc đánh giá, phản biện chương trình đào tạo được hội đồng thực hiện theo định kỳ (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm; **4.1.03** - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; **4.1.04** – Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

CTĐT nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng của nhà trường được xây dựng dựa trên Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TTBLĐTBXH ngày 20/4/2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông”(trong đó quy định nghề Điện tử công nghiệp tối thiểu 2.200 giờ (tương đương 79 tín chỉ)) Cụ thể, tại Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp của trường qui định sinh viên ngành Điện tử công nghiệp tốt nghiệp ra trường cần tích lũy đủ 35 mô-đun, 2515 giờ, 110 Tín chỉ (**1.1.01 – Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo**).

Ngoài ra, trong chương trình đào tạo còn thể hiện rõ các yêu cầu về năng lực: kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Các yêu cầu này được thể hiện thông qua chương trình chi tiết mô-đun, môn học chương trình đào tạo (**1.1.01 – Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được thiết kế trong 5 học kỳ. Học kỳ 1, 2 sinh viên được trang bị các kiến thức cơ sở về khoa học tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ và các học phần thực hành cơ bản về ngành Điện tử công nghiệp nhằm giúp sinh viên hình thành tác phong công nghiệp. Các học kỳ 2,3,4 sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng chuyên ngành thông qua các học phần cốt lõi để tiếp cận chuyên môn từ cơ bản đến chuyên sâu.

Học kỳ 5 là khoảng thời gian dành cho quá trình thực tập ở doanh nghiệp và thực hiện đồ án tốt nghiệp là minh chứng trực quan thực tế nhất nhằm đánh giá năng lực tiếp thu vận dụng và sáng tạo của sinh viên khi ra trường. Chương trình đào tạo được bố trí và sắp xếp

một cách hợp lý về khối lượng kiến thức truyền tải mà sinh viên có thể lĩnh hội được từ nền tảng đến chuyên sâu (**1.1.01** – *Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo*)

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến về mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo (**1.1.08** – *Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm*; **1.1.09** – *Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng*; **1.1.10** - *Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức luôn thực hiện theo hướng dẫn, thông tư của Bộ LĐ-TB&XH, về các yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên nhằm đảm bảo chất lượng học tập của sinh viên cũng như chất lượng đào tạo tại nhà trường (**2.1.01** – *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN*)

Hệ thống thư viện của trường: Có thư viện điện tử, đáp ứng yêu cầu truy cập thông tin của cán bộ, giảng viên, người học; có đủ đầu sách tham khảo, tạp chí, tài liệu chuyên ngành đáp ứng yêu cầu của chương trình và được bổ sung, cập nhật thường xuyên.

Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành: có đủ số lượng phòng, trang thiết bị, mô hình giảng dạy, nghiên cứu.

Đội ngũ giảng viên trẻ trung, năng động, tích cực học tập, tìm hiểu, nghiên cứu, cập nhật khoa học công nghệ để ứng dụng vào công tác giảng dạy. Phần lớn giảng viên tại trường đều có khả năng dạy cả lý thuyết và thực hành.

Mỗi mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo luôn yêu cầu rõ ràng về số lượng giáo viên phụ trách và cơ sở vật chất tối thiểu, thông tin đó được thể hiện rõ ràng trong chương trình chi tiết của từng môn học (**1.1.01** – *Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo*)

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến về chương trình đào tạo (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường và Khoa điện tử luôn chú trọng đến chất lượng đào tạo thông qua việc xây dựng đề cương và chuẩn đầu ra môn học cũng như chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp có đầy đủ chương trình chi tiết của tất cả các môn học với chuẩn đầu ra. Mỗi mô-đun, môn học có thể hiện nội dung về phương pháp đánh giá kết quả học tập gồm các thành phần điểm: chuyên cần, thường xuyên, định kỳ, thi cuối kì. Đối với môn học thực hành thang điểm đánh giá được chia thành điểm thành phần: kỹ thuật, thao tác, tổ chức, thời gian và an toàn để xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của sinh viên sau khi kết thúc môn học (**1.1.01** – Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo)

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến về mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngành Điện tử công nghiệp là một trong những ngành trọng điểm phát triển của Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo Điện tử công nghiệp được xây dựng phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội, ngành, địa phương, đất nước. Chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp đã được điều chỉnh phù hợp với tình hình và yêu cầu kỹ thuật công nghệ hiện tại của ngành, xã hội. (**4.1.01** - Quyết định

thành lập tổ xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo; **4.1.02**-Văn bản họp tổ chỉnh sửa xây dựng chương trình đào tạo; **4.1.03** - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; **4.1.04** – Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; **1.1.01**– Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo)

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến về mức độ đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật công nghệ của chương trình đào tạo (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo quyết định ban hành chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học (**1.1.01** – Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo)

Chương trình đào tạo tại trường được xây dựng theo quy định về kiến thức kỹ năng của chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nên SV có thể liên thông một cách dễ dàng giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Khi liên thông từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn cùng ngành, nghề thì chỉ cần bổ sung thêm một số môn học, mô đun, môn học nâng cao. Các trường hợp SV muốn chuyển sang một ngành, nghề khác cùng cấp trình độ thì sẽ được miễn các môn học, mô đun đã học (**1.1.01** – Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.8: 00 điểm

Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn cố gắng phát triển cơ sở vật chất thiết bị, đội ngũ giảng viên để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, cũng như chương trình đào tạo phù hợp để phù hợp với hệ thống giáo dục nghề nghiệp quốc gia (**2.1.01** - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp)

Khoa đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình với mục đích gắn liền công tác đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, yêu cầu của doanh nghiệp trên cơ sở vật chất và điều kiện thực tế của Khoa. Qua nhiều lần tổ chức triển khai biên soạn, đến nay số lượng giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của ngành, nghề gần như đầy đủ. Căn cứ vào chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô-đun môn (**1.1.01 – Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo**) thì Khoa điện tử phụ trách giảng dạy 29 môn học trong chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp. Trong đó 06 môn học chung trường sử dụng tài liệu do Bộ LĐTBXH ban hành, mô đun Thực tập doanh nghiệp và mô đun Đồ án thiết kế mạch không sử dụng giáo trình, còn lại 27 mô đun, môn học cơ sở và chuyên môn nghề có sử dụng giáo trình. Trên cơ sở bộ giáo trình nghề ĐTCN do Tổng cục GDNN ban hành nhà trường đã xem xét lựa chọn/ biên soạn chỉnh sửa bổ sung đầy đủ 27 giáo trình và đang được sử dụng giảng dạy cho SV ngành Điện tử công nghiệp (**4.9.01 - Quyết định về ban hành giáo trình; 4.9.02 - Danh sách thống kê giáo trình cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp**). Các tài liệu học tập, giáo trình Khoa sử dụng phục vụ công tác giảng dạy cũng như cung cấp cho người học khả năng đọc, tìm hiểu kiến thức, được lựa chọn cẩn thận, theo các tiêu chí chất lượng, chuyên môn, khoa học. Phần lớn các giáo trình mà Khoa sử dụng do các giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy biên soạn và được thông qua hội đồng nghiệm thu cấp Khoa, Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.9: 2 điểm

Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Phòng đào tạo là đơn vị chủ trì lên kế hoạch thực hiện rà soát, biên soạn, bổ sung giáo trình. (**4.10.01 – Kế hoạch tổ chức rà soát biên soạn và bổ sung giáo trình**).

Việc tổ chức thực hiện biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo của nhà trường được thực hiện theo quy định của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và quy trình về biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy được ban hành, mã quy trình ĐT-QT04 (**4.10.02 – Quy trình biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy**)

Căn cứ các Quyết định ban hành CTĐT và chuẩn đầu ra đã được ban hành, Khoa chủ động giao việc biên soạn giáo trình cho các thành viên khoa, đề xuất danh sách thành viên

biên soạn cũng như thành viên hội đồng thẩm định GTĐT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chuyên môn. Căn cứ CTĐT chi tiết từng môn đùn, môn học, Khoa tổ chức biên soạn giáo trình thực hiện đúng quy trình, quy định. (**4.10.03** – *Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng*; **4.10.04** - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng*; **4.10.05** - *Các biên bản họp Ban biên soạn Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng*; **4.10.06** - *Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng*)

Giáo trình sau khi được Hội đồng thẩm định nghiệm thu thông qua, danh mục giáo trình được Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt ban hành sử dụng trong toàn trường (**4.9.01** - *Các Quyết định Ban hành giáo trình*; **4.9.02** - *Danh sách thống kê giáo trình cao đẳng Điện tử công nghiệp*; **4.10.07** - *Bản in giáo trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.10: 02 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp của trường được xây dựng theo quy định của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, Trong chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp của trường có liệt kê phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun/ môn học.

Theo đó, các Giáo trình được biên soạn cũng phải cụ thể hóa các Chương, các bài theo thứ tự liên quan và phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo được ban hành cùng các chuẩn đầu ra; Giáo trình cũng nêu rõ cụ thể việc đánh giá kết quả qua bài tập thực hành, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học. Nội dung của giáo trình môn học, mô-đun (gồm: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ) được chia thành các chương, bài. Mỗi chương, bài của giáo trình luôn có các câu hỏi ôn tập và bài tập giúp sinh viên hệ thống kiến thức (**4.9.01** - *Các Quyết định Ban hành giáo trình*; **4.9.02** - *Danh sách thống kê giáo trình cao đẳng Điện tử công nghiệp*; **4.10.07** - *Bản in giáo trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp*)

Giáo trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp đã cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong từng giáo trình dạy nghề, tạo điều kiện để giảng viên thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô đun/môn học trong chương trình dạy nghề. Tất cả đã được Hội đồng thẩm định giáo trình họp thông qua (**4.10.03** – QĐ về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng; **4.10.04** - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng; **4.10.05** - Các biên bản họp Ban biên soạn Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng; **4.10.06** - Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng).

Trường đã tổ chức khảo sát đối với giáo trình về nội dung “Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực”, kết quả khảo sát cho thấy mức cụ thể hóa giáo trình so với chương trình được đánh giá tốt trở lên đạt trên 80% và chỉ tiêu phát huy tính tích cực của người học cũng được đánh giá tốt trở lên đạt trên 80%). (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.11: 2 điểm

Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp của nhà trường được biên soạn dựa trên cơ sở các nội dung và yêu cầu tại đề cương chi tiết của các mô đun/ môn học. Khi xây dựng đề cương chi tiết mô đun/ môn học đều có ý kiến đóng góp của đại diện doanh nghiệp. Công tác biên soạn giáo trình nội bộ được chú trọng thực hiện. Mục đích gắn liền công tác đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, yêu cầu của doanh nghiệp trên cơ sở vật chất và điều kiện thực tế của nhà trường (**4.10.03** – QĐ về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng; **4.10.04** - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng; **4.10.05** - Các biên bản họp Ban biên soạn Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng; **4.10.06** - Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng).

Hàng năm, Trường đều tổ chức lấy ý kiến về mức độ phù hợp của giáo trình với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, kết quả khảo sát cho thấy về kiến thức kỹ năng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn và được đánh giá tốt trở lên đạt trên 80%.
(**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.12: 02 điểm

TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Địa điểm Trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực, đảm bảo cho việc giảng dạy- học tập, thuận tiện cung cấp điện, nước, gần trạm xe buýt, trạm tàu điện ngầm giúp việc giao thông đi lại dễ dàng. Phòng học lý thuyết và thực hành của ngành Điện tử công nghiệp được trang bị đủ số lượng và chủng loại thiết bị đào tạo đảm bảo yêu cầu đào tạo của chương trình đào tạo. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành trên thiết bị theo chương trình đào tạo.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Tất cả thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. Hàng năm đều thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo vật tư được chuẩn bị đầy đủ, bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và sẵn sàng cho việc sử dụng. Giáo trình, tài liệu tham khảo đảm bảo đủ phục vụ cho sinh viên. Nhà trường thường xuyên cập nhật giáo trình nhằm phục vụ tốt công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Số lượng máy tính, chỗ ngồi trong thư viện đảm bảo đủ cho sinh viên của trường.

Cơ sở vật chất của Thư viện trường đủ đáp ứng nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. Thư viện sử dụng phần mềm quản trị sách, có công cụ cho phép người đọc tra cứu nhanh tài nguyên đang có. Các học phần chuyên ngành Khí nén-thủy lực, kỹ thuật lập trình PLC, Vi điều khiển ứng dụng và Robot công nghiệp, sinh viên được hướng dẫn sử dụng các phần mềm chuyên dụng để mô phỏng trước khi vận hành, thao tác trên thiết bị thực tế.

** Những điểm mạnh:*

Vị trí cơ sở đào tạo tọa lạc tại trung tâm thành phố Thủ Đức, gần trạm xe buýt trung tâm, thuận lợi cho việc đi lại của người học. Trường quy hoạch và xây dựng khoa học, bố trí các khu vực phòng học lý thuyết, thực hành hợp lý giúp khai thác một cách hiệu quả cơ sở vật chất đang có.

Trường đầu tư có kế hoạch trang thiết bị phục vụ giảng dạy các ngành theo hướng tiếp cận các chương trình giáo dục nghề nghiệp hiện đại. Thư viện có số sách lớn, mới, ứng dụng công nghệ quản lý hiện đại, cập nhật nhiều đầu sách hay phục vụ hiệu quả cho công tác nghiên cứu của giảng viên cũng như học tập của sinh viên.

Điều kiện phục vụ cho hoạt động giảng dạy của giảng viên cũng như hoạt động học tập của sinh viên tương đối tốt. Tất cả phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm đều có trang bị đầy đủ các phương tiện dạy học hiện đại, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sinh viên học tập.

Công tác quản lý trang thiết bị phục vụ đào tạo được thực hiện theo quy trình, đảm bảo máy móc vật tư luôn sẵn sàng. Đội ngũ giảng viên có chuyên môn tốt và công tác 5S được triển khai và thực hiện nghiêm túc, giảng viên trực tiếp sửa chữa thiết bị thực tập giúp tiết kiệm thời gian và tăng cao hiệu quả sử dụng thiết bị.

** Những tồn tại:*

Một số Trang thiết bị đào tạo của trường chưa đảm bảo về số lượng.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao Đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật Thủ Đức nằm ở vị trí trung tâm thành phố Thủ Đức. Trụ sở chính của Trường đặt tại địa chỉ Số 17 Đường 8 Phường Linh Chiểu, thành phố

Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, có tổng diện tích đất là 16.718 m² nằm tại khu dân cư thuận tiện cho việc đi lại, học tập và giảng dạy. (5.1.01- Quyết định thành lập trường; Quyết định đổi tên trường; 5.1.02 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

Trường CĐ KT-KT Thủ Đức gồm các dãy nhà A, B, C, D để phục vụ công tác giảng dạy, hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa với tổng diện tích đáp ứng được quy mô đào tạo của Nhà trường. Các phòng học và hệ thống điện nước của các dãy nhà đều đáp ứng yêu cầu xây dựng theo tiêu chuẩn trong thiết kế trường dạy nghề được thể hiện qua hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng của trường. (5.1.03 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng).

Khoa điện tử được bố trí tại lầu 2 khu B, hiện khoa được giao quản lý và sử dụng 5 phòng thực hành, 02 phòng lý thuyết, ngoài ra Khoa còn sử dụng chung các phòng thực hành do các Khoa khác trực tiếp quản lý như: 02 phòng thực hành tin học, 04 phòng thực hành Điện (Phòng Máy điện, phòng Trang bị điện, Phòng PLC, phòng Điện khí nén) để phục vụ giảng dạy CTĐT nghề Điện tử công nghệ. (5.1.03 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng), cụ thể:

STT	Tên phòng	Mã phòng	Diện tích
1	Văn phòng Khoa Điện tử	B2.2	40 m ²
Phòng học lý thuyết			
1	Phòng lý thuyết	B3.5	80 m ²
2	Phòng lý thuyết	B3.6	120 m ²
Phòng thực hành			
1	Phòng thực hành Điện tử số	B2.10	80 m ²
2	Phòng thực hành Điện tử tương tự	B2.9	80 m ²
3	Phòng thực hành thiết kế mạch in – Vi điều khiển	B2.7	120 m ²
4	Phòng thực hành Điện tử công suất	B2.6	120 m ²

5	Phòng thực hành Cảm Biến - Đo lường	B 2.5	80 m ²
6	Phòng Thực hành Trang Bị điện	B1.2	116 m ²
7	Phòng Thực hành PLC cơ bản	B1.6	160 m ²
8	Phòng Thực hành máy điện	B1.7	144 m ²
9	Phòng Thực hành điện khí nén	B1.9	116 m ²

(5.1.04 - Thống kê số lượng, diện tích, vị trí của phòng học, phòng thực hành chuyên môn)

Tất cả các xưởng thực hành, phòng học lý thuyết (dùng chung) và phòng máy tính chuyên dụng đều đảm bảo quy chuẩn xây dựng theo Thông tư 38/2018/BLĐTBXH. Hệ thống phòng học, phòng thực hành chuyên dụng, xưởng thực hành đều được xây dựng ngăn cách từng khu riêng biệt có 2 cửa ra vào; hệ thống chiếu sáng, thông gió và đảm bảo thông thoáng và thuận tiện trong bố trí thiết bị đào tạo. *(5.1.03 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng; 5.1.05 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành nghề ĐTCN)*

Hệ thống cấp nước của Trường: Trường có Hệ thống nước sạch được cung cấp bởi Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức với công nghệ xử lý hiện đại đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho toàn trường. Nước sinh hoạt được dẫn lên các bể chứa trên mái và được dẫn đến các khu vực hoạt động trong khuôn viên Trường, do đó hệ thống nước sạch được cung cấp đầy đủ, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch cho từng khu vực, từng nhà xưởng trong toàn Trường. *(5.1.06 - Bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước, hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện; 5.1.07 – Các Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường)*

Hệ thống thoát nước Trường: Khuôn viên Trường được xây dựng trên nền đất cao của khu vực, có hệ thống đường nội bộ thiết kế liên thông hệ thống thoát nước nội bộ kết nối với hệ thống thoát nước của khu vực phường Linh Chiểu. Hệ thống thoát nước của Nhà trường được thiết kế hợp lý, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. *(5.1.06 - Bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước, hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện)*

Hệ thống điện: Hệ thống điện của Điện dùng chung hệ thống điện của nhà trường được cung cấp từ hệ thống điện của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh thông qua Công ty điện lực Thủ Đức đảm bảo cung cấp theo nhu cầu tiêu thụ điện của Nhà trường.

Trường có trạm biến áp riêng với công suất 560KVA nên luôn đảm bảo việc cung cấp điện ổn định cho sinh hoạt, học tập thực hành, thực tập và mọi hoạt động khác của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường còn có máy phát điện dự phòng công suất 16KVA để đảm bảo cho hoạt động khối văn phòng và phòng máy chủ server của Nhà trường khi mất điện (5.1.07 – Các Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường; 5.1.08- Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp; 5.1.09 - Hồ sơ máy phát điện dự phòng của Trường; 5.1.06 - Bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước, hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện). Bên cạnh việc thông gió, chiếu sáng tự nhiên, các phòng học lý thuyết được trang bị hệ thống đèn chiếu sáng và quạt thông gió; Các phòng thực hành thiết kế lắp đặt nguồn điện chiếu sáng, thông gió, quạt hoặc điều hòa nhiệt độ với nguồn 3 pha động lực cấp cho các máy móc thiết bị thực hành v.v.. (5.1.06 - Bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước, hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện; 5.1.03 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng)

Hệ thống trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy của Nhà trường được thực hiện đúng theo thiết kế theo dự án xây dựng trường năm 2009 và được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Cùng với hệ thống phòng cháy chữa cháy theo thiết kế, Nhà trường đã trang bị các bình chữa cháy và gắn các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy tại từng khu vực chức năng trong Nhà trường. Nhà trường đã thành lập Đội PCCC gồm 15 thành viên và xây dựng phương án PCCC cơ sở được phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an Thành phố Thủ Đức phê duyệt theo quy định. Trường tổ chức cho đội PCCC của Trường tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm theo kế hoạch của đội cảnh sát PCCC- Công an Thành phố Thủ Đức (5.1.10 -Hồ sơ thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; 5.1.11-Hồ sơ công tác PCCC; 5.1.12 - Các biên bản kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy)

Về cơ bản, các phòng học đều đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên. Tuy nhiên, để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo thì việc trang bị các thiết bị đào tạo cũng như phòng học luôn được Khoa điện tử thực hiện báo cáo hằng năm để đánh giá mức độ đáp ứng chương trình đào tạo nhằm kịp thời đề xuất nâng cấp khi cần thiết. Kế hoạch sử dụng các phòng thực hành phục vụ công tác giảng dạy được thực hiện mỗi học kỳ (5.1.13 - Quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; 5.1.14 - Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất).

Công tác vệ sinh khuôn viên nhà trường luôn được đảm bảo vì có đội ngũ nhân viên phục vụ thường xuyên quét dọn thu gom rác thải đến khu vực tập kết và được đơn vị thu gom đưa đi

xử lý theo quy định của ngành tài nguyên môi trường (5.1.15- *Danh sách đội ngũ nhân viên vệ sinh*; 5.1.16 - *Hợp đồng công ty vệ sinh môi trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị đào tạo là điều kiện quan trọng đảm bảo chất lượng cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học. Nghề Điện tử công nghiệp của nhà trường là nghề trọng điểm được lựa chọn để hỗ trợ đầu tư vùng Đông nam bộ (theo quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2017) và được quyết định là nghề trọng điểm cấp Quốc gia (theo quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2029) do đó trang thiết bị đào tạo của nghề được bổ sung thường xuyên từ các nguồn dự án dành cho nghề trọng điểm, nguồn ngân sách đầu tư mua sắm của nhà trường và từ các hoạt động nghiên cứu khoa học về thiết bị đào tạo tự làm của Khoa, Trường. Hàng năm Trường rà soát độ tin cậy danh mục thiết bị đào tạo hiện có và nâng cấp bổ sung thiết bị mới đảm bảo đáp ứng khả năng công nghệ mới. Các đơn vị sử dụng thiết bị đào tạo có biên bản kiểm kê thiết bị hàng năm về tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng báo cáo cho Trường làm tư liệu (5.2.01 - *Hợp đồng kinh tế về mua sắm thiết bị*; 5.2.02 - *Hồ sơ NCKH về chế tạo thiết bị đào tạo tự làm*; 5.1.05 - *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành nghề ĐTCN*).

Trường có đủ chủng loại thiết bị đào tạo, dụng cụ... để thực hiện đào tạo nghề Điện tử công nghiệp đã được xác định trong chương trình đào tạo của nghề và theo quy định của BLĐTBXH đáp ứng quy mô đào tạo. (5.2.03 - *Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu*; 5.2.04 - *Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị hàng năm(nghề ĐTCN)*)

Để quản lý tốt thiết bị tại các phòng thực hành cũng như nâng cấp khi cần thiết, danh mục các thiết bị đào tạo được lập ra gồm tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng. Danh mục này rất cần thiết khi Phòng QTTB lập báo cáo theo dõi tài sản cố định hàng năm. Qua các đợt kiểm tra thì cho thấy cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của trường nói chung và Khoa điện tử nói riêng đã đảm bảo tốt điều kiện giảng dạy và học tập. Việc kiểm tra - thanh tra được thể hiện qua biên bản thanh, kiểm tra về thiết bị đào tạo (5.2.04 - *Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị hàng năm(nghề ĐTCN)*).

Hàng năm trường thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo và người học về tình hình thiết bị phục vụ cho đào tạo (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, đảm bảo chủng loại trang thiết bị đào tạo là việc làm hết sức quan trọng. Ngoài ra, đảm bảo đủ số lượng thiết bị để giảng dạy cũng quan trọng không kém. Do đó, Khoa điện tử lập các danh mục thiết bị đào tạo (**5.1.05** - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành nghề ĐTCN). Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo (**5.2.03** - Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ hàng năm) cũng như báo cáo theo dõi tài sản cố định hàng năm (**5.2.04** - Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị hàng năm (nghề ĐTCN)) nhằm rà soát số lượng trang thiết bị hiện có để tính toán việc phân chia các trang thiết bị cho các lớp học nhằm đảm bảo đủ số lượng để giảng dạy và đạt hiệu quả sử dụng cao nhất.

Dựa trên thống kê số lượng sinh viên tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo hàng năm để tổ chức sắp xếp lịch học, thời khóa biểu để đảm bảo cho sinh viên tham gia thực tập, rèn luyện trong quá trình học (**1.2.02** - Kế hoạch công tác hàng năm; **2.2.01**- Các Kế hoạch đào tạo toàn khóa, **2.2.02** - Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm; **2.2.03** - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm; **2.2.04** - Thời khóa biểu hàng năm). Về cơ bản, số lượng các máy móc thiết bị trong phòng thực hành đảm bảo mỗi nhóm sinh viên một thiết bị. Song song đó, tùy vào tính chất môn học cũng như số lượng sinh viên trong lớp học mà Khoa sẽ phân công một hoặc hai giảng viên phụ trách thông qua kế hoạch phân công giảng dạy. Hàng năm Trường rà soát độ tin cậy danh mục thiết bị đào tạo hiện có và nâng cấp bổ sung thiết bị mới để đảm bảo đáp ứng đầy đủ thiết bị giảng dạy. (**5.2.02** - Hồ sơ NCKH về chế tạo thiết bị đào tạo tự làm)

Đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BLĐT BXH ngày 25/12/2019 (Phụ lục 3a và 3b) thì một số danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nhà trường còn thiếu về số lượng như:

- + Máy tính: thiếu 05 bộ
- + Scanner: thiếu 01 máy
- + Dụng cụ cứu thương: 06 bộ
- + Bộ bảo hộ lao động: 09 bộ
- + Máy hút bụi: 01 máy

- + Máy in laser đen trắng: 01 máy
- + Mô đun cảm biến từ : 06 bộ
- + Đầu dò logic: 06 cái
- + Bộ dụng cụ đo kiểm cơ khí: 01 bộ
-

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát thu thập ý kiến về thiết bị đào tạo (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.3: 00 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại các phòng thực hành luôn được bố trí một cách khoa học, hợp lý đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành. Công tác bố trí trong xưởng thực tập, phòng thực hành hợp lý cũng nhằm mục đích tiết kiệm, giảm lãng phí đồng thời đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Thiết bị dạy nghề trong các xưởng thực hành được bố trí lắp đặt chuyên môn hóa theo các nhóm môn học sao cho phù hợp với chức năng sử dụng. Các thiết bị thực hành trong phòng thực hành có hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ để theo dõi và quản lý thiết bị phục vụ kế hoạch thực hành của sinh viên. Các phòng học được thực hiện với quy trình chặt chẽ như trên để đảm bảo hiệu quả sử dụng cao nhất và cải thiện môi trường học tập của sinh viên (**5.1.05** - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành nghề ĐTCN; **5.4.01**- Sơ đồ, hình ảnh bố trí thiết bị trong phòng thực hành).

Phòng quản trị thiết bị của nhà trường, khoa chuyên môn thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng thiết bị, dụng cụ dạy nghề của các xưởng thực hành. Kết quả kiểm tra cho thấy các trang thiết bị, dụng cụ bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành. Các thiết bị, nhà xưởng luôn được vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường sau mỗi ca thực tập (**5.4.02** - Nội quy phòng thực hành; **5.4.03** - Quy định của Trường về sử dụng phòng học lý thuyết, phòng thực hành; **5.4.04** - Biên bản kiểm tra về an toàn lao động hàng năm).

Các phòng thực hành nghề Điện tử công nghiệp đều có phân công giảng viên phụ trách và quản lý thiết bị nhằm đảm bảo các thiết bị hoạt động tốt trong các buổi thực hành của sinh viên đảm bảo theo kế hoạch đào tạo (**3.2.03** – *Danh sách giáo viên phụ trách phòng xưởng thực hành các năm*; **2.2.01**- *Các Kế hoạch đào tạo toàn khóa*, **2.2.02** - *Kế hoạch đào tạo*, *Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm*; **2.2.03** - *Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm*; **2.2.04** - *Thời khóa biểu hàng năm*).

Để công tác quản lý và bảo trì bảo dưỡng thiết bị được thực hiện nghiêm túc, trường có ban hành Quy chế về quản lý tài sản công kèm theo Quyết định số 136/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 31/12/2019; Quy định sử dụng phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng làm việc của Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức kèm theo Quyết định số 07/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 07/02/2020, và Quy trình bảo dưỡng thiết bị máy móc, mã quy trình QTTB-QT24. Khoa điện tử phối hợp với phòng Quản trị Thiết bị thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng theo quy trình và có báo cáo định kỳ với Ban Giám hiệu. Thiết bị đào tạo được kiểm kê hàng năm, qua công tác kiểm kê thực hiện đánh giá tình trạng, mức độ sử dụng qua đó có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng hoặc đề nghị thanh lý (**5.1.13** - *Qui định về quản lý, sử dụng tài sản công*; **5.4.05**- *Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc*; **5.4.06** - *Báo cáo công tác quản trị cơ sở vật chất và thiết bị hàng năm*; **5.2.04** - *Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị hàng năm(nghề ĐTCN)*).

Hàng năm trường thực hiện lấy ý kiến khảo sát về công tác quản lý, sử dụng thiết bị đào tạo của ngành Điện tử công nghiệp (**1.1.08** – *Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm*; **1.1.09** – *Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng*; **1.1.10** - *Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ chương trình đào tạo được ban hành năm 2020, Thông tư 14/2017/TT-BLĐTBXH, Thương binh và Xã hội Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp Căn cứ chương trình đào tạo được ban hành, Trường tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của nghề Điện tử công nghiệp theo quy định của Thông tư 25/2019/TT-

BLĐTBXH ngày 24/12/2019 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề điện, điện tử; công nghệ thông tin; xây dựng, kiến trúc và dịch vụ trong đó có nghề Điện tử công nghiệp, trường đã xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với nghề Điện tử công nghiệp và ban hành theo Quyết định số 127/QĐ-CĐKTKTTĐ ngày 24/6/2020.

Năm 2023, sau khi rà soát điều chỉnh CTĐT và căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, trường đã rà soát xây dựng lại định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo đối với nghề Điện tử công nghiệp và ban hành theo quyết định số 140/QĐ-CĐKTKTTĐ ngày 31/8/2023

(1.3.03 – Hồ sơ xây dựng và ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Điện tử công nghiệp)

Việc quản lý, sử dụng vật tư thực hành của Khoa được thực hiện theo và văn bản quy định chung của nhà trường về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo và Quy trình cấp phát vật tư, mã quy trình QTTB-QT21 (5.5.01- Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; 5.5.02-Quy trình cấp phát vật tư; 5.5.03 - Sổ theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; 5.5.04-Biên bản bàn giao phụ liệu thực hành; 5.5.05 - Báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng) Các nội dung chi cho việc mua sắm vật tư được nhà trường quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường (3.3.05 – Quy chế chi tiêu nội bộ các năm).

Khoa điện tử có hệ thống kho riêng được bố trí tại mỗi phòng, xưởng thực hành, có các tủ, kệ tại mỗi phòng xưởng do đó thuận tiện cho việc được bố trí ngăn nắp, gọn gàng vật tư, thiết bị. (5.5.06 – Hình ảnh các kho, xưởng)

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát thu thập ý kiến về cấp phát, quản lý, sử dụng vật tư trong đào tạo. Kết quả khảo sát về nội dung “vật tư phụ liệu phục vụ công tác đào tạo đầy đủ, kịp thời đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo” mức đánh giá tốt trở lên đạt trên 80% (1.1.08 – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; 1.1.09 – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người

học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện nhà trường được bố trí tại khu nhà A theo QĐ 30/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 15/04/2022 với tổng diện tích gần 314m² trong đó thư viện sách 138m², thư viện điện tử 88m², phòng đọc 88m² , Trường có 2 loại thư viện là thư viện sách và thư viện điện tử (phòng máy tính vừa phục vụ học tập, vừa phục vụ tra cứu tài liệu). Thư viện có đủ giáo trình, chương trình phù hợp với chương trình đào tạo của Nhà trường, được Hiệu trưởng phê duyệt. Mỗi giáo trình đảm bảo có 5 bản in, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo, người học (**1.1.01 – Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo; 4.9.01 - Quyết định về ban hành giáo trình; 4.9.02 - Danh sách thống kê giáo trình cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp**).

Tất cả thông tin giáo trình, tài liệu tham khảo được công bố công khai trên trang web của Trường để phục vụ nhu cầu tìm đọc online của giảng viên và sinh viên. Giáo trình và tài liệu tham khảo tại thư viện đáp ứng tốt cho việc tìm hiểu nghiên cứu của giáo viên và sinh viên. Các tài liệu này được rà soát và chỉnh sửa, cập nhật thường xuyên hàng năm theo mục tiêu của Trường và theo đúng quy định của Bộ LĐ-TB&XH. (**5.6.01 - Danh mục giáo trình nghề Điện tử công nghiệp được số hóa; 5.6.02 - Danh mục tài liệu tham khảo nghề Điện tử công nghiệp được số hóa**)

Hàng năm trường thực hiện tổng kết đánh giá hoạt động của thư viện và khảo sát ý kiến của người đọc để đề ra những giải pháp phục vụ tốt hơn. (**5.6.03 - Báo cáo tổng kết công tác thư viện; 1.1.08 – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; 1.1.09 – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện trường được bố trí tại lầu 1 dãy nhà A

- 1. Cơ sở vật chất: Tổng thể diện tích TV = 212 m² gồm kho sách, phòng đọc.**
- 2. Trang thiết bị thư viện:**

- + Máy vi tính: 35 máy (1máy chủ, 34 máy nghiệp vụ) tất cả các máy đều kết nối internet cho HSSV sử dụng (5.7.01 - *Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện*);
- + Phần mềm quản lý: 01 phần mềm; 01 cổng thông tin điện tử (Website) (5.7.02 - *Phần mềm thư viện điện tử*);
- + Đường truyền Internet: 01 line.

Nhà trường luôn chú trọng các hoạt động tự học của sinh viên. Thư viện là một địa điểm lý tưởng để thực hiện việc này. Do đó, trường có các văn bản thể hiện đề nghị thư viện tạo thuận lợi cho sinh viên vào thư viện để học tập như tạo điều kiện về thời gian, phòng máy tính, không gian học tập nhóm, cung cấp tài liệu,...(5.7.02 - *Phần mềm thư viện điện tử*; 5.7.03 - *Nội qui sử dụng máy vi tính tại thư viện*; 5.7.04 - *Sơ đồ mạng LAN*; 5.7.05 - *Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet*).

Hàng năm thư viện có báo cáo về các hoạt động của thư viện (5.6.04 - *Báo cáo tổng kết công tác thư viện*) và nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, nhà giáo giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp về trang thiết bị của thư viện (5.6.03 - *Báo cáo tổng kết công tác thư viện*; 1.1.08 – *Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm*; 1.1.09 – *Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.7: 2 điểm

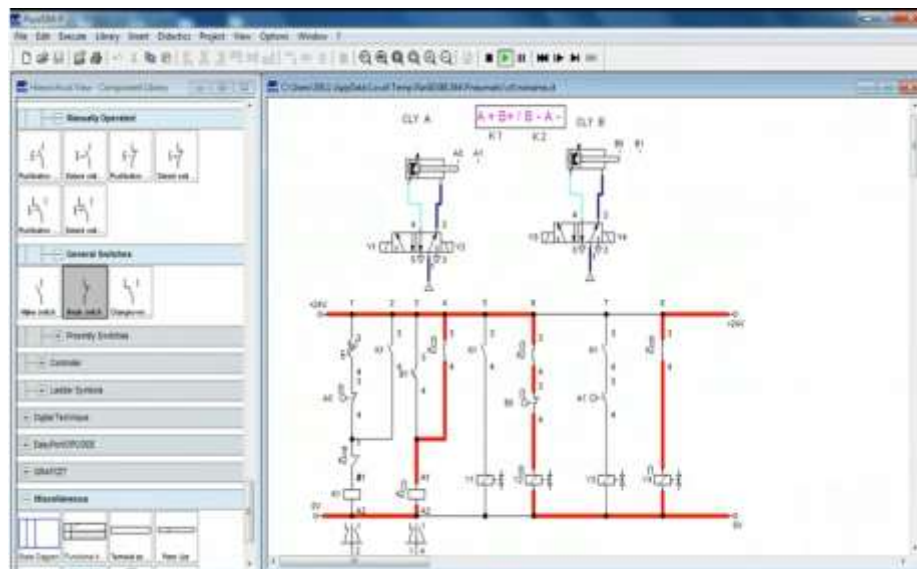
Tiêu chuẩn 8: *Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

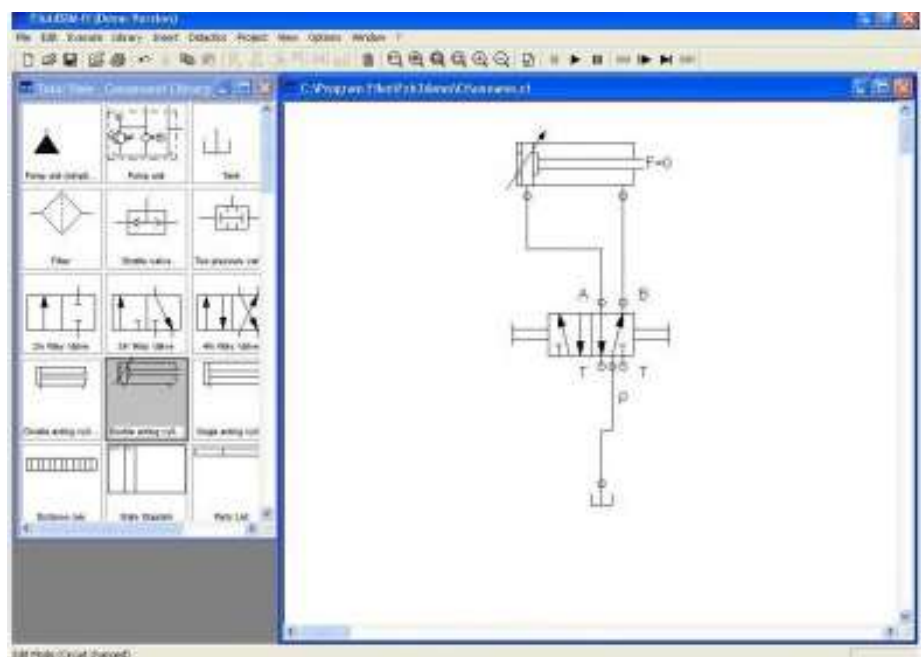
Nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập ngày càng hiệu quả và sinh động hơn, các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế cần được triển khai và đưa vào sử dụng. Hiện nay, sinh viên ngành Điện tử công nghiệp có 14/28 môn học cơ sở và chuyên ngành có sử dụng phần mềm mô phỏng như : Altium Designer (17), Proteus (8.6), PSIM (8.0), Keil C uVision 4, Arduino IDE 1.8.19, Led 7 Segment Editor, Matrix LED 16x24, Altera Quartus v9.0 SP2, Progisp (v 1.72), SketchUp 2021, Fluidsim Pneumatic, Fluidsim Hydraulic, Step 7 microWin, Schemalic, simulivào giảng dạy (5.8.01 - *Danh sách và hình chụp các phần mềm ảo mô phỏng trong giảng dạy ngành ĐTCN*), các phần mềm ảo được giáo viên đưa vào bài giảng để trực quan hóa giúp sinh viên nhanh chóng hiểu bài và được phản hồi tích cực từ sinh viên (5.8.02 - *Bài giảng điện tử của giáo viên*)

TT	Môn học	Phần mềm mô phỏng
1	Mạch điện tử cơ bản	Proteus
2	Kỹ thuật xung - số	Proteus LED 7 Segment Editor Matrix LED 16x64
3	Điện tử ứng nâng cao	Proteus
4	Điện tử công suất	PSIM Proteus
5	Thiết kế mạch bằng máy tính	Altium Designer
6	Vi điều khiển	Keil C uVision 4 Progisp (v 1.72) LED 7 Segment Editor Matrix LED 16x64
7	Trang bị điện	Schemalic, simuli
8	Điều khiển điện khí nén	Fluidsim Pneumatic, Fluidsim Hydraulic
9	PLC cơ bản	Step 7 microWin
10	PLC nâng cao	TIA Portal
11	Kỹ thuật cảm biến	Proteus Arduino IDE 1.8.19
12	Vi mạch số lập trình	Altera Quartus v9.0 SP2
13	Vi điều khiển nâng cao	Keil C uVision 4 Progisp (v 1.72) LED 7 Segment Editor Matrix LED 16x64 Arduino IDE 1.8.19
14	Rô bốt công nghiệp	SketchUp 2021 Arduino IDE 1.8.19 Dobot Studio M1 Studio

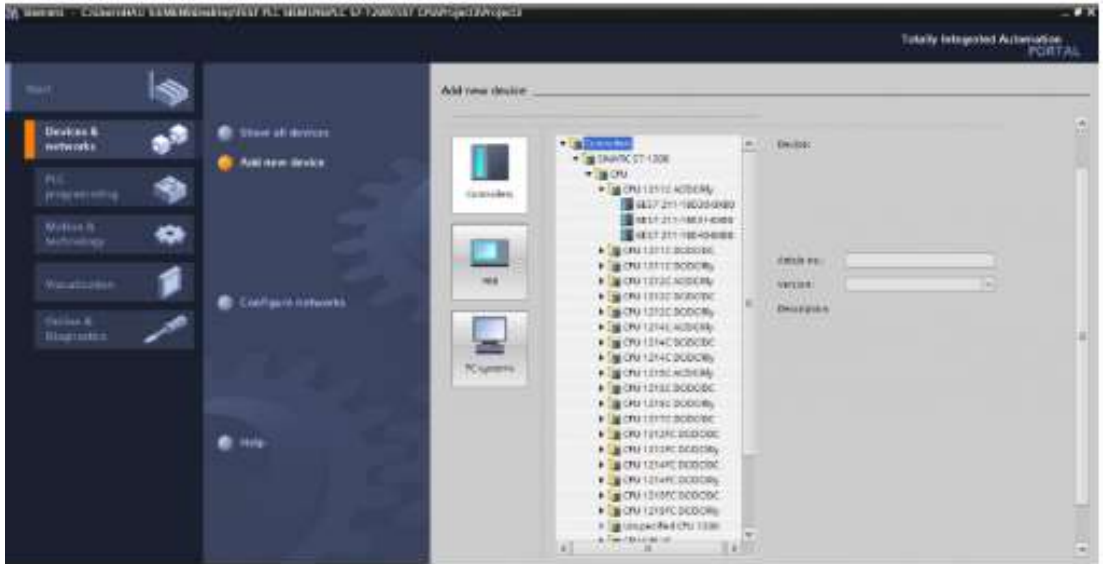
Phần mềm Fluidsim Pneumatic cho phép mô phỏng nguyên lý hoạt động các mạch khí nén. Phần mềm có sẵn thư viện linh kiện khí nén hỗ trợ thao tác lắp mạch nhanh chóng.



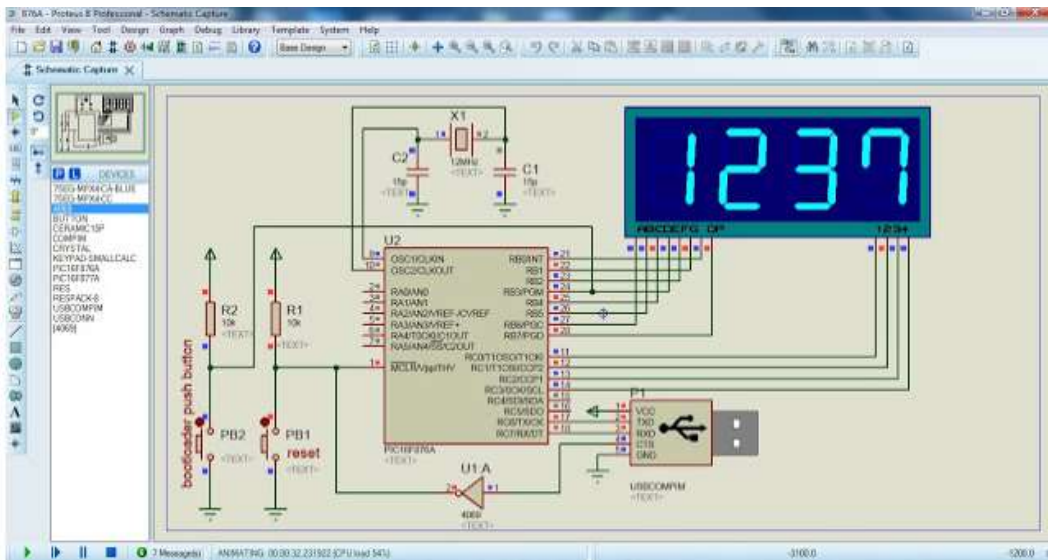
Tương tự, phần mềm Fluidsim Hydraulic cho phép mô phỏng nguyên lý hoạt động các mạch Thủy lực trước khi lắp ráp và vận hành trên thiết bị thực tế.



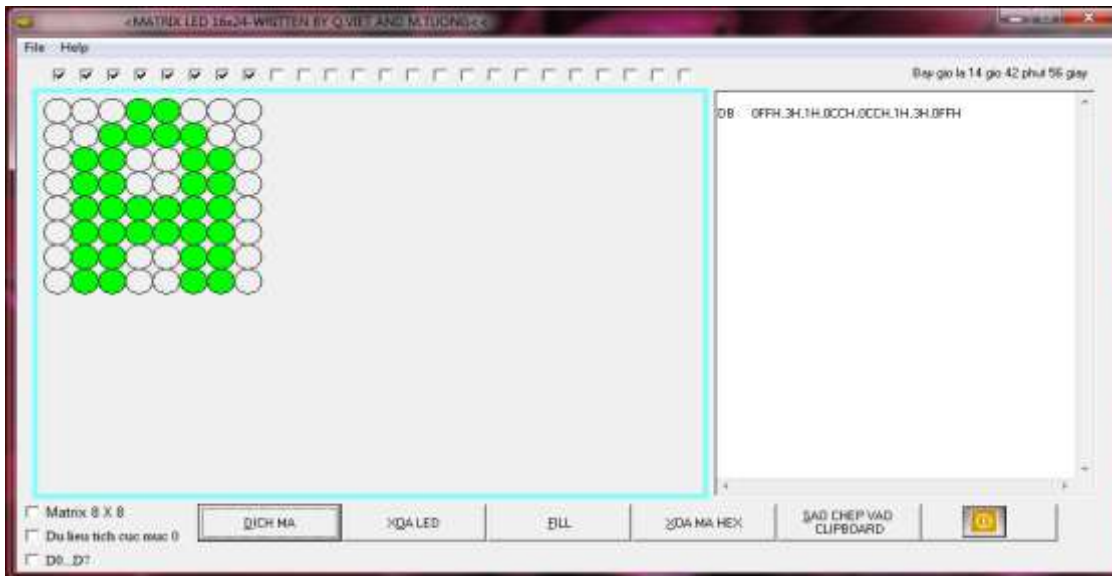
Phần mềm TIA Portal hỗ trợ lập trình và mô phỏng cho các dòng PLC Siemens S7-300/400/1200, HMI và SCADA.



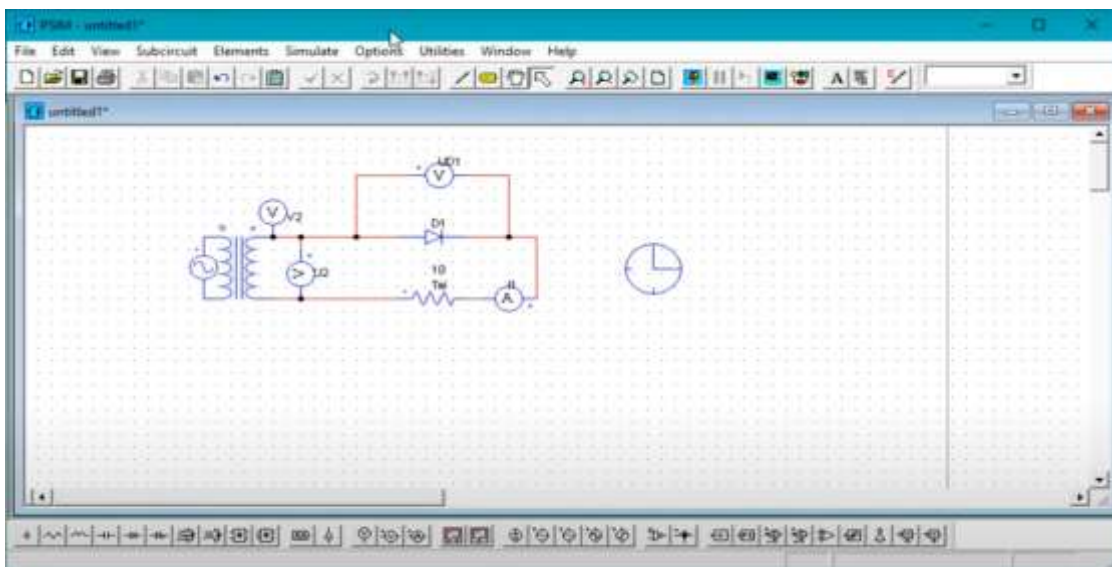
Phần mềm Proteus là bộ công cụ chuyên về mô phỏng mạch điện tử. Phần mềm cho phép mô phỏng hoạt động của mạch điện tử bao gồm cả phần thiết kế mạch và kết nối chương trình điều khiển cho các họ vi điều khiển như MCS-51, PIC, AVR,...



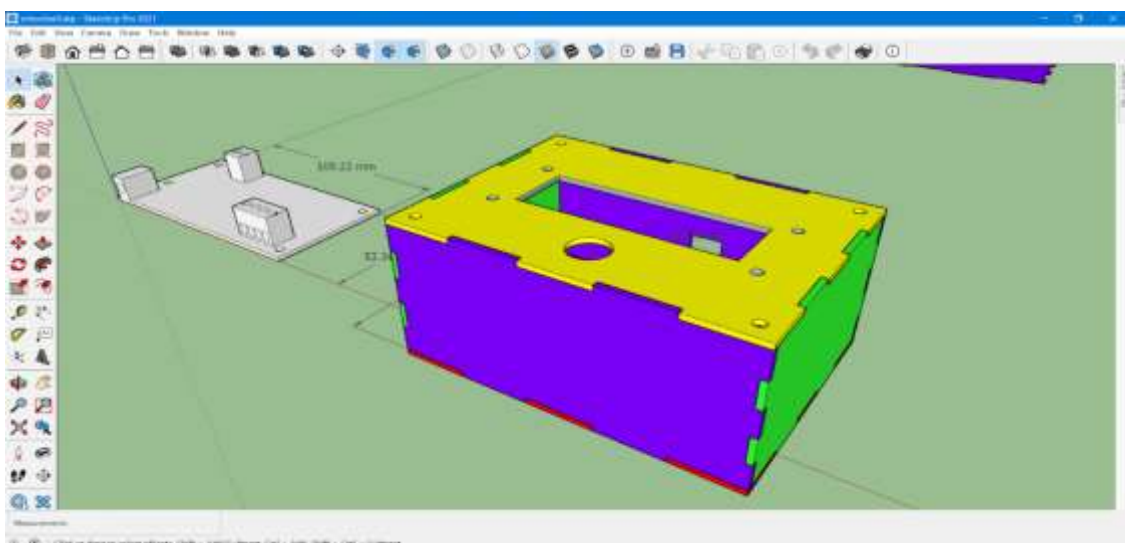
Matrix LED 16x64 giúp Mô phỏng hoạt động của LED ma trận.



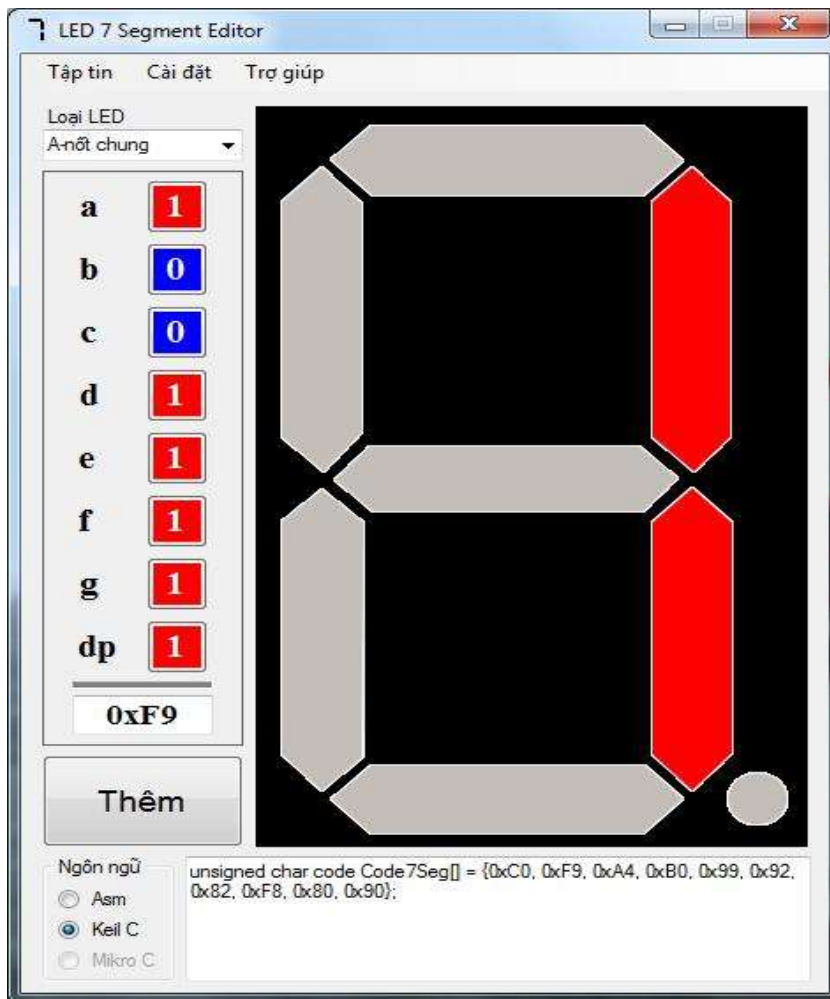
PSIM 9 giúp mô phỏng hoạt động, cho biết các thông số trong quá trình hoạt động của các linh kiện.



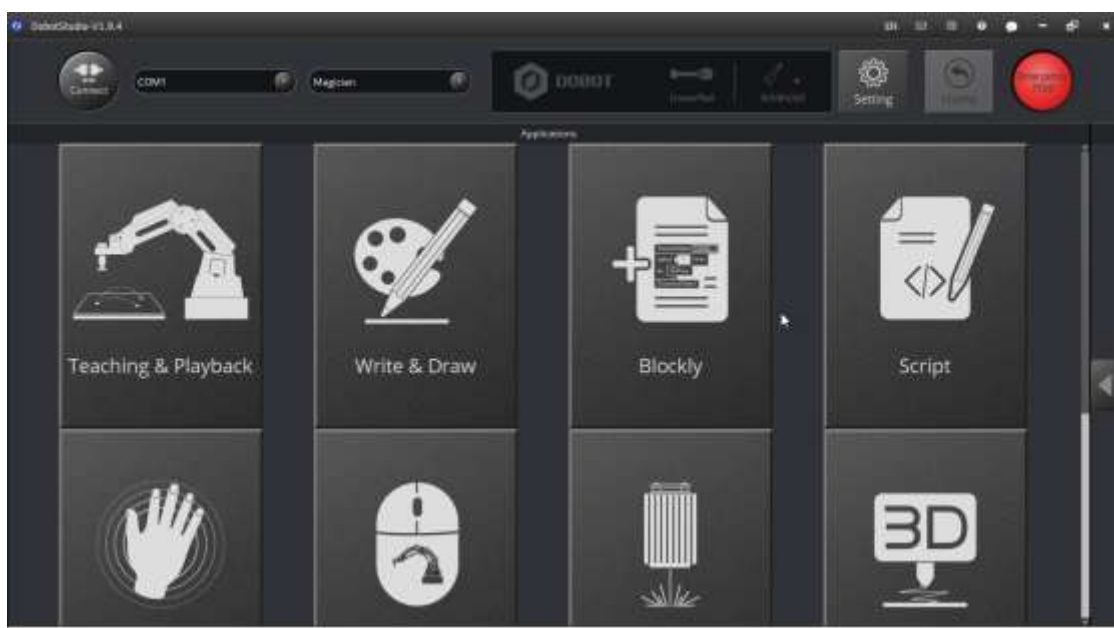
SketchUp 2021 giúp Mô phỏng hình dạng của vật thể trong không gian 3 chiều.



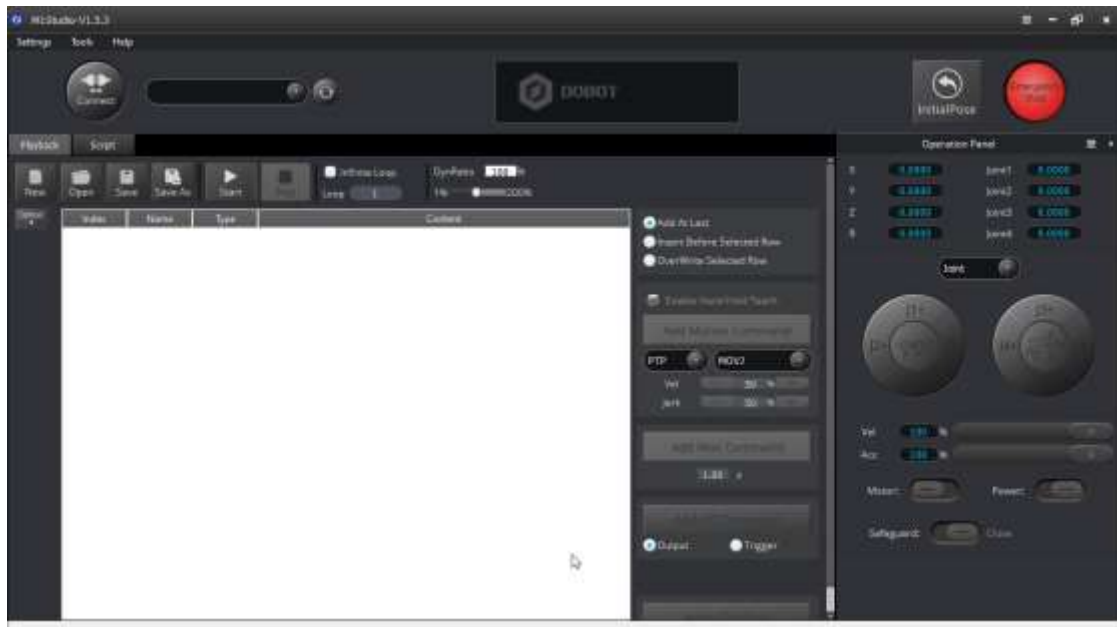
LED 7 Segment Editor giúp Mô phỏng hoạt động và tạo mã cho LED 7 đoạn



Dobot Studio giúp lập trình điều khiển hoạt động của robot Dobot Magician.



M1 Studio lập trình điều khiển hoạt động của robot M1.



Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.8: 02 điểm

TIÊU CHÍ 6: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Sinh viên trúng tuyển vào trường được sinh hoạt đầu khóa. Mỗi sinh viên được cung cấp một quyển sổ tay sinh viên, trong đó có đủ các thông tin về chương trình đào tạo theo ngành, nghề; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các chế độ chính sách đối với sinh viên.

Trường thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên theo quy định; chính sách khen thưởng đối với cá nhân có kết quả học tập giỏi, xuất sắc cũng như tập thể có kết quả rèn luyện thi đua đạt thành tích xuất sắc trong năm học. Ngoài ra, sinh viên thuộc diện khó khăn còn được xem xét hỗ trợ các dạng học bổng khuyến học, học bổng vượt khó từ doanh nghiệp.

Trường phối hợp với phòng lao động – thương binh và xã hội Tp. Thủ Đức, sở lao động – thương binh và xã hội Tp. HCM đưa sinh viên đến tham gia sàn giao dịch việc làm. Sự kiện thu hút hơn 20 doanh nghiệp có nhu cầu phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật phù hợp với chất lượng đầu ra của Trường. Trường cũng tổ chức ngày hội việc làm hàng năm giúp sinh viên năm cuối có cơ hội tìm hiểu về doanh nghiệp và tham gia phỏng vấn tìm việc. Thông tin tuyển dụng việc làm được trường thông báo trên các kênh thông tin của trường giúp sinh viên tốt nghiệp tiếp cận nhanh chóng.

Ngoài kiến thức, kỹ năng được học trong chương trình đào tạo, sinh viên ngành Điện tử công nghiệp còn có cơ hội tham gia các giải thi đấu bóng đá do Đoàn thanh niên của Trường tổ chức hàng năm;

** Những điểm mạnh:*

Các thông tin về chương trình đào tạo theo ngành, nghề; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các chế độ chính sách đối với sinh viên được nhà trường cung cấp cho sinh viên đầy đủ. Mỗi lớp có giảng viên chủ nhiệm thực hiện cố vấn và hỗ trợ cho sinh viên trong suốt quá trình học tại trường.

Các chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện theo quy định; chính sách khen thưởng đối với cá nhân có kết quả học tập giỏi, xuất sắc cũng như tập thể có kết quả

rèn luyện thi đua đạt thành tích xuất sắc trong năm học. Ngoài ra, sinh viên thuộc diện khó khăn còn được xem xét hỗ trợ các dạng học bổng vượt khó từ doanh nghiệp.

Sinh viên năm cuối có cơ hội tìm hiểu về doanh nghiệp và tham gia phỏng vấn thực tập tốt nghiệp trong sự kiện ngày hội việc làm được tổ chức tại Trường theo định kỳ hàng năm. Thông tin tuyển dụng việc làm được trường thông báo trên các kênh thông tin của trường giúp sinh viên tốt nghiệp tiếp cận nhanh chóng.

** Những tồn tại:*

- Trường chưa có nhiều câu lạc bộ để tạo nhiều sân chơi cho HSSV tham gia sinh hoạt sau giờ học.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh ở các tỉnh thành lân cận, tạo nhiều sân chơi cho HSSV tham gia.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đầu khóa học, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Học sinh Sinh viên được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, phổ biến về những nội dung đến từng đối tượng học sinh-sinh viên. Ban giám hiệu nhà trường phổ biến thông tin tổng quan về nguồn lực, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học. Phòng Công tác học sinh sinh viên và quan hệ xí nghiệp phổ biến qui chế công tác Học sinh Sinh viên, các chế độ

chính sách hiện hành đối với người học; Phòng đào tạo, Khoa chuyên môn phổ biến về Quy chế đào tạo, quy chế thi kiểm tra; Đoàn trường phổ biến công tác hoạt động của Đoàn thanh niên các kế hoạch hoạt động phong trào ... (6.1.01 - Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa hàng năm; 1.3.02- Quy định mức thu học phí các năm; 2.5.01 – Các quyết định ban hành Quy chế tổ chức đào tạo; 2.5.02 – Các quyết định ban hành Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; 6.1.02 - Sổ tay HSSV).

Sau khi sinh viên đến Trường làm thủ tục nhập học, Khoa có buổi gặp gỡ và sinh hoạt đầu khóa với SV ngành Điện tử công nghiệp. SV được Khoa giới thiệu chương trình học, các phương pháp học tập, các sân chơi học thuật, quyền lợi và trách nhiệm của SV trong khóa học.

Trong quá trình học tập tại Trường, trong các buổi sinh hoạt chào cờ hàng tháng, sinh hoạt lớp, người học còn được cung cấp thêm về các thông tin cần thiết, liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người học như: Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, Nội quy HSSV, Thông tin học bổng, khen thưởng, quy chế rèn luyện,... (6.1.03 - Kế hoạch chào cờ hàng tháng; 6.1.04 - Biên bản họp lớp sinh hoạt GVCN).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức là cơ sở đào tạo công lập, trường thực hiện mức thu học phí theo quy định chung của Chính phủ tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 (1.3.02- Quy định mức thu học phí các năm)

Nghề Điện tử công nghiệp không được quy định là nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 do đó sinh viên nghề Điện tử công nghiệp không được miễn giảm học phí theo đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm áp dụng từ năm học 2023-2024 của trường (1.3.02- Quy định mức thu học phí các năm; 6.2.01- Quyết định về miễn giảm học phí các năm; 6.2.02 - Danh sách sinh viên nghề ĐTCN được miễn giảm học phí các năm)

Tuy nhiên, bên cạnh việc thực hiện mức thu học phí và chế độ miễn giảm học phí chung do nhà nước quy định, Trường còn có chính sách miễn giảm hoặc hỗ trợ học bổng đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và khen thưởng đối với sinh viên đạt thành tích cao trong học tập hoặc các hoạt động phong trào (**6.2.03** – *Quyết định trao học bổng hàng năm*; **6.2.04** – *Danh sách người học được nhận học bổng*; **6.2.05** – *Các Quyết định khen thưởng đối với học sinh sinh viên*)

Nhà trường giao cho Phòng Công tác học sinh sinh viên và Quan hệ xí nghiệp và giáo viên chủ nhiệm tại các khoa thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ người học trong quá trình học tập (**1.1.02** - *Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*; **1.2.01** - *Quyết định thành lập Khoa Điện tử*; **3.2.02** – *Các Quyết định về phân công công tác giáo viên chủ nhiệm hàng năm*; **6.1.04** - *Biên bản họp lớp sinh hoạt GVCN*).

Hàng năm, nhà trường thực hiện việc báo cáo tổng kết về công tác chế độ, chính sách và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập tại trường và khảo sát lấy ý kiến về kết quả thực hiện để có sự điều chỉnh thực hiện tốt hơn (**1.2.04** - *Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa điện tử*; **1.2.05** - *Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường*; **1.1.08** – *Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm*; **1.1.09** – *Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng*; **1.1.10** - *Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cuối khóa học, nhà trường lên kế hoạch sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp kết hợp với ngày hội kết nối doanh nghiệp và giới thiệu việc làm để những sinh viên mới tiếp cận nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Sinh viên còn đang học thì được tiếp cận với nhu cầu thị trường lao động trong thực tế. Khi lên kế hoạch tổ chức ngày hội kết nối doanh nghiệp, nhà trường mời các doanh nghiệp có hợp tác trong đào tạo và các doanh nghiệp trên địa bàn, các nhà tuyển dụng có ngành nghề tương ứng các ngành nghề mà nhà trường đào tạo tham gia. Đây cũng là cơ hội để nhà trường rút ngắn khoảng cách giữa nhu cầu thực tế của nhà tuyển dụng và công tác tư vấn việc làm của nhà trường. Khoa, GVCN có trách nhiệm thông tin đến sinh viên đến tham dự ngày hội, tham quan các gian hàng doanh nghiệp tìm hiểu về cơ hội việc

làm, phỏng vấn tìm việc. (6.3.01 - Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tiếp xúc nhà tuyển dụng tại Trường hàng năm; 1.1.04 – Thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp hàng năm; 6.3.02 - Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm tại Trường; 6.3.03 - Báo cáo kết quả công tác tư vấn việc làm hàng năm).

Bên cạnh việc tổ chức ngày hội việc làm để người học tốt nghiệp có cơ hội tiếp xúc với doanh nghiệp tìm việc, phòng công tác HSSV-QHXN của trường và các giáo viên trong khoa thường xuyên chia sẻ những thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp đến với người học thông qua các group zalo lớp và trên trang web của nhà trường (1.1.04 – Thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp hàng năm)

Hàng năm, nhà trường thực hiện việc báo cáo tổng kết và khảo sát lấy ý kiến về kết quả thực hiện việc trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp để có đánh giá và điều chỉnh thực hiện tốt hơn (1.2.04 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa điện tử; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường; 1.1.08 – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; 1.1.09 – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác an ninh được triển khai, giám sát nhằm bảo đảm an toàn cho người học trong khuôn viên Trường; hệ thống cổng, tường rào hành lang thoát hiểm an toàn, có camera quan sát.

Bên cạnh việc đào tạo kiến thức cho sinh viên, Khoa và Nhà trường luôn chú ý đến các hoạt động tinh thần, rèn luyện, tạo môi trường học tập thân thiện cho sinh viên. Trường có khu vực sân thể thao cầu lông, bóng chuyền, đường chạy, có 2 hội trường được trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng để phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của sinh viên học sinh. (6.4.01 - Hình ảnh khu thể thao, Hội trường)

Đoàn thanh niên Trường là đầu mối tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao trong học sinh sinh viên. Ban giám hiệu nhà trường luôn tạo điều kiện tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tạo sân chơi lành mạnh trong học sinh sinh viên do đó các hoạt động phong trào của nhà trường được thường xuyên và đa dạng như: văn nghệ; thể thao; tham

gia các hoạt động xã hội như hội thao SV, Chiến dịch Xuân tình nguyện, Chiến dịch tình nguyện hè, Hiến máu nhân đạo; vận động đóng góp của cán bộ giáo viên nhân viên và HSSV để tổ chức các hoạt động Xuân yêu thương, Thăm tặng quà các mái ấm, nhà mở; phong trào nuôi Heo đất tình bạn các hoạt động phong trào luôn nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của HSSV nhà trường, trong đó có HSSV Khoa điện tử (**6.4.02** - *Các kế hoạch tổ chức các hoạt động của Đoàn thanh niên trong các năm học*; **6.4.03** - *Báo cáo các hoạt động công tác đoàn hàng năm*).

Hàng năm, nhà trường thực hiện việc báo cáo tổng kết và khảo sát lấy ý kiến về tổ chức thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. Kết quả khảo sát hàng năm sinh viên đánh giá mức tốt và rất tốt đạt từ 80% trở lên (**1.1.08** – *Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm*; **1.1.09** – *Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng*; **1.1.10** - *Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.4: 2 điểm

TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Công tác thanh kiểm tra, giám sát thực tế và đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo trong nhà trường rất được quan tâm, chú trọng. Trường giao cho Phòng KT-ĐBCL có chức năng, nhiệm vụ thanh tra đào tạo, phối hợp cùng Ban Thanh tra nhân dân có chức năng giám sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra HSSV. Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL xây dựng kế hoạch đi kiểm tra công tác đào tạo và hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong Nhà trường, cũng như đưa ra phương án nâng cao chất lượng đào tạo để trình Ban giám hiệu xem xét thống nhất triển khai thực hiện,

Việc khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp, người học, người học sau khi tốt nghiệp, CBGVNV là cơ sở để Trường đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường, sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí làm việc của sinh viên tốt nghiệp được thu thập. Tư liệu thu thập được tham chiếu khi cập nhật chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp.

Từ năm 2017, Trường bắt đầu thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo sau khi kiểm định ở cấp trường. Hàng năm, Trường đều có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của Trường để chuẩn bị cho đánh giá ngoài. Kết quả cho thấy hầu hết SV tốt nghiệp của Khoa có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo và các doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp.

** Những điểm mạnh:*

Trường hiện đang vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng và các quy trình quản lý thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng. Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, cải tiến và xây dựng thêm các quy trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc duy trì tốt mối quan hệ với các doanh nghiệp là cơ sở để các doanh nghiệp sẵn sàng hỗ trợ nhà trường trong việc khảo sát đánh giá năng lực người học cũng như tình trạng trang thiết bị phục vụ đào tạo. Phần lớn doanh nghiệp sử dụng lao động ngành Điện tử công nghiệp hài lòng về kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên trong quá trình làm việc. Sinh viên tốt nghiệp đóng góp ý kiến về cải tiến chương trình đào tạo sau một thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

* *Những tồn tại:*

Không.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tăng cường liên hệ sinh viên thông qua các ngày lễ, kỷ niệm, mời các cựu sinh viên tiêu biểu trong các hoạt động cải tiến chương trình đào tạo của trường, Khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu thực tế doanh nghiệp.

Phối hợp cùng các doanh nghiệp thường xuyên, tạo liên kết sinh viên và doanh nghiệp thông qua các đợt tham quan, thực tập. Duy trì quan hệ với các doanh nghiệp đã liên kết đồng thời tìm kiếm thêm các doanh nghiệp mới nhằm đảm bảo tốt hơn đầu ra cho sinh viên.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Khoa điện tử kết hợp với Phòng KT-ĐBCL thu thập ý kiến của 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn kinh doanh và dịch vụ. Kết quả khảo sát về năng lực của học sinh tốt nghiệp so với yêu cầu về năng lực của doanh

nghiệp đối với kiến thức lý thuyết về nghề; kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, thái độ làm việc thì mức năng lực của học viên tốt nghiệp của nhà trường cơ bản đáp ứng tốt so với yêu cầu của doanh nghiệp ở tất cả các hạng mục. Cũng như ý kiến của Doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng đào tạo ngành Điện tử công nghiệp. Bên cạnh việc khảo sát ý kiến của Doanh nghiệp có người tốt nghiệp đang làm việc thì Khoa điện tử cũng thường xuyên thu thập ý kiến của Doanh nghiệp về chất lượng đào tạo của ngành Điện tử công nghiệp vào các đợt đưa sinh viên đến thực tập tốt nghiệp. Thông qua kết quả khảo sát, thông tin phản hồi của doanh nghiệp được bộ môn quan tâm đưa vào phân tích khi cập nhật chương trình đào tạo. Các báo cáo được dựa trên những tiêu chí của mẫu phiếu “Khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp về SV tốt nghiệp” (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm; **7.1.01** - Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng KT-ĐBCL và Khoa điện tử thực hiện tốt việc liên hệ khảo sát định kỳ hàng năm theo yêu cầu của nhà trường đối với 100% với sinh viên thuộc danh sách đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Kết quả dựa trên mẫu phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp: "Tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp" được xử lý và phân tích theo đúng quy trình và được báo cáo lên Nhà trường và Khoa điện tử cũng như sử dụng để cải tiến chất lượng đào tạo (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm; **7.2.01** – Danh sách lấy ý kiến khảo sát lần vết hàng năm; **2.4.07** - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề Điện tử công nghiệp hàng năm.)

Kết quả khảo sát được thu thập như sau:

- **Năm 2021:** tổ chức lần vết được 861 SV (trong số 861 SV tốt nghiệp, tỉ lệ 100%), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 679 tỷ lệ đạt 78.8%.

Trong đó số HSSV tìm được việc làm trong 6 tháng là 59% (trong đó có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là 42%); sau 1 năm là 43%; có 23 % HSSV lựa chọn tiếp tục học liên thông lên các trình độ cao hơn và 12% HSSV hiện chưa tìm được việc làm.

Về vị trí công việc, có 38% đang làm những vị trí, công việc bán thời gian, thời vụ; 15% tự kinh doanh; số HSSV có việc làm là nhân viên chính thức đạt 43%; có 4% làm việc ở các vị trí quản lý.

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: Kết quả khảo sát cho thấy có 611/679 HSSV (chiếm tỷ lệ 90%) đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường có cụ thể, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, nhu cầu của doanh nghiệp và được công bố công khai.

Có 594/679 (chiếm tỷ lệ 87%) HSSV có nhận xét nội dung chương trình phù hợp với công nghệ/quản lý của doanh nghiệp và hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường.

- **Năm 2022:** tổ chức lần vết được 787 HSSV (100% HSSV tốt nghiệp khóa 219, khóa 220 và C20L), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 648 HSSV đạt tỷ lệ 82.3%.

Trong đó số HSSV tìm được việc làm trong 6 tháng là 46% (trong đó có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là 32%); sau 1 năm là 6%; có 32 % HSSV lựa chọn tiếp tục học liên thông lên các trình độ cao hơn và 16% HSSV hiện chưa tìm được việc làm.

Về vị trí công việc, có 35% đang làm những vị trí, công việc bán thời gian, thời vụ; 22% tự kinh doanh; số HSSV có việc làm là nhân viên chính thức đạt 37%; có 6% làm việc ở các vị trí quản lý.

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: Kết quả khảo sát cho thấy có 574/648 HSSV (chiếm tỷ lệ 88.5%) đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường có cụ thể, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, nhu cầu của doanh nghiệp và được công bố công khai.

Kết quả khảo sát cho thấy có 563/648 (chiếm tỷ lệ 86.8%) HSSV có nhận xét nội dung chương trình phù hợp với công nghệ/quản lý của doanh nghiệp và hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường.

- **Năm 2023:** tổ chức lần vết được 569 HSSV (100% HSSV tốt nghiệp khóa 221, khóa C20 và C22L), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 483 HSSV (tỷ lệ 84.8%).

Trong đó số HSSV tìm được việc làm trong 6 tháng là 36% (trong đó có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là 28%); sau 1 năm là 3%; có 40% HSSV lựa chọn tiếp tục học liên thông lên các trình độ cao hơn và 21% HSSV hiện chưa tìm được việc làm.

Về vị trí công việc, có 47% đang làm những vị trí, công việc bán thời gian, thời vụ; 16% tự kinh doanh; số HSSV có việc làm là nhân viên chính thức đạt 33%; có 4% làm việc ở các vị trí quản lý.

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: Kết quả khảo sát cho thấy có 414/483 HSSV (chiếm tỷ lệ 85.7%) đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường có cụ thể, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, nhu cầu của doanh nghiệp và được công bố công khai.

Kết quả khảo sát cho thấy có 405/483 (chiếm tỷ lệ 83.8%) HSSV có nhận xét nội dung chương trình phù hợp với công nghệ/quản lý của doanh nghiệp và hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL thực hiện công tác khảo sát của các bên có liên quan, trong đó có đội ngũ GV và CBQL về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL thông qua bảng câu hỏi nhằm thu thập ý kiến. Trong đó có CBQL, giáo viên Khoa điện tử (**1.1.08 – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; 1.1.09 – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm; 7.3.01 – Danh sách CBQLVCNLD tham gia khảo sát hàng năm**).

Kết quả khảo sát như sau:

- Năm 2021: khảo sát 85 người (100% CBQL, GV, NLD). Số CBQL, GV, NLD thực hiện khảo sát: 77 người (tỷ lệ 90.6%). Trong đó, có 05/05 CBQL, GV có liên quan nghề ĐTCN.

Có 74/77 (chiếm tỷ lệ 96%) CBQL, GV, NLD được khảo sát đồng ý rằng nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với nhà giáo.

Có 63/77 (chiếm tỷ lệ 82%) CBQL, GV, NLD được khảo sát hài lòng về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm đối với cán bộ viên chức, giảng viên.

Có 65/77 (chiếm tỷ lệ 84%) CBQL, GV, NLD được khảo sát đồng ý về mục tiêu, chương trình, nghề đào tạo của nhà trường là phù hợp với nhu cầu xã hội; có 09 CBQL, GV, NLD phân vân (chiếm tỷ lệ 12%); cho thấy nhà trường cần đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, mở rộng ngành nghề đào tạo, xác định mục tiêu đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Có 69/77 CBQL, GV, NLD được khảo sát hài lòng về năng lực của viên chức, giảng viên (chiếm tỷ lệ 90%), cho thấy năng lực của viên chức, giảng viên nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường.

Nhìn chung, kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá rất tốt ở mức trên 80%;

- Năm 2022: Số CBQL, GV, NLĐ được khảo sát: 83 người (100% CBQL, GV, NLĐ). Số CBQL, GV, NLĐ thực hiện khảo sát: 70 người (tỷ lệ 84.3%) Trong đó, có 05/05 CBQL, GV có liên quan nghề ĐTCN.

Có 65/70 (chiếm tỷ lệ 92.8%) CBQL, GV, NLĐ được khảo sát đồng ý rằng nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với nhà giáo.

Có 53/70 (chiếm tỷ lệ 75.7%) CBQL, GV, NLĐ được khảo sát hài lòng về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm đối với cán bộ viên chức, giảng viên.

Về vai trò của Đoàn trường, có 64/70 (chiếm tỷ lệ 91.4%) CBQL, GV, NLĐ đồng ý rằng Đoàn trường đã góp phần giáo dục đạo đức cho HSSV và nâng cao chất lượng đào tạo cho nhà trường.

Có 53/70 (chiếm tỷ lệ 75.7%) CBQL, GV, NLD được khảo sát đồng ý về mục tiêu, chương trình, nghề đào tạo của nhà trường là phù hợp với nhu cầu xã hội; có 09 CBQL, GV, NLD phân vân (chiếm tỷ lệ 17%); cho thấy nhà trường cần đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, mở rộng ngành nghề đào tạo, xác định mục tiêu đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Có 47/70 (chiếm tỷ lệ 67.1%) CBQL, GV, NLD được khảo sát hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường, số người phân vân là 16 người (chiếm tỷ lệ 23%), số người không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 7 người (chiếm tỷ lệ 10%). Cho thấy nhà trường cần quan tâm và có giải pháp cụ thể hơn để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Có 61/70 CBQL, GV, NLD được khảo sát hài lòng về năng lực của viên chức, giảng viên (chiếm tỷ lệ 87.1%), cho thấy năng lực của viên chức, giảng viên nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường.

Nhìn chung, kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá tốt trở lên ở mức trên 75%;

- Năm 2023: Số CBQL, GV, NLD được khảo sát: 81 người (100% CBQL, GV, NLD). Số CBQL, GV, NLD thực hiện khảo sát: 66 người (tỷ lệ 81.48%) Trong đó, có 05/05 CBQL, GV có liên quan nghề ĐTCN.

Có 64/66 (chiếm tỷ lệ 96.9%) CBQL, GV, NLD được khảo sát đồng ý rằng nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với nhà giáo.

Có 59/66 (chiếm tỷ lệ 89.4%) CBQL, GV, NLD được khảo sát hài lòng về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm đối với cán bộ viên chức, giảng viên.

Có 57/66 (chiếm tỷ lệ 86.4%) CBQL, GV, NLD được khảo sát đồng ý về mục tiêu, chương trình, nghề đào tạo của nhà trường là phù hợp với nhu cầu xã hội; có 09 CBQL, GV, NLD phân vân (chiếm tỷ lệ 13.6%); cho thấy nhà trường cần đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, mở rộng ngành nghề đào tạo, xác định mục tiêu đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Về công tác thi kiểm tra: có 57/66 (chiếm tỷ lệ 86.3%) CBQL, GV, NLD được khảo sát đồng ý công tác thi, kiểm tra của nhà trường được thực hiện khoa học, chặt chẽ, công bằng, khách quan, số phân vân, không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 9 người (chiếm tỷ lệ 13%). Cho thấy nhà trường cần có giải pháp để nâng cao chất lượng công tác thi, kiểm tra.

Có 51/66 (chiếm tỷ lệ 77.3%) CBQL, GV, NLD được khảo sát hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường, số người phân vân là 12 người (chiếm tỷ lệ 18%), số người không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 3 người (chiếm tỷ lệ 5%). Cho thấy nhà trường cần quan tâm và có giải pháp cụ thể hơn để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Có 62/66 CBQL, GV, NLD được khảo sát hài lòng về năng lực của viên chức, giảng viên (chiếm tỷ lệ 93.9%), cho thấy năng lực của viên chức, giảng viên nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường.

Nhìn chung, kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá tốt trở lên ở mức trên 80%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, KT-ĐBCL lên kế hoạch thực hiện việc lấy ý kiến của HSSV đang theo học các nghề đào tạo tại Trường (tại tất cả các khoa) về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học, tỷ lệ đánh giá các nội dung liên quan mức tốt trở lên đạt 82% - 85 %

(1.1.08 – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; 1.1.09 – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm; 7.4.01 – Danh sách HSSV tham gia khảo sát hàng năm).

Kết quả khảo sát như sau:

- Năm 2021: Số HSSV được khảo sát: 1250 HSSV, Số HSSV thực hiện khảo sát: 1055 HSSV (tỷ lệ 84.4%).

Kết quả khảo sát cho thấy có 963/1055 (chiếm tỷ lệ 91%) HSSV có nhận xét thầy cô giáo dạy trên lớp là nhiệt tình, thân thiện và có phương pháp giảng dạy phù hợp.

Có 955/1055 HSSV được khảo sát (chiếm tỷ lệ 90%) đồng ý nhà trường có kế hoạch cụ thể, công khai về nội dung, kế hoạch đào tạo ngay từ đầu khóa học.

Có 908/1055 HSSV được khảo sát (chiếm tỷ lệ 86%) đánh giá việc tiếp nhận và xử lý thông tin, giải quyết yêu cầu của HSSV là nhanh chóng, đáp ứng tốt yêu cầu của HSSV.

Kết quả khảo sát về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy cho thấy có 933/1055 HSSV (chiếm tỷ lệ 88%) hài lòng với phòng học lý thuyết của nhà trường, có nhận xét là sạch sẽ và thoáng mát.

Về thiết bị phục vụ giảng dạy, kết quả khảo sát cho thấy có 894/1055 HSSV (chiếm tỷ lệ 85%) đánh giá các thiết bị như âm thanh, máy chiếu,... của nhà trường là hiện đại, giúp học sinh sinh viên dễ tiếp thu bài.

Về phòng học thực hành, có 909/1055 HSSV (chiếm tỷ lệ 86%) có nhận xét rằng phòng học thực hành của nhà trường có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy theo chương trình đào tạo.

Có 972/1055 HSSV (chiếm tỷ lệ 92%) đánh giá công tác thi, kiểm tra của nhà trường là công bằng, khách quan.

Về thực hiện các chế độ chính sách cho HSSV, kết quả khảo sát cho thấy có 973/1055 HSSV (chiếm tỷ lệ 92%) đánh giá là nhà trường thực hiện tốt.

Nhìn chung, kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức Đạt yêu cầu trở lên đạt trên 80%;

- Năm 2022: Số HSSV được khảo sát: 1477 HSSV, Số HSSV thực hiện khảo sát: 1058 HSSV (tỷ lệ 71.6%).

Kết quả khảo sát cho thấy có 925/1058 (chiếm tỷ lệ 87.4%) HSSV có nhận xét thầy cô giáo dạy trên lớp là nhiệt tình, thân thiện và có phương pháp giảng dạy phù hợp.

Có 926/1058 HSSV được khảo sát (chiếm tỷ lệ 87.5%) đồng ý nhà trường có kế hoạch cụ thể, công khai về nội dung, kế hoạch đào tạo ngay từ đầu khóa học.

Có 883/1058 HSSV được khảo sát (chiếm tỷ lệ 83.4%) đánh giá việc tiếp nhận và xử lý thông tin, giải quyết yêu cầu của HSSV là nhanh chóng, đáp ứng tốt yêu cầu của HSSV.

Kết quả khảo sát về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy cho thấy có 857/1058 HSSV (chiếm tỷ lệ 81%) hài lòng với phòng học lý thuyết của nhà trường, có nhận xét là sạch sẽ và thoáng mát.

Về thiết bị phục vụ giảng dạy, kết quả khảo sát cho thấy có 816/1058 HSSV (chiếm tỷ lệ 77.1%) đánh giá các thiết bị như âm thanh, máy chiếu,... của nhà trường là đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh sinh viên.

Về phòng học thực hành, có 818/1058 HSSV (chiếm tỷ lệ 77.3%) có nhận xét rằng phòng học thực hành của nhà trường có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy theo chương trình đào tạo.

Có 942/1058 HSSV (chiếm tỷ lệ 89%) đánh giá công tác thi, kiểm tra của nhà trường là công bằng, khách quan.

Về thực hiện các chế độ chính sách cho HSSV, kết quả khảo sát cho thấy có 943/1058 HSSV (chiếm tỷ lệ 89.1%) đánh giá là nhà trường thực hiện tốt.

Nhìn chung, kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức Đạt yêu cầu trở lên đạt trên 80%;

- Năm 2023: Số HSSV được khảo sát: 1573 HSSV, Số HSSV thực hiện khảo sát: 1220 HSSV (tỷ lệ 77.5%)

Kết quả khảo sát cho thấy có 1009/1220 (chiếm tỷ lệ 82.7%) HSSV có nhận xét thầy cô giáo dạy trên lớp là nhiệt tình, thân thiện và có phương pháp giảng dạy phù hợp.

Có 1039/1220 HSSV được khảo sát (chiếm tỷ lệ 85.2%) đồng ý nhà trường có kế hoạch cụ thể, công khai về nội dung, kế hoạch đào tạo ngay từ đầu khóa học.

Có 970/1220 HSSV được khảo sát (chiếm tỷ lệ 79.5%) đánh giá việc tiếp nhận và xử lý thông tin, giải quyết yêu cầu của HSSV là nhanh chóng, đáp ứng tốt yêu cầu của HSSV.

Kết quả khảo sát về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy cho thấy có 947/1220 HSSV (chiếm tỷ lệ 77.6%) hài lòng với phòng học lý thuyết của nhà trường, có nhận xét là sạch sẽ và thoáng mát.

Về thiết bị phục vụ giảng dạy, kết quả khảo sát cho thấy có 912/1220 HSSV (chiếm tỷ lệ 74.7%) đánh giá các thiết bị như âm thanh, máy chiếu,... của nhà trường là đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh sinh viên.

Về phòng học thực hành, có 947/1220 HSSV (chiếm tỷ lệ 77.6%) có nhận xét rằng phòng học thực hành của nhà trường có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy theo chương trình đào tạo.

Có 1045/1220 HSSV (chiếm tỷ lệ 85.6%) đánh giá công tác thi, kiểm tra của nhà trường là công bằng, khách quan.

Về thực hiện các chế độ chính sách cho HSSV, kết quả khảo sát cho thấy có 1057/1220 HSSV (chiếm tỷ lệ 86.6%) đánh giá là nhà trường thực hiện tốt.

Nhìn chung, Kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức Đạt yêu cầu trở lên đạt khoảng 80%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng Trường và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/2017/TT - BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT - BLĐT BXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ - TB&XH.

Hằng năm, Phòng KT-ĐBCL sẽ thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm: Đại diện Ban giám hiệu, Phòng KT-ĐBCL, thành viên trong Khoa điện tử và các Phòng có liên quan. Phòng KT-ĐBCL phối hợp với Khoa lên kế hoạch và thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo qui định. *(7.5.01 - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề ĐTCN các năm)*

Sau khi kế hoạch được duyệt, Phòng KT-ĐBCL gửi các đơn vị liên quan và họp triển khai thực hiện. *(7.5.02 - Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề ĐTCN các năm)*

Các thành viên trên cơ sở được phân công mô tả và đánh giá các tiêu chí theo kế hoạch sẽ tự đánh giá và gửi về Thư ký Hội đồng tổng hợp và viết báo cáo. Sau khi họp thông qua báo cáo tự đánh giá CTĐT, thư ký sẽ gửi báo cáo tới Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT và chuẩn bị nội dung họp về công bố kết quả tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo sau khi được họp công bố kết quả sẽ được công khai trên Website của trường và gửi Báo cáo tự đánh giá về Cục Kiểm định chất lượng cơ sở GDNN, Phòng GDNN – Sở LĐTBXH vào cuối tháng 12 hằng năm. *(7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng hàng năm; 7.5.04 - Hình chụp Web trường đăng kết quả tự đánh giá nghề ĐTCN).*

Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp các năm đều đạt chất lượng chương trình đào tạo cụ thể:

- + Năm 2021 đạt 92/100 điểm
- + Năm 2022 đạt 92/100 điểm
- + Năm 2023 đạt 86/100 điểm

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc tự đánh giá của Trường nhằm rà soát lại các hoạt động, đối chiếu các tiêu chí đánh giá về chất lượng đào tạo của nghề Điện tử công nghiệp. Để có được kết quả đánh giá đạt chuẩn, tất cả các đơn vị, Khoa chuyên ngành, bộ môn, phòng ban chức năng của Trường cùng tiến hành thực hiện rà soát các hoạt động và báo cáo thông qua các minh chứng liên quan. Từ những minh chứng thu thập được, bộ phận tổng hợp sẽ đưa vào viết báo cáo tự đánh giá. Đối chiếu từng tiêu chuẩn trong các tiêu chí để kiểm chứng lại các hoạt động chưa đáp ứng và đề xuất hướng cải tiến và hoàn thiện trong tương lai. Mục tiêu của Trường là hướng đến đạt chuẩn đánh giá ngoài về Trường và các chương trình đào tạo theo quy định của bộ chủ quản. (7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng hàng năm)

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL phối hợp Khoa điện tử và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp dựa vào việc tự đánh giá chất lượng của năm trước. Các nội dung cải thiện bao gồm: rà soát, điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo sát với thực tiễn nghề nghiệp; rà soát, điều chỉnh giáo trình liên quan đến chương trình; phối hợp phòng QTTB rà soát, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo để có kế hoạch đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị và điều chỉnh định mức tiêu hao vật tư; Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy (7.6.01 - Kế hoạch hàng năm cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá; 7.6.02 - Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung cần cải thiện sau đánh giá chất lượng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Phòng KT-ĐBCL và Khoa điện tử phối hợp thực hiện tốt việc liên hệ khảo sát lần vết đôi với HSSV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người

tốt nghiệp. Kết quả dựa trên mẫu phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp: "Tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp" được xử lý và phân tích theo đúng quy trình và được báo cáo lên Nhà trường và Khoa điện tử cũng như sử dụng để cải tiến chất lượng đào tạo (**1.1.08** – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; **1.1.09** – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; **1.1.10** - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm; **7.2.02** – Danh sách lấy ý kiến khảo sát lần vết hàng năm; **2.4.07** - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề Điện tử công nghiệp hàng năm.)

Kết quả khảo sát được thu thập như sau:

- **Năm 2021:** tổ chức lần vết được 861 SV (trong số 861 SV tốt nghiệp, tỉ lệ 100%), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 679 tỷ lệ đạt 78.8%.

Trong đó số HSSV tìm được việc làm trong 6 tháng là 59% (trong đó có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là 42%); sau 1 năm là 43%; có 23 % HSSV lựa chọn tiếp tục học liên thông lên các trình độ cao hơn và 12% HSSV hiện chưa tìm được việc làm.

Về vị trí công việc, có 38% đang làm những vị trí, công việc bán thời gian, thời vụ; 15% tự kinh doanh; số HSSV có việc làm là nhân viên chính thức đạt 43%; có 4% làm việc ở các vị trí quản lý.

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: Kết quả khảo sát cho thấy có 611/679 HSSV (chiếm tỷ lệ 90%) đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường có cụ thể, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, nhu cầu của doanh nghiệp và được công bố công khai.

Có 594/679 (chiếm tỷ lệ 87%) HSSV có nhận xét nội dung chương trình phù hợp với công nghệ/quản lý của doanh nghiệp và hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường.

- **Năm 2022:** tổ chức lần vết được 787 HSSV (100% HSSV tốt nghiệp khóa 219, khóa 220 và C20L), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 648 HSSV đạt tỷ lệ 82.3%.

Trong đó số HSSV tìm được việc làm trong 6 tháng là 46% (trong đó có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là 32%); sau 1 năm là 6%; có 32 % HSSV lựa chọn tiếp tục học liên thông lên các trình độ cao hơn và 16% HSSV hiện chưa tìm được việc làm.

Về vị trí công việc, có 35% đang làm những vị trí, công việc bán thời gian, thời vụ; 22% tự kinh doanh; số HSSV có việc làm là nhân viên chính thức đạt 37%; có 6% làm việc ở các vị trí quản lý.

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: Kết quả khảo sát cho thấy có 574/648 HSSV (chiếm tỷ lệ 88.5%) đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường có cụ thể, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, nhu cầu của doanh nghiệp và được công bố công khai.

Kết quả khảo sát cho thấy có 563/648 (chiếm tỷ lệ 86.8%) HSSV có nhận xét nội dung chương trình phù hợp với công nghệ/quản lý của doanh nghiệp và hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường.

- Năm 2023: tổ chức lần vết được 569 HSSV (100% HSSV tốt nghiệp khóa 221, khóa C20 và C22L), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 483 HSSV (tỷ lệ 84.8%).

Trong đó số HSSV tìm được việc làm trong 6 tháng là 36% (trong đó có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là 28%); sau 1 năm là 3%; có 40% HSSV lựa chọn tiếp tục học liên thông lên các trình độ cao hơn và 21% HSSV hiện chưa tìm được việc làm.

Về vị trí công việc, có 47% đang làm những vị trí, công việc bán thời gian, thời vụ; 16% tự kinh doanh; số HSSV có việc làm là nhân viên chính thức đạt 33%; có 4% làm việc ở các vị trí quản lý.

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: Kết quả khảo sát cho thấy có 414/483 HSSV (chiếm tỷ lệ 85.7%) đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường có cụ thể, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, nhu cầu của doanh nghiệp và được công bố công khai.

Kết quả khảo sát cho thấy có 405/483 (chiếm tỷ lệ 83.8%) HSSV có nhận xét nội dung chương trình phù hợp với công nghệ/quản lý của doanh nghiệp và hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Phòng KT-ĐBCL và Khoa điện tử phối hợp thực hiện tốt việc liên hệ khảo sát thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của SV tốt nghiệp tại trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị sử dụng lao động

Nội dung khảo sát:

- Kiến thức của người tốt nghiệp, gồm: Kiến thức chuyên môn, Kiến thức về văn hoá - xã hội, Kiến thức về pháp luật & quy định nhà nước.

- Về kỹ năng/khả năng của người tốt nghiệp, gồm: Kỹ năng/Nghị vụ chuyên môn, Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc, Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng giao tiếp, trình bày, thuyết trình, Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, Kỹ năng sử dụng tin học, Kỹ năng tự học/ tự nghiên cứu và các kỹ năng khác.

- Về phẩm chất/tố chất của người tốt nghiệp, gồm: tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần cầu tiến, đạo đức nghề nghiệp, có khả năng chịu áp lực công việc, ý thức tập thể, cộng đồng, năng lực khác.

Sự đáp ứng của sinh viên nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng do trường đào tạo với công việc tại cơ sở thể hiện qua đánh giá của cơ sở trong phiếu khảo sát của trường.

Kết quả đánh giá chất lượng sinh viên của trường :

- **Năm 2021:** Tổng doanh nghiệp tham gia khảo sát: 81 doanh nghiệp

+ Có 80/81 (98.7%) doanh nghiệp đồng ý mục tiêu chương trình đào tạo của trường là cụ thể, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, nhu cầu của doanh nghiệp và được công bố công khai.

+ Có 80/81 (98.7%) doanh nghiệp cho rằng tỷ lệ phân bổ lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo là phù hợp.

+ Có 78/81 (96.2%) doanh nghiệp đồng ý rằng nội dung chương trình phù hợp với công nghệ/quản lý của doanh nghiệp.

+ Có 81/81 (100%) doanh nghiệp đồng ý rằng yêu cầu chuẩn đầu ra của nghề phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp.

+ Có 79/81 (97.5%) doanh nghiệp hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường.

+ Có 80/81 (98.7%) doanh nghiệp đồng ý có tiếp nhận HSSV thực tập.

+ Có 77/81 (95%) doanh nghiệp có tham gia tư vấn việc làm, tuyển dụng HSSV của nhà trường

- **Năm 2022:** Tổng doanh nghiệp tham gia khảo sát: 81 doanh nghiệp

+ Có 79/81 (97.5%) doanh nghiệp đồng ý mục tiêu chương trình đào tạo của trường là cụ thể, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, nhu cầu của doanh nghiệp và được công bố công khai.

+ Có 76/81 (93.8%) doanh nghiệp cho rằng tỷ lệ phân bổ lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo là phù hợp.

+ Có 76/81 (93.8%) doanh nghiệp đồng ý rằng nội dung chương trình phù hợp với công nghệ/quản lý của doanh nghiệp.

+ Có 78/81 (96.2%) doanh nghiệp đồng ý rằng yêu cầu chuẩn đầu ra của nghề phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp.

+ Có 77/81 (95.1%) doanh nghiệp hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường.

+ Có 78/81 (96.3%) doanh nghiệp đồng ý có tiếp nhận HSSV thực tập.

+ Có 75/81 (92.6%) doanh nghiệp có tham gia tư vấn việc làm, tuyển dụng HSSV của nhà trường

- **Năm 2023:** Tổng doanh nghiệp tham gia khảo sát: 80 doanh nghiệp
- + Có 79/80 (98.7%) doanh nghiệp đồng ý mục tiêu chương trình đào tạo của trường là cụ thể, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, nhu cầu của doanh nghiệp và được công bố công khai.
- + Có 79/80 (98.7%) doanh nghiệp cho rằng tỷ lệ phân bổ lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo là phù hợp.
- + Có 78/80 (97.5%) doanh nghiệp đồng ý rằng nội dung chương trình phù hợp với công nghệ/quản lý của doanh nghiệp.
- + Có 78/80 (97.5%) doanh nghiệp đồng ý rằng yêu cầu chuẩn đầu ra của nghề phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp.
- + Có 79/80 (98.7%) doanh nghiệp hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường.
- + Có 77/80 (96.2%) doanh nghiệp đồng ý có tiếp nhận HSSV thực tập.
- + Có 72/80 (90%) doanh nghiệp có tham gia tư vấn việc làm, tuyển dụng HSSV của nhà trường

Số liệu khảo sát ở các năm gần đây cho thấy phần lớn đơn vị sử dụng lao động đều cho rằng sinh viên nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng do Trường đào tạo sau khi tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng đáp ứng tốt yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động, nhanh chóng nắm bắt được công nghệ mới của cơ sở sản xuất và được đánh giá có phẩm chất thái độ tốt, phù hợp với công việc, đáp ứng được yêu cầu của các cơ sở sử dụng lao động hiện nay.

Nhìn chung trên 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của sinh viên nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng do Trường đào tạo (**1.1.08 – Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm; 1.1.09 – Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm; 7.1.01 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.8: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tăng cường huy động mọi nguồn lực để tập trung phát triển trường trở thành trường Xanh chất lượng cao trong thời gian gần nhất. Tiếp tục đầu tư mới, nâng cấp hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực tập, khu làm việc ngày càng đồng bộ, hiện đại để đạt chuẩn trường chất lượng cao. Đặc biệt tập trung cho nghề trọng điểm đã được Bộ và Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá và định kỳ rà soát các công cụ quản lý để có những điều chỉnh phù hợp. Tiếp tục rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình phù hợp với thực tế sản xuất. Thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hàng năm.

- Trường sẽ tiếp tục tăng cường liên kết với doanh nghiệp và huy động doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo của trường. Đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ giáo viên Nhà trường

- Trường sẽ tiếp tục mở rộng tăng cường các mối quan hệ với các doanh nghiệp, với Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt nam (VCCI) và các tổ chức nghề nghiệp để thực hiện tốt công tác giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, giáo viên.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Sau khi thực hiện Báo cáo tự đánh giá, với các kết quả cụ thể những công việc đã làm được, những điểm mạnh và một số điểm còn tồn tại, Khoa điện tử có kế hoạch thực hiện nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục các điểm còn tồn tại.

Khoa có những đề xuất, kiến nghị như sau:

❖ Đối với nhà trường:

- + Chú trọng đầu tư tốt hơn cho công tác tuyển sinh để đạt các chỉ tiêu đề ra.
- + Đầu tư trang thiết bị giảng dạy nhằm đảm bảo đủ số lượng đáp ứng công nghệ.
- + Tiếp tục triển khai xây dựng đề án chương trình đào tạo nghề trọng điểm và nghiên cứu biện pháp mở rộng liên thông trình độ đại học.
- + Trường khuyến khích, tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp học tập bồi dưỡng trong và ngoài nước để nâng cao kỹ năng giảng dạy và kiến thức chuyên môn.

+ Trang bị và tăng cường kỹ năng tiếng anh cho sinh viên bằng cách tăng số tiết giảng dạy bằng tiếng anh cho các môn học chuyên ngành. Tăng cường thêm các hoạt động học thuật có sử dụng tiếng anh và câu lạc bộ tiếng anh cho sinh viên.

+ Thành lập thêm các câu lạc bộ cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, Đầu tư thêm các dịch vụ phục vụ cho sinh viên tốt hơn trong quá trình học, tạo ra thêm không gian tự học cho sinh viên tổ chức học nhóm, thảo luận sau giờ học.

❖ **Đối với Tổng cục GDNN:**

- Kiến nghị Tổng cục GDNN tiếp tục hỗ trợ trường đào tạo cán bộ, giáo viên; chuyên gia và giúp Nhà trường thực hiện đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng.

- Đề nghị Tổng cục GDNN là cầu nối để Nhà trường tiếp cận và mở rộng mối quan hệ ba bên giữa: Nhà trường - Doanh nghiệp - các Hiệp hội nghề nghiệp/VCCI trong các hoạt động đào tạo; tạo điều kiện cho trường mở rộng các mối quan hệ quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nghề.

- Hỗ trợ Nhà trường trong công tác đào tạo cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ quốc tế đối với các nghề trọng điểm; Hỗ trợ Nhà trường trong công tác đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị; đầu tư số hóa, mô phỏng hóa đối với các nghề trọng điểm. Đặc biệt là hỗ trợ trường đầu tư xây dựng trường thành trung tâm đào tạo nghề Xanh xuất sắc do cơ quan hợp tác quốc tế Đức (GIZ) tài trợ.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp.

Thành phố Thủ Đức, ngày 18 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp - năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ-KỸ THUẬT THỦ ĐỨC

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Quy định Hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-LĐTBXH ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-LĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Thủ Đức thành trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-CĐKTKTTĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức về việc ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công phụ trách lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Điện tử công nghiệp của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức năm 2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội:

- Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá.
- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị/cá nhân có nhiệm vụ thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện tử công nghiệp.
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện tử công nghiệp.
- Đề xuất các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng nghề Điện tử công nghiệp.
- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Điện tử công nghiệp và gửi báo cáo kết quả về Sở Lao động - Thương binh và xã hội Tp. Hồ Chí Minh và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG**

ThS. Lê Thị Ngọc Thuần

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT
NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP - NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 18 tháng 06 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức)

TT	Họ và Tên	Chức vụ đơn vị	Chức vụ trong Hội đồng
1.	Bà Lê Thị Ngọc Thuần	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Ông Bùi Đăng Linh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Bà Lê Thị Thu Lãnh	Trưởng khoa Điện tử	Phó Chủ tịch
4.	Bà Bùi Thị Mộng Nhi	Giảng viên khoa Điện tử	Thư ký
5.	Ông Thi Công Lớn	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
6.	Ông Lê Nguyễn Thanh An	P. Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
7.	Ông Trầm Minh Tuấn	Trưởng phòng KT & ĐBCL	Ủy viên
8.	Bà Dương Giang Minh Tâm	Trưởng phòng HC-TC	Ủy viên
9.	Ông Nguyễn Hoàng Minh	Trưởng phòng QTTB Chủ tịch CĐCS	Ủy viên
10.	Bà Lưu Ngọc Loan	Phụ trách kế toán	Ủy viên
11.	Ông Trần Thanh Hiệp	Trưởng phòng CTHS-SV & QHXN	Ủy viên
12.	Bà Phan Ngọc Yến	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên
13.	Ông Huỳnh Ngọc Thanh	Tiến sĩ Quản lý Giáo dục- Trưởng Cán bộ QLGD Thành phố	Ủy viên
14.	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Giám đốc Cty TNHH Kỹ Thuật Điện-Điện tử Đăng Quang	Ủy viên
15.	Ông Đoàn Trường Giang	Giám đốc Cty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Triết Giang	Ủy viên

Tổng cộng: 15 thành viên

**Phụ lục 2 :Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
nghề Điện tử công nghiệp**

Thành phố Thủ Đức, ngày 17 tháng 06 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
các nghề Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh
và Điều hòa không khí, Thiết kế đồ họa - năm 2024**

1. Mục tiêu tự đánh giá chất lượng:

Thông qua việc thực hiện tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo năm 2024, nhà trường sẽ đánh giá và đề xuất hoàn thiện hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Đánh giá điểm mạnh và điểm hạn chế của các chương trình đào tạo nghề các nghề Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Thiết kế đồ họa nói riêng và hoạt động đào tạo của nhà trường nói chung.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, làm rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo toàn trường, giúp trường nâng cao chất lượng, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Căn cứ tự đánh giá chất lượng:

Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

3. Quy trình tự đánh giá chất lượng

Các bước thực hiện tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được quy định tại Thông tư Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thực hiện tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các nghề Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Thiết kế đồ họa.

- Công bố Báo cáo kết quả tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng

a) Lập kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề điện công nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề điện công nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

c) Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Thiết kế đồ họa.

d) Lấy ý kiến các bộ phận liên quan trực thuộc Trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

5. Nhiệm vụ chung

5.1. Đối với các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc Trường tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ.

- Phân công các thành viên trong Hội đồng chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định phụ trách.

- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Thu thập, bổ sung thông tin minh chứng (nếu cần thiết).

- Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo các nghề Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Thiết kế đồ họa.

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề điện công nghiệp; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng .

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ nhà trường và gửi báo cáo về Tổng cục giáo dục nghề nghiệp (*qua Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp*), Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, đúng thời hạn quy định.

5.2. Đối với các khoa chuyên môn

- Chủ động nghiên cứu các văn bản hướng dẫn về công tác tự đánh giá chất lượng về trình tự thực hiện, nội hàm các tiêu chuẩn, tiêu chí,...

- Chủ động thu thập các tài liệu, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá, phân công giáo viên, nhân viên khoa phụ trách mã hóa, lưu trữ các tài liệu, minh chứng theo quy định

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; Bên cạnh đó phân tích, chỉ rõ những điểm mạnh, những tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn của đơn vị mình phụ trách.

- Tổng hợp báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình Hội đồng tự đánh giá trường.

5.3 Đối với Phòng Khảo thí và ĐBCL

- Lập kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo năm 2024.

- Phối hợp hướng dẫn các đơn vị trong trường thực hiện tự đánh giá chất lượng.

5.4. Đối với các phòng chức năng và các đơn vị thuộc trường

- Phối hợp trong việc thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo các yêu cầu tự đánh giá do mình phụ trách.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn mà đơn vị phụ trách.

- Tham gia đóng góp ý kiến và kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động do bộ phận mình phụ trách.

6. Phân công nhiệm vụ cụ thể

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Bộ phận thực hiện	Thành viên HĐ phụ trách
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.		
	Tiêu chuẩn 1	Các khoa chuyên môn	Lê Thị Ngọc Thuận <i>Phó Hiệu trưởng</i>
	Tiêu chuẩn 2	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 3	Các khoa chuyên môn, Phòng TC-KT	
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		
	Tiêu chuẩn 1	Các khoa chuyên môn, P.Đào tạo	Thi Công Lớn <i>Trưởng phòng Đào tạo</i>
	Tiêu chuẩn 2	Các khoa chuyên môn, P.Đào tạo	
	Tiêu chuẩn 3	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 4	Các khoa chuyên môn, Phòng CTHS-SV&QHXN	
	Tiêu chuẩn 5	Các khoa chuyên môn, P.Đào tạo	
	Tiêu chuẩn 6	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 7	Các khoa chuyên môn, P.Đào tạo	

3	Tiêu chí 3: Giáo viên và cán bộ quản lý		
	Tiêu chuẩn 1	Các khoa chuyên môn, Phòng HC-TC	Dương Giang Minh Tâm <i>Trưởng phòng HC-TC</i>
	Tiêu chuẩn 2	Các khoa chuyên môn, Phòng HC-TC	
	Tiêu chuẩn 3	Các khoa chuyên môn, P.Đào tạo	
	Tiêu chuẩn 4	Các khoa chuyên môn, P.Đào tạo	
	Tiêu chuẩn 5	Các khoa chuyên môn, Phòng HC-TC	
	Tiêu chuẩn 6	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 7	Các khoa chuyên môn, Phòng HC-TC	
	Tiêu chuẩn 8	Các khoa chuyên môn, Phòng HC-TC	
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		
	Tiêu chuẩn 1	Các khoa chuyên môn	Bùi Đăng Linh <i>Phó Hiệu trưởng</i>
	Tiêu chuẩn 2	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 3	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 4	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 5	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 6	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 7	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 8	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 9	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 10	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 11	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 12	Các khoa chuyên môn	
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.		
	Tiêu chuẩn 1	Các khoa chuyên môn, phòng QTTB	Nguyễn Hoàng Minh <i>Trưởng phòng QTTB</i>
	Tiêu chuẩn 2	Các khoa chuyên môn, phòng QTTB	
	Tiêu chuẩn 3	Các khoa chuyên môn, phòng QTTB	
	Tiêu chuẩn 4	Các khoa chuyên môn, phòng QTTB	
	Tiêu chuẩn 5	Các khoa chuyên môn, phòng QTTB	
	Tiêu chuẩn 6	Các khoa chuyên môn, Thư viện	
	Tiêu chuẩn 7	Các khoa chuyên môn, Thư viện	
	Tiêu chuẩn 8	Các khoa chuyên môn	
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học		
	Tiêu chuẩn 1	Các khoa chuyên môn, Phòng CTHS-SV&QHXN	Trần Thanh Hiệp <i>Trưởng phòng CTHS-SV&QHXN</i> Phan Ngọc Yến <i>Bí thư Đoàn trường</i>
	Tiêu chuẩn 2	Các khoa chuyên môn, P.Đào tạo	
	Tiêu chuẩn 3	Các khoa chuyên môn, Phòng CTHS-SV&QHXN	
	Tiêu chuẩn 4	Các khoa chuyên môn, Đoàn trường	
7	Tiêu chí 7 : Giám sát và đánh giá chất lượng		

	Tiêu chuẩn 1	Các khoa chuyên môn, Phòng CTHS-SV&QHYN	Trần Minh Tuấn <i>Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng</i>
	Tiêu chuẩn 2	Các khoa chuyên môn, Phòng CTHS-SV&QHYN	
	Tiêu chuẩn 3	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 4	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 5	Các khoa chuyên môn	
	Tiêu chuẩn 6	Các khoa chuyên môn, P.Đào tạo	
	Tiêu chuẩn 7	Các khoa chuyên môn, Phòng CTHS-SV&QHYN	
	Tiêu chuẩn 8	Các khoa chuyên môn, Phòng CTHS-SV&QHYN	

7. Nội dung công việc - thời gian thực hiện

Thời gian	Công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 14/6/2024 Đến 15/6/2024	Chuẩn bị công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) năm 2020. Áp dụng các biểu mẫu theo quy định tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được ban hành năm 2020.	Thư ký Hội đồng, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
	Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT của Nhà trường.	
	Phân công các thành viên trong Hội đồng phụ trách các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá.	Hội đồng tự đánh giá
	Cung cấp hướng dẫn đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT cho các phòng, khoa trong trường (Công văn 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp).	Hội đồng tự đánh giá
Từ 15/6/2024 Đến 30/7/2024	Thu thập thông tin, minh chứng bổ sung theo phân công, đề xuất minh chứng thay thế (nếu có) Dựa trên tình hình thực tế và các minh chứng viết báo cáo theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công. Đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân và kế hoạch nâng cao chất lượng.	Các Khoa, phòng, Đoàn thể thuộc trường

Từ 01/8/2024 Đến 21/8/2024	Tiếp nhận các báo cáo, minh chứng các tiêu chí, tiêu chuẩn của các đơn vị gửi về phân loại, mã hóa lại hệ thống minh chứng theo chuẩn	Thư ký Hội đồng
	Tổng hợp báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn gửi các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT theo lĩnh vực phụ trách	
	Đọc báo cáo xem xét các tiêu chí, tiêu chuẩn và cho ý kiến phản hồi về thư ký Hội đồng tự đánh giá	Các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá
Từ 22/8/2024 đến 30/8/2024	Hoàn thiện báo cáo trên cơ sở các ý kiến đóng góp	Thư ký Hội đồng
	Thông qua báo cáo	Hội đồng tự đánh giá
Từ 05/9/2024 đến 10/9/2024	Hoàn chỉnh báo cáo, in ấn, đóng quyển theo quy định ký duyệt	Hội đồng tự đánh giá Ban giám hiệu
30/9/2024	Công bố kết quả tự đánh giá các chương trình đào tạo	Phòng KT&ĐBCL
Từ 30/9/2024 đến 30/10/2024	Thành lập Đoàn đánh giá để rà soát, kiểm tra nội dung, chất lượng báo cáo, minh chứng chuẩn bị cho đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo.	Phòng KT&ĐBCL

*** Yêu cầu chung:** Báo cáo kết quả tự đánh giá bắt buộc phải soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 theo yêu cầu của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

8. Kinh phí đảm bảo:

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được cân đối chi từ nguồn dự toán kinh phí của trường.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của nhà trường năm 2024, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Đề nghị tất cả các Phòng, khoa, thuộc trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG

ThS. Lê Thị Ngọc Thuần

Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng

(Theo mẫu 4.3 tại Thông tư 28/2017/BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
2			1.1.02		Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
3			1.1.03		Báo cáo phân tích thị trường lao động năm và dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm tại TPHCM
4			1.1.04		Thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp hàng năm
5			1.1.05		Địa chỉ Website của trường; Video giới thiệu về trường; Các bài báo
6			1.1.06		Hợp đồng kinh tế quảng bá tuyển sinh các năm
7			1.1.07		Biên bản họp rà soát mục tiêu của CTĐT hàng năm
			1.1.08		Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
			1.1.09		Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
			1.1.10		Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm
		2		1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
			1.2.01		Quyết định thành lập Khoa Điện tử
			1.2.02		Kế hoạch công tác của Khoa hàng năm
			1.2.03		Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ năm học
			1.2.04		Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Điện tử

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			1.2.05		Báo cáo tổng kết hàng năm của trường
			1.2.06		Hồ sơ khen thưởng của Khoa Điện tử
	1	3	1.3.01		Quyết định giao dự toán hàng năm của Ủy ban
			1.3.02		Quy định mức thu học phí
			1.3.03		Hồ sơ xây dựng và ban hành Định mức kinh tế, kỹ thuật nghề Điện tử công nghiệp
				1.2.02	Kế hoạch công tác của Khoa hàng năm
			1.3.04		Báo cáo tình hình thu ngân sách, sự nghiệp, dịch vụ hàng năm
			1.3.05		Báo cáo quyết toán tài chính
			1.3.06		Biên bản, Kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động GDNN của Sở LĐTĐBXH TPHCM
	2	1	2.1.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
			2.1.02		Các Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng
			2.1.03		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh
			2.1.04		Kế hoạch tuyển sinh
			2.1.05		Thông báo tuyển sinh
			2.1.06		Hồ sơ tuyển sinh
			2.1.07		Biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh
			2.1.08		Các Quyết định về việc công nhận danh sách trúng tuyển nghề Điện tử công nghiệp hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.1.09		Giấy báo trúng tuyển nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
			2.1.10		Các Quyết định mở lớp đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
			2.1.11		Quy trình tuyển sinh
			2.1.12		Báo cáo tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh năm học
			2.1.13		Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh và cấp phát bằng hàng năm
				1.3.06	Biên bản, Kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động GDNN của Sở LĐTĐ TP HCM
				1.1.10	Báo cáo kết quả khảo sát hàng năm
	2	2	2.2.01		Các Kế hoạch đào tạo toàn khóa
			2.2.02		Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				1.2.02	Kế hoạch công tác của Khoa hàng năm
			2.2.03		Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm
			2.2.04		Thời khóa biểu hàng năm
			2.2.05		Sổ lên lớp hàng năm
			2.2.06		Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên hàng năm
			2.2.07		Quy định về hồ sơ biểu mẫu trong đào tạo
			2.2.08		Các Kế hoạch thanh kiểm tra hoạt động đào tạo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.2.09		Biên bản thanh kiểm tra hàng năm
			2.2.10		Các Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra hoạt động đào tạo hàng năm
	2	3		1.1.01	Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo
				1.2.02	Kế hoạch công tác của khoa hàng năm
				2.2.03	Bảng phân môn giờ dạy hàng năm
				2.2.06	Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên hàng năm
				2.2.09	Biên bản thanh kiểm tra hàng năm
				2.2.10	Các Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra hoạt động đào tạo hàng năm
			2.3.01		Phần mềm chương trình quản lý đào tạo; Phần mềm quản lý học sinh sinh viên
			2.3.02		Danh sách các phần mềm sử dụng trong giảng dạy
				2.2.06	Hồ sơ giáo vụ (Giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp hàng năm)
	2	4		1.1.01	Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và chương trình đào tạo kèm theo
			2.4.01		Hợp đồng/ Biên bản thỏa thuận về việc đưa học sinh sinh viên của nghề Điện tử công nghiệp đến thực tập tại các doanh nghiệp
			2.4.02		Kế hoạch thực tập Doanh nghiệp của SV các năm
			2.4.03		Các Quyết định đưa SV đi thực tập tại Doanh nghiệp và danh sách kèm theo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.4.04		Phiếu nhận xét thực tập của SV
			2.4.05		Đề cương thực tập tốt nghiệp
			2.4.06		Báo cáo thực tập tốt nghiệp của sinh viên các khóa
			2.4.07		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
	2	5	2.5.01		Các quyết định ban hành Quy chế tổ chức đào tạo
			2.5.02		Các quyết định ban hành Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp
			2.5.03		Bộ đề cương ôn tập tốt nghiệp
			2.5.04		Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun
			2.5.05		Quy trình tổ chức thi tốt nghiệp
			2.5.06		Kế hoạch và Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp
			2.5.07		Biên bản xét điều kiện thi tốt nghiệp; Biên bản xét công nhận tốt nghiệp
				2.4.07	Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				1.2.04	Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Điện tử
				1.2.05	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường
			2.5.08		Quy chế Công tác học sinh sinh viên
			2.5.09		Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.5.10		Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
			2.5.11		Quyết định về việc ban hành qui chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng
			2.5.12		Quyết định về phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, cao đẳng
			2.5.13		Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp
			2.5.14		Biên bản về việc kiểm tra cấp phát bằng hàng năm
			2.5.15		Hồ sơ sinh viên nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				2.2.08	Các Kế hoạch thanh kiểm tra hoạt động đào tạo
				2.2.09	Biên bản thanh kiểm tra hàng năm
				1.3.06	Biên bản, kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động GDNN của Sở LĐTBXH TPHCM
	2	6		1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
				1.2.01	Quyết định thành lập Khoa Điện tử
			2.6.01		Quy định của nhà trường về công tác thanh tra và kiểm soát nội bộ
			2.6.02		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm
				2.2.02	Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				2.2.03	Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm
				2.2.04	Thời khóa biểu hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				2.2.06	Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên hàng năm
			2.6.03		Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm
			2.6.04		Kế hoạch dự giờ, phiếu dự giờ hàng năm
				2.2.10	Các Báo cáo kết quả thanh kiểm tra hoạt động đào tạo hàng năm
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
		7		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
				2.1.02	Các Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng
				2.5.01	Các quyết định ban hành Quy chế tổ chức đào tạo
				1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
				2.1.05	Thông báo tuyển sinh
				2.1.03	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh
				2.1.07	Biên bản họp của hội đồng tuyển sinh
				2.1.10	Các Quyết định mở lớp đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				1.2.04	Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Điện tử

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.2.05	Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường
	3	1	3.1.01		Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa Điện tử hàng năm
			3.1.02		Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu các phòng, khoa giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
			3.1.03		Danh sách trích ngang GV thỉnh giảng nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
			3.1.04		Hồ sơ nhà giáo Khoa Điện tử giảng viên Khoa Điện tử hàng năm
			3.1.05		Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm
			3.1.06		Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo Khoa Điện tử hàng năm
				1.2.04	Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Điện tử
				1.2.05	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	3	2	3.2.01		Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN
			3.2.02		Các Quyết định về phân công công tác giáo viên chủ nhiệm hàng năm
			3.2.03		Danh sách giáo viên phụ trách phòng xưởng thực hành hàng năm
				2.2.02	Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				2.2.03	Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm
				2.2.04	Thời khóa biểu hàng năm
				2.2.06	Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên hàng năm
				2.6.03	Biên bản thanh tra đào tạo hàng năm
				3.1.05	Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm;
				3.1.06	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo Khoa Điện tử hàng năm
			3.2.04		Phiếu đánh giá xếp loại viên chức của giảng viên giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
			3.2.05		Kết quả đánh giá phân loại cán bộ, viên chức hàng năm
			3.2.06		Quyết định khen thưởng hàng năm của Trường
			3.2.07		Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giảng viên thỉnh giảng hàng năm
				1.2.04	Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Điện tử
				1.2.05	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường
		3	3	3.2.01	Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN
				3.2.07	Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giảng viên thỉnh giảng hàng năm
				3.1.01	Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa Điện tử hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				3.1.02	Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu các phòng, khoa giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				3.1.03	Danh sách trích ngang GV thỉnh giảng nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				2.2.02	Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				2.2.03	Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm
				2.2.04	Thời khóa biểu hàng năm
			3.3.01		Danh sách các lớp cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp
			3.3.02		Bảng tính sinh viên quy đổi nghề Điện tử công nghiệp
			3.3.03		Bảng tính giáo viên quy đổi nghề Điện tử công nghiệp
			3.3.04		Quy chế chi tiêu nội bộ các năm
			3.3.05		Thống kê số giờ giảng dạy của giảng viên Khoa Điện tử
			3.3.06		Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền giờ vượt
				1.2.04	Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Điện tử
				1.2.05	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường
				1.3.06	Biên bản, Kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động GDNN của Sở LĐTBXH TPHCM
	3	4		1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường
				3.2.01	Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			3.4.01		Quy định về nghiên cứu khoa học
			3.4.02		Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động nghiên cứu Khoa học
			3.4.03		Quy trình nghiên cứu khoa học
				1.2.01	Quyết định thành lập Khoa Điện tử
			3.4.04		Danh sách giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề Điện tử công nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học
			3.4.05		Hồ sơ nghiên cứu khoa học của giảng viên Khoa Điện tử các năm
			3.4.06		Các quyết định công nhận kết quả đề tài các đề tài nghiên cứu khoa học, cấp trường
			3.4.07		Kế hoạch hội giảng, danh sách giáo viên và tên bài giảng hội giảng cấp khoa
			3.4.08		Danh sách giáo viên nghề Điện tử công nghiệp tham gia hội giảng cấp trường và các cấp trên
			3.4.09		Bảng khen, giấy khen giáo viên nghề Điện tử công nghiệp tham gia hội giảng cấp trường và các cấp trên
			3.4.10		Quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm các năm
	3	5		3.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm
			3.5.01		Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo của giáo viên giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp
			3.5.02		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên, giảng viên
			3.5.03		Các Quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng và danh sách kèm theo.

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			3.5.04		Kế hoạch giảng viên thực tập doanh nghiệp
			3.5.05		Báo cáo thực tập doanh nghiệp của giảng viên
	3	6		3.2.01	Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN
				3.1.01	Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa Điện tử hàng năm
				3.5.04	Kế hoạch giảng viên thực tập doanh nghiệp
				3.5.05	Báo cáo thực tập doanh nghiệp của giảng viên
			3.6.01		Quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
			3.6.02		Danh sách giảng viên đi thực tập tại doanh nghiệp
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	3	7	3.7.01		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên Khoa Điện tử
			3.7.02		Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nghề Điện tử công nghiệp
	3	8		3.2.01	Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN
				3.1.05	Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				3.1.06	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo Khoa Điện tử hàng năm
				3.2.04	Phiếu đánh giá xếp loại viên chức của giảng viên giảng dạy nghề Điện tử công nghiệp các năm
				3.2.05	Kết quả đánh giá phân loại các bộ, viên chức các năm;
				3.2.06	Quyết định khen thưởng hàng năm của Trường
	4	1	4.1.01		Quyết định thành lập tổ xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo
			4.1.02		Văn bản họp tổ chỉnh sửa xây dựng chương trình đào tạo
			4.1.03		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
			4.1.04		Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
				1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	4	2		4.1.01	Quyết định thành lập tổ xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo
				4.1.02	Văn bản họp tổ chỉnh sửa xây dựng chương trình đào tạo
				4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
				4.1.04	Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	4	3		1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
	4	4		1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	4	5		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
				1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	4	6		1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	4	7		4.1.01	Quyết định thành lập tổ xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo
				4.1.02	Văn bản họp tổ chỉnh sửa xây dựng chương trình đào tạo
				4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
				4.1.04	Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
				1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	4	8		1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
	4	9		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
				1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			4.9.01		Quyết định về ban hành giáo trình
			4.9.02		Danh sách thống kê giáo trình cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp
	4	10	4.10.01		Kế hoạch tổ chức rà soát biên soạn và bổ sung giáo trình
			4.10.02		Quy trình biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy
			4.10.03		Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
			4.10.04		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
			4.10.05		Các biên bản họp Ban biên soạn Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
			4.10.06		Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
				4.9.01	Quyết định về ban hành giáo trình
				4.9.02	Danh sách thống kê giáo trình cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp
			4.10.07		Bản in giáo trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp
	4	11		4.9.01	Quyết định về ban hành giáo trình

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				4.9.02	Danh sách thống kê giáo trình cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp
				4.10.07	Bản in giáo trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp
				4.10.03	Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
				4.10.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
				4.10.05	Các biên bản họp Ban biên soạn Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
				4.10.06	Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	4	12		4.10.03	Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
				4.10.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
				4.10.05	Các biên bản họp Ban biên soạn Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
				4.10.06	Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	5	1	5.1.01		Quyết định thành lập Trường; Quyết định đổi tên Trường
			5.1.02		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
			5.1.03		Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng
			5.1.04		Thống kê số lượng, diện tích, vị trí của phòng học, phòng thực hành chuyên môn
			5.1.05		Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành nghề ĐTCN
			5.1.06		Bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước, hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện
			5.1.07		Các Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường
			5.1.08		Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp
			5.1.09		Hồ sơ máy phát điện dự phòng của Trường
			5.1.10		Hồ sơ thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy
			5.1.11		Hồ sơ công tác PCCC
			5.1.12		Các biên bản kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy
			5.1.13		Qui định về quản lý, sử dụng tài sản công
			5.1.14		Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất
			5.1.15		Danh sách đội ngũ nhân viên vệ sinh
			5.1.16		Hợp đồng công ty vệ sinh môi trường
	5	2	5.2.01		Hợp đồng kinh tế về mua sắm thiết bị

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				5.1.05	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành nghề ĐTCN
			5.2.02		Hồ sơ NCKH về chế tạo thiết bị đào tạo tự làm
			5.2.03		Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ hàng năm
			5.2.04		Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị hàng năm(ngành ĐTCN)
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	5	3		5.1.05	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành nghề ĐTCN
				5.2.02	Hồ sơ NCKH về chế tạo thiết bị đào tạo tự làm
				5.2.03	Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
				5.2.04	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị hàng năm (ngành ĐTCN)
				2.2.01	Các Kế hoạch đào tạo toàn khóa
				2.2.02	Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				1.2.02	Kế hoạch công tác của Khoa hàng năm
				2.2.03	Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm
				2.2.04	Thời khóa biểu hàng năm
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	5	4		5.1.05	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành nghề ĐTCN
			5.4.01		Sơ đồ, hình ảnh bố trí thiết bị trong phòng thực hành
			5.4.02		Nội quy phòng thực hành
			5.4.03		Quy định của Trường về sử dụng phòng học lý thuyết, phòng thực hành
			5.4.04		Biên bản kiểm tra về an toàn lao động hàng năm
				2.2.01	Các Kế hoạch đào tạo toàn khóa
				2.2.02	Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
				2.2.03	Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện tử hàng năm
				2.2.04	Thời khóa biểu hàng năm
				5.1.13	Qui định về quản lý, sử dụng tài sản công
			5.4.05		Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc
			5.4.06		Báo cáo công tác quản trị cơ sở vật chất và thiết bị hàng năm
				5.2.04	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị hàng năm(nghề ĐTCN)
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	5	5		1.3.03	Hồ sơ xây dựng và ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Điện tử công nghiệp

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.5.01		Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo
			5.5.02		Quy trình cấp phát vật tư
			5.5.03		Sổ theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo
			5.5.04		Biên bản bàn giao phụ liệu thực hành
			5.5.05		Báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng
				3.3.05	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm
			5.5.06		Hình ảnh các kho, xưởng
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	5	6		1.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp và Chương trình đào tạo kèm theo
				4.9.01	Quyết định về ban hành giáo trình
				4.9.02	Danh sách thống kê giáo trình cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp
			5.6.01		Danh mục giáo trình nghề Điện tử công nghiệp được số hóa
			5.6.02		Danh mục tài liệu tham khảo nghề Điện tử công nghiệp được số hóa
			5.6.03		Báo cáo tổng kết công tác thư viện
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	5	7	5.7.01		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện
			5.7.02		Phần mềm thư viện điện tử
			5.7.03		Nội qui sử dụng máy vi tính tại thư viện
			5.7.04		Sơ đồ mạng LAN
			5.7.05		Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet
				5.6.03	Báo cáo tổng kết công tác thư viện
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	5	8	5.8.01		Danh sách và hình chụp các phần mềm ảo mô phỏng trong giảng dạy ngành ĐTCN
			5.8.02		Bài giảng điện tử của giáo viên
	6	1	6.1.01		Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa hàng năm
				1.3.02	Quy định mức thu học phí các năm
				2.5.01	Các quyết định ban hành Quy chế tổ chức đào tạo
				2.5.02	Các quyết định ban hành Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp;
			6.1.02		Sổ tay HSSV
			6.1.03		Kế hoạch chào cờ hàng tháng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			6.1.04		Biên bản họp lớp sinh hoạt GVCN
	6	2		1.3.02	Quy định mức thu học phí các năm
				1.2.01	Quyết định thành lập Khoa Điện tử
				1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
			6.2.01		Quyết định về miễn giảm học phí các năm
			6.2.02		Danh sách sinh viên nghề ĐTCN được miễn giảm học phí các năm
			6.2.03		Quyết định trao học bổng hàng năm
			6.2.04		Danh sách người học được nhận học bổng
			6.2.05		Các Quyết định khen thưởng đối với học sinh sinh viên
				3.2.02	Các Quyết định về phân công công tác giáo viên chủ nhiệm hàng năm
				6.1.04	Biên bản họp lớp sinh hoạt GVCN
				1.2.04	Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Điện tử
				1.2.05	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	6	3	6.3.01		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tiếp xúc nhà tuyển dụng tại Trường hàng năm
				1.1.04	Thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			6.3.02		Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm tại Trường
			6.3.03		Báo cáo kết quả công tác tư vấn việc làm hàng năm
				1.2.04	Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Điện tử
				1.2.05	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	6	4	6.4.01		Hình ảnh khu thể thao, Hội trường
			6.4.02		Các kế hoạch tổ chức các hoạt động của Đoàn thanh niên trong các năm học
			6.4.03		Báo cáo các hoạt động công tác đoàn hàng năm
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	7	1	7.1.01		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	7	2	7.2.01		Danh sách lấy ý kiến khảo sát lần vết hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
				2.4.07	Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề Điện tử công nghiệp hàng năm
	7	3	7.3.01		Danh sách CBQLVCNLD tham gia khảo sát hàng năm
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	7	4	7.4.01		Danh sách HSSV tham gia khảo sát hàng năm
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
	7	5	7.5.01		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề ĐTCN các năm
			7.5.02		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề ĐTCN các năm
			7.5.03		Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng các năm
			7.5.04		Hình chụp Web trường đăng kết quả tự đánh giá nghề ĐTCN
	7	6		7.5.03	Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề ĐTCN trình độ cao đẳng các năm
			7.6.01		Kế hoạch hàng năm cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			7.6.02		Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung cần cải thiện sau đánh giá chất lượng
	7	7		1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm
				7.2.02	Danh sách lấy ý kiến khảo sát lần vết hàng năm
				2.4.07	Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề ĐTCN hàng năm
	7	8		7.1.01	Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến
				1.1.08	Kế hoạch khảo sát ý kiến hàng năm
				1.1.09	Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng
				1.1.10	Tổng hợp ý kiến khảo sát đánh giá chất lượng hàng năm